

DELOG (*)
HÀNH TRÌNH TỚI CÁC CÕI BÊN KIA CÁI CHẾT
DELOG DAWA DROLMA

Richard Barron dịch sang Anh ngữ từ tiếng Tây Tạng dưới sự
hướng dẫn của
Đức Tôn Quý Chagdud Tulku Rinpoche - Bản dịch Việt ngữ của
Liên Hoa, Bản Hiệu đính 2006

Nguyên tác :

DELOG : Journey to Realms Beyond Death
Delog Dawa Drolma

Tranlated by : Richard Barron © Padma Publishing
1995

NỘI DUNG

* Dẫn nhập của Chagdud Tulku

1 Núi Huy Hoàng Màu-Đông Đỏ: Cõi Thuần tịnh
của Đức Padmasambhava

2 Những Quán chiếu trong Tám Gương Pha lê:
Sáu Cõi Bất tịnh

3 Núi Potala: Cõi Thuần tịnh của Đức
Avalokiteshvara

4 Yulokod: Cõi Thuần tịnh của Đức Tara

5 Cầu Thang đưa tới Giải thoát: Tóm lược những
Hậu quả của Đức hạnh và Ác hạnh

* Chú thích

DẪN NHẬP CHAGDUD TULKU

Khi còn là một đứa bé ở Tây Tạng, thỉnh thoảng tôi tìm thấy mẹ tôi, Delog Dawa Drolma, được những thính giả vây quanh và hết sức chăm chú lắng nghe bà nói về những cuộc du hành của bà tới các cõi giới khác. Khuôn mặt bà sáng ngời khi đề cập tới các Bản tôn trong các cõi thanh tịnh; những giọt nước mắt tuôn rơi khi bà tả lại



những khốn khổ của chúng sinh trong địa ngục và các nạ quỷ (preta), hay các tinh linh đau khổ. Bà nói về việc gặp gỡ những thân quyến đã chết của những người nào đó, và từ người chết bà tiếp âm tới người sống những bận tâm về những công việc không ngừng dứt (có thể là những đồng tiền hay châu báu được chôn dấu mà không thể xác định vị trí) hoặc những van nài khẩn thiết xin được cầu nguyện hoặc cử hành các buổi lễ. Bà cũng đem về lời dạy tâm linh của những Lạt ma cao cấp đã lìa bỏ thế giới này và các Lạt ma ở bờ bên đây của cái chết đã đáp lại nó bằng sự cung kính sâu xa.

Mẹ tôi được tôn kính trên khắp đất nước Tây Tạng bởi những năng lực siêu phàm như một Lạt ma, nhưng bà nổi tiếng hơn vì là một delog (phiên âm theo Anh ngữ là DAY-loak), người đã vượt qua ngưỡng cửa của cái chết và trở về thuật lại chuyện đó. Điều bà thuật lại không phải là một kinh nghiệm cận tử hão huyền hay nhất thời. Suốt năm ngày, bà nằm lạnh ngắt, ngừng thở, và không có bất kỳ dấu hiệu nào của sự sống, trong khi tâm thức bà du hành tự do tới các cõi giới khác, luôn luôn được vị thiên nữ trí tuệ Tara Trắng hộ tống. Bà thực hiện cuộc du hành của mình như một delog phù hợp với các giáo huấn đã nhận từ Đức Tara trong các linh kiến, nhưng đi

ngịch lại ước muốn của các Lạt ma của bà, các ngài nài xin bà đừng làm một việc mạo hiểm như thế.

Đặc biệt là bà, một thiếu nữ mười sáu tuổi, có nhiều xác quyết trong thiên định khiến bà trở vượt hơn các vị Lạt ma hết sức uyên thâm và lớn tuổi hơn bà. Tuy thế, bản thân bà được xác nhận là một hiện thân của Đức Tara Trắng, một năng lực mạnh mẽ của tâm giác ngộ vì sự trường thọ và giải thoát của chúng sinh. Suốt thời thơ ấu, Dawa Drolma đã biểu lộ một lòng bi mẫn sâu xa. Không người hành khát nào tới lều của chúng tôi phải ra đi mà không có quà tặng của bà là bất kỳ thứ gì bà có thể đặt tay lên - gia đình tôi phải cất dấu những món quý giá kéo bà đem cho mất.

Căn lều bằng nỉ đen của gia đình chúng tôi có thể chứa bốn trăm người trong suốt những buổi lễ lớn. Mọi người thể hiện lòng tôn kính đối với Dawa Drolma bằng cách mời bà ngồi trên một cái ngai cùng với các Lạt ma cao cấp khác, kể cả bốn người chú của bà là những vị nổi tiếng khắp miền đông Tây Tạng. Bản thân bà là người cầu toàn trong việc cử hành nghi lễ. Vài năm trước tôi đã gặp một nhà sư, ông nhớ lại về giận dữ của bà khi ông thổi kangling (kèn lễ) quá tệ. Sự hiện diện của bà thôi thúc mọi người phải cẩn trọng trong từng giai đoạn thực hành nỗ lực lẫn việc nhận ra rằng bản tánh nền tảng của những giai đoạn này là sự tỉnh giác không cần dụng công.

Những giấc mơ và linh kiến của bà là những khám phá của sự chứng ngộ, và chúng chuẩn bị cho kinh nghiệm delog của bà được rõ ràng đáng tin cậy trong các giáo huấn. Những e ngại của các Lạt ma khẩn nài bà đừng thực hiện một cuộc du hành như thế - đúng ra là ăn chay, dùng thuốc, và cử hành các buổi lễ - không phải là không có căn cứ, tuy nhiên - sau khi bà mất và đi tới cõi thuần tịnh của Đức Padmasambhava, bà gặp người chú quá cố của bà là Đạo sư tôn kính Khakyod Wangpo, ngài cảnh báo là

bà sẽ gặp nguy hiểm khi ở lại và bảo bà nên trở về cõi người để làm lợi ích chúng sinh.

Sau này, khi bà du hành qua bardo, hay trạng thái trung gian giữa cái chết và sự tái sinh, và tới các cõi địa ngục và ngạ quỷ, một hiện thân của nữ Bồ tôn Vajravarahi tỏ vẻ nghi ngờ việc Dawa Drolma có thể đem lại nhiều lợi lạc. “Con gái của ta, có thể con cần trở về cõi người. Nhưng.. khi đã tái sinh làm một phụ nữ, con sẽ có chút uy quyền.. Sẽ khó làm cho chúng sinh trong thời đại suy hoại này tin rằng những tường thuật của con là chân thực.”

Đức Tara Trắng không đồng ý với tuyên bố này, Ngài nói: “Cô ta là một nữ anh hùng với tâm hồn dũng cảm,” và nói thêm rằng bà đừng nên nghe lời những ai cố gắng gây trở ngại cho bà. “Nếu cô ta trở về thế giới con người, cô ấy có thể nói rõ những chọn lựa đạo đức trong việc chấp nhận những thiện hạnh và từ bỏ các ác hạnh. Cô ấy có thể xoay chuyển tâm thức của chúng sinh hữu tình.”

Quả thực kinh nghiệm trực tiếp về những cõi giới khác đã làm cho mẹ tôi có một quyền lực tâm linh vĩ đại khi bà giảng về hành vi đúng đắn và nhân quả nghiệp báo. Không ai nghi ngờ điều bà nói, không chỉ vì những Lạt ma vĩ đại như Tromge Trungpa đã chứng kiến tử thi của bà trở lại cuộc đời, mà cũng bởi bà đã biết chỗ cất dấu những đồng tiền và những hành động của người đã khuất trước khi họ chết - là những việc mà bà không thể biết nếu không được những người bà gặp trực tiếp cho biết khi bà là một delog. Sau này trong đời bà, một trong những người cộng tác nhiệt thành nhất trong những công trình của bà là một thương gia Tây Tạng, ông ta từng là một người vô thần cứng đầu trong vùng cho tới khi mẹ tôi gọi tới ông thông tin về số tiền chôn dấu của người chị quá cố của ông.

Ở đây, tường thuật của Dewa Drolma sống động như tường thuật của một du khách miêu tả một xứ sở người ấy đã viếng thăm, tuy thế tường thuật của bà thực sự là một cuộc hành trình của tâm thức qua những phô diễn thanh tịnh và bất tịnh của tâm. Nó bắt đầu khi, như Đức Tara chỉ dạy, “Tôi để tâm tôi an trụ. Trong một tâm thái khoáng đạt và cực kỳ hỉ lạc, tôi kinh nghiệm một trạng thái hoàn toàn trong sáng.. Tôi hoàn toàn tỉnh giác về trạng thái nền tảng của tâm tôi trong mọi tính chất thông thường của nó. Bởi giác tánh đó không bị ngăn che, tôi như thể nghe được tất cả những âm thanh và tiếng nói trong mọi xứ sở, chứ không chỉ ở vùng lân cận.”

Khi sự tham luyến, sân hận và si mê thông thường của sự nhị nguyên đối tượng-chủ thể hoàn toàn biến mất, ta kinh nghiệm giác tánh không bị tạo tác, trần trụi - tuyệt đối, không hai, siêu vượt ý niệm, tánh Không tràn đầy mọi phẩm tính thuần tịnh và năng lực để hiển lộ như hình tượng bất khả phân với tánh Không. Đây là Phật tánh, bị ngăn che và không được nhận ra trong tâm chúng sinh, nhưng hoàn toàn được hiển lộ nơi những bậc giác ngộ.

Để làm lợi ích chúng sinh, các bậc giác ngộ hóa hiện một cách tự nhiên các cõi của sự xuất hiện thuần tịnh, chẳng hạn như Núi Huy Hoàng Màu-Đỏ của Đức Padmasambhava, Núi Potala (Phổ Đà) của Đức Avalokiteshvara, và Yulokod của Đức Tara. Những hành giả đã tịnh hóa dòng tâm thức và những người đã tích tập công đức rộng lớn nhờ thiện hạnh của họ có thể kinh nghiệm các cõi thuần tịnh trong các linh kiến, trong các giấc mơ, hoặc, như mẹ tôi đã làm, như một delog. Đúng về phương diện địa lý vũ trụ thì tường thuật của bà hết sức đặc biệt. Nó được miêu tả đầy đủ chi tiết, tuy thế chắc chắn là những cõi giới mà bà thăm viếng là sự phô diễn tráng lệ của bản tánh tâm, được kinh nghiệm khi thiền định xuyên thủng những giới hạn của tri giác bình phàm.

Các cõi thuần tịnh là sự phô diễn của tâm, nhưng vì thế nó cũng là trạng thái bardo và sáu nơi đến của sự tái sinh. Khác biệt nằm ở chỗ các cõi thuần tịnh là sự phô diễn của giác tánh giác ngộ, trong khi sáu cõi và bardo là sự phô diễn của mê lầm và sự phóng chiếu của những độc chất của tâm. Cõi địa ngục là một phóng chiếu của sự thù ghét, sân hận và ác hạnh sát sinh; cõi ngạ quỷ là một phóng chiếu của sự tham lam và thèm muốn; cõi súc sinh là một phóng chiếu của sự ngu si; cõi bán thần là phóng chiếu của đức hạnh bị ô nhiễm bởi sự ganh tị; cõi trời là một phóng chiếu của đức hạnh bị hư hỏng bởi sự kiêu ngạo; cõi người là một phóng chiếu của một sự hòa trộn tất cả năm độc kết hợp với đức hạnh tối thiểu để ngăn chặn việc tái sinh nơi các cõi thấp. Tái sinh làm người may mắn được đặt nền trên một số lượng đức hạnh rộng lớn và giúp cho ta thực hành một con đường tâm linh. Mẹ tôi thường nói: “Cho dù cuộc sống làm người của con có khó khăn tới đâu, nhưng những khó khăn ở đây không thể so sánh với những khốn khổ trong các cõi thấp.”

Loài người và súc sinh cùng sống trong thế giới này và cùng có khuynh hướng nhìn mọi sự như cái gì hết sức vững chắc, thật có. Khi cái chết chia cách tâm và thân, và lột trần sự kiên cố tương đối của sắc tướng, tâm thức trần trụi đi vào trạng thái bardo sau-cái chết. Nếu không sớm đạt được giải thoát trong sự phô diễn thuần tịnh của bardo chân tánh của thực tại, thì tâm thức của ta bị đẩy vào bardo trở thành, sau giai đoạn này nó sẽ tái sinh ở một trong sáu cõi của kinh nghiệm phù hợp với nghiệp của ta.

Như thể trong một giấc mơ hay ảo giác, chúng sinh trôi lênh bênh ở trong và ngoài tri giác của Dawa Drolma như những bông tuyết. Trong chốc lát bà gặp gỡ một người quen đang chịu đựng những đau khổ ghê gớm nhất của địa ngục hay một ngạ quỷ trải qua những thống khổ của sự thiếu thốn cực độ; giây lát kế tiếp bà gặp một người đức hạnh trên đường đi tới một

cõi thuần tịnh hay một vị trong một cõi trời. Thỉnh thoảng, bà thấy toàn bộ đoàn người trong địa ngục hay chúng sinh trong bardo đi tới các cõi thuần tịnh, được dẫn dắt bởi một Lạt ma hay hành giả vĩ đại là những người tới cứu giúp chúng sinh bằng năng lực của những ước nguyện vị tha của mình. Điều này thực sự có ý nghĩa khi ta cầu nguyện “xin vét tận đáy sâu của luân hồi sinh tử và giải thoát chúng sinh.”

Dawa Drolma đối mặt với Yama Dharmaraja, Thần Chết, và cùng với Đức Tara, bà đã tán thán ông ta bằng một bài ca chứng ngộ:

Nếu nhận ra được, thì chính là đây - bản tâm của ta; nếu không nhận ra, đó là Thần Chết phần nộ vĩ đại. Thực ra, đây chính là Đấng Chiến Thắng, Pháp Thân Phổ Hiền (Samantabhadra): Chúng con đảnh lễ và tán thán dưới chân Dharmaraja.

Thật ra, mặc dù trong ý nghĩa tuyệt đối, các cõi luân hồi sinh tử có bản tánh trống không, chỉ là những phóng chiếu của những mê lầm của tâm thức, nhưng trên bình diện tương đối, nỗi khổ mà chúng sinh phải chịu đựng thì không thể phủ nhận được. Khi Dharmaraja cùng các thuộc hạ của ông liên tục đưa ra nhiều bằng chứng, thì chẳng có cách nói dối hay giả đò nào làm giảm bớt được nghiệp quả của ta. Cuộc đời của ta trôi qua trước mắt ta với từng hành vi tốt và xấu được vạch rõ; những nghiệp quả phát sinh một cách tương ứng. Những mô tả ớn lạnh của Dawa Drolma về những hậu quả khủng khiếp của việc sát sinh và hãm hại người khác cảnh báo thật rõ ràng để ta tránh làm những hành động như thế. Mặt khác, những mô tả quyến rũ của bà về những cõi thuần tịnh khiến ta hứng khởi thực hành thiền định Bồ đề tâm và để chứng ngộ bản tánh thuần tịnh của những phẩm tính của tâm.

Sau cái chết, ngay cả khi các nghiệp lực xô đẩy tâm thức ta tái sinh trong vòng luân hồi, nhưng nếu trước đó ta đã từng thực hành khá tốt đẹp để tỉnh giác khẩn cầu Bồn tôn thiên định của ta với đức tin, thì ta tức thời tái sinh trong cõi thuần tịnh của vị Bồn tôn đó.

Sau kinh nghiệm delog của mình, Dawa Drolma làm một cuộc hành hương tới Lhasa, ở đó, với phối ngẫu của bà là một Lạt ma cao cấp, bà đã mang thai tôi. Bà sống với ông bà tôi cho tới khi tôi lên bốn, sau đó di chuyển tới tu viện Tanp'hel Gonpa, muốn tới đó phải mất khoảng một tuần trên lưng ngựa. Một ngôi nhà với quang cảnh đẹp để được xây cao trên sườn núi, và bà sống ở đó, được kính trọng như một Lạt ma và một Dakini, một hiện thân nữ của trí tuệ và hoạt động giác ngộ. Sau đó, bà sinh em gái tôi, T'hrinlay Wangmo, một đứa trẻ phi thường mà cuối cùng được xác nhận là hóa thân của một yogini trí tuệ. Cả em tôi lẫn tôi đều hoang dã và ngang ngạnh, và thỉnh thoảng tôi vẫn còn cảm thấy ân hận về những rắc rối mà tôi đã gây nên cho mẹ tôi. Bà không kèm chế việc sử dụng kỷ luật nghiêm khắc với tôi, nhưng bà cũng quả quyết rằng nếu tôi thực hành Pháp mạnh mẽ và với động lực thanh tịnh thì tôi sẽ đem lại lợi lạc cho chúng sinh. Những lời khuyên dạy của bà gia hộ sâu xa cho con đường của tôi.

Bà mất năm 1941, không lâu sau khi sinh một bé trai, nó cũng chết hai năm sau. Mẹ tôi mất khoảng giữa tuổi ba mươi, khi ấy tôi mười một tuổi. Xác bà vẫn ở tư thế thiên định trong vài ngày, sau đó đổ gục xuống, cho thấy là tâm thức đã thoát đi. Bà được hỏa táng trên mái nhà bà. Các cầu vòng xuất hiện và năm con kên kên, mà trong Phật Giáo Kim Cương thừa là những con vật tượng trưng cho nhãn kiến siêu việt của yogin chứng ngộ, bay liệng trên đầu. Tôi tin chắc rằng bà đã trở về những cõi thuần tịnh, nhưng tôi cũng không nghi ngờ là bà cũng đã trở lại các cõi địa ngục và ngạ quỷ để cứu thoát tất cả những ai có liên hệ với bà. Với lòng bi mẫn, bà tuyệt đối không sợ hãi.

Tôi rời Tây Tạng năm 1959, ngay trước cuộc củng cố xâm lược tàn bạo của Trung Quốc. Năm 1982, sau gần ba mươi năm không có tin tức của gia đình, bất ngờ tôi nhận được một lá thư ngắn của em gái tôi, trong đó kể rằng cô có một bản tường thuật delog của mẹ tôi, đó là bản duy nhất. Sự kiện này giống như một cái móc từ Tây Tạng thả xuống California, tuy thế tôi không thể chụp được nó mãi cho tới năm năm sau khi lập trường chính trị của Trung Quốc đã có phần mềm dẻo hơn. Sau cùng khi tôi về thăm T'hrinlay Wangmo, cô bảo tôi rằng bản văn đã từng bị tịch thu nhưng cô biết được ai giữ nó. Trong những năm tháng khủng khiếp của cuộc Cách Mạng Văn Hoá, khi Kinh điển bị người Trung Quốc dùng làm giấy vệ sinh, cô chẳng thể làm được gì, nhưng ngay khi cảm thấy an toàn, cô đã biếu một số tiền rất lớn để có được bản tường thuật. Chỉ có vài trang bị mất.

Tôi không muốn lấy đi bản gốc của em tôi, nhưng người Trung Quốc ở Szechuan (Tứ Xuyên) thủ phủ của Chengdu (Thành Đô) không cho phép tôi sao chụp nó. Hiểu rằng tôi phải lén đưa nó ra ngoài, tôi có đem sách Tây Tạng từ Hoa Kỳ về và đã liệt kê chúng trong tờ khai quan thuế. Tôi ghi thêm bản tường thuật delog vào danh mục sách của tôi và không bị phiền nhiễu khi quá cảnh ở phi trường.

Vài năm sau, tôi trở về Tây Tạng để đưa cho em gái tôi một bản sao. Tôi vẫn còn giữ bản gốc, tính đến nay tuổi thọ của nó đã hơn sáu mươi, được một người sao chép ghi lại bằng chữ viết tay thật đẹp khi Dawa Drolma thuật lại tiểu sử của bà.

Có những tường thuật delog khác – một trong số đó là tường thuật khá nổi tiếng của nữ hành giả Delog Ling Zha Chhodron. Thư viện Tác phẩm và Văn khố Tây Tạng ở Dharamsala có ít nhất là một tá cuốn. Các delog thường là phụ nữ; một số xuất hiện như những cư sĩ bình thường, nhưng chính kinh nghiệm là một dấu hiệu của sự chứng ngộ thiên định vĩ đại, vì

thể thực ra các ngài không thể là những người bình thường. Những tường thuật của các ngài làm tăng thêm lòng tin của mọi người nơi giáo lý của các Lạt ma về các cõi vô hình.

Tôi không rõ có những tường thuật nào khác từng được dịch ra các ngôn ngữ Tây phương hay không. Tôi thật may mắn có mối liên hệ với dịch giả tuyệt hảo Richard Barron (Chokyi Nyima) và chủ bút rất có năng lực Mary Racine, họ đã cho ra đời bản dịch Anh ngữ tường thuật của Dawa Drolma. Richard Barron chịu trách nhiệm về các chú thích cuối mỗi chương. Mặc dù các chương được viết với ba cõi thuần tịnh ở phần đầu rồi tới cõi bất tịnh nằm trong chương thứ tư, nhưng nội dung của bản văn dường như cho thấy cuộc du hành không được biểu lộ theo thứ tự như trong quyển sách được xuất bản ở đây: Núi Huy Hoàng Màu-Đồng Đỏ, các cõi bất tịnh, Núi Potala, và Yulokod. Chương cuối cùng, được con trai tôi là Jigme Tromge Rinpoche đem từ miền đông Tây Tạng tới Hoa Kỳ năm 1994, là một tóm lược mà phần chính yếu là những kinh nghiệm của Dawa Drolma trong các cõi bất tịnh. Để dễ đọc, bản Anh ngữ là một dịch phẩm bằng văn xuôi có phần thoát ý hơn là một bản dịch thật sát nghĩa theo nguyên bản Tây Tạng được viết theo thể thơ. Cách phiên âm ngữ âm học của cấu trúc ngôn ngữ Tây Tạng được dựa trên một hệ thống mà Nhà Xuất bản Padma sử dụng.

Kinh nghiệm delog thật phi thường, kỳ diệu, ngay cả trong phạm vi bí truyền của các trường phái Phật Giáo Kim Cương thừa Tây Tạng. Tuy thế, tường thuật của Delog Dawa Drolma có năng lực và sự gần gũi của kinh nghiệm trực tiếp, và tôi tin rằng những ai đọc nó sẽ nhận ra rằng các hiện tượng của các cõi giới thì tương ứng với những khía cạnh kinh nghiệm của bản tâm họ. Cầu mong những nhấn nhủ của bà sẽ thôi thúc thành tựu tâm linh tối thượng; cầu mong tất cả những ai đọc những lời chỉ dạy ấy sẽ được đưa dẫn tới những quốc độ của các Đấng Chiến Thắng.

(*) Ghi chú của BBT:

*THE TIBETAN WORD **DELOG** (DAY-loak) refers to one who has crossed the threshold of death and returned to tell about it. For Delog Dawa Drolma, a woman renowned as one of the great realization holders of Vajrayana Buddhism in this century, being a delog meant that she lay without any vital sign of breath, pulse, or warmth for five days. During that time the link between her mind and body was released and her consciousness journeyed to other realms of experience.*

What she saw then, recounted in these pages, engendered in her a limitless compassion for sentient beings. She experienced the almost unimaginable contrast between existence within the pure display of enlightened mind and existence within samsaric delusion and ignorance.

1. **NÚI HUY HOÀNG MÀU ĐỒNG-ĐỎ
CỐI THUẦN TỊNH CỦA ĐỨC
PADMASAMBHAVA**

2.



Con đường mà tôi đề cập tới là một lối đi hẹp, khó khăn và đóng kín.

Để những ai khao khát giải thoát có thể đi vào con đường dẫn tới giải thoát đó

Tôi sẽ nói thêm một chút về vòng hoa lời khuyên dạy có khả năng chữa lành này liên quan tới động lực cao cả hơn.¹

Những tường thuật được kể lại ở đây liên quan tới tôi, Dawa Drolma, con gái của Jigmed T'hrogyal thuộc bộ tộc Tromge, một Lạt ma sống trong vùng Washul T'hrom. Từ khi còn là một đứa trẻ, tôi được phú bẩm một bản tánh bi mẫn, đức tin không định kiến, và thị kiến thanh tịnh. Tình thương của tôi thật mãnh liệt đối với mọi hành khát và những người kém may mắn hơn tôi, và tôi đã hiến mình để cúng dường và bố thí.

Tôi đã thực hiện nhiều cuộc nhập thất trì tụng mãnh liệt, chẳng hạn như tôi đã hoàn tất hàng trăm ngàn lần Lời Khấn nguyện Bảy-Dòng.² Sau này tôi được cảm hứng bởi Dakini Dorje Yudron³ và những Bồ tôn khác của giác tánh nguyên sơ, cũng như bởi một Bồ Tát (bodhisattva) đệ bát địa,⁴ ngài mang thân tướng của một vị trời địa phương, đại nyan siêu phàm ở phương bắc.⁵ Mặc dù các Ngài không hoàn toàn thuật lại quá khứ, hiện tại, và tương lai cho tôi nghe, dù sao thì tôi cũng đã nhận một số lượng phi thường những tiên tri liên quan tới thời đại của chúng ta.

Có một dịp, ba vị Tulku,⁶ cũng như ngài Jatrul⁷ và những vị khác, du hành xuống thung lũng để tham dự một nghi lễ trọng thể, một sự kiện được tổ chức hàng

nằm trong một cái lều lớn bằng nỉ. Vào buổi chiều tối, trước khi các ngài giải tán, tôi có một linh kiến mà nửa là một kinh nghiệm thiền định, nửa là một giấc mộng. Trong linh kiến này, ba yêu ma có tên là “các chị em gãy bẻ samaya”⁸ từ hướng Cao nguyên Lashar tới, lấy cắp sinh lực của chúng sinh trên ba mặt phẳng thuộc sự hiện hữu có điều kiện.⁹ Bà chị chính cầm một lá cờ bằng lụa đen và một sợi thòng lọng; mặc dù nhiều lần bà ta cố cột chúng vào eo lưng tôi, nhưng vị Bồ tôn nghiệp của tôi là Đức Tara tôn quý đã xuất hiện trong một biểu lộ thanh xuân, thân màu trắng chói lọi, và đặt tôi trong một chiếc lều được bảo vệ chặt chẽ khiến sợi thòng lọng không thể đụng tới tôi được.¹⁰

Sau này, tôi có một thị kiến, tôi thấy một người nào đó lại gần và đánh vào xương vai tôi bằng một cuộn len màu lớn bằng cỡ một hòn đá nhỏ, rồi biến mất. Đây là một kinh nghiệm hết sức xấu, nhưng một lần nữa, Đức Tara lại can thiệp và nói: “Bởi sự việc này, ta phải đi Ấn Độ để lấy một ít thuốc kanadava từ kho tàng bí mật của các Dakini ở Orgyan.¹¹ Ta sẽ vắng mặt trong bốn ngày. Trong thời gian này, con nên mặc y phục của người nào đó như anh Palchhen của con, thân anh ta được các vị trời bảo vệ che chở và hãy giữ gìn đừng để tâm con lang thang đây đó. Vào tối ngày thứ tư, hãy dâng cúng tám mươi torma để giải trừ các chướng ngại.¹² Sau đó, như một dấu hiệu là ta đã lấy được thuốc, ta sẽ đến như mặt trời chói lọi, không bị mây che hay một cơn gió hung tợn vây bủa.”

Trong bốn ngày này, tôi đau đớn ghê gớm; cơn đau dữ dội đến nỗi tôi không thể buộc khăn quanh người. Vào tối ngày thứ tư, vị Lat ma hóa thân Tromge Trungpa cử hành một nghi lễ cúng dường tám mươi torma, và ba chị em cắt-đứt-sinh lực đã quay về trụ xứ riêng của họ sau khi hài lòng với các vật cúng dường. Một mùi hương dễ chịu tràn ngập căn lều nỉ, từ đỉnh lều tới đáy, cho thấy thuốc đã về tới. Tôi có

thể thường thức một chất dị thường có hương vị thật tuyệt vời, và ngay lập tức, cơn đau của tôi tan biến. Tôi thực sự kinh nghiệm sự kiện kỳ diệu này, là điều mà bất kỳ ai cũng có thể tự mình chứng thực.

Một lúc khác, bất ngờ tôi bị đánh gục như thể chắc chắn là giờ chết của tôi đã tới. Lạt ma gốc quý báu¹³ và nơi nương tựa duy nhất của tôi, Pháp vương từ bi, kho tàng của lòng bi mẫn, đã cử hành một buổi lễ tràn đầy oai lực để triệu hồi sinh lực trường thọ của tôi. Các vị Lạt ma của dòng Sakya¹⁴ lừng lẫy cũng cử hành những lễ cầu nguyện, những nghi lễ ban sự che chở, lễ quy y của Đức Hevajra vinh quang,¹⁵ và những buổi lễ khác. Sau cùng, những cơn đau hiển nhiên càng suy giảm thì những nỗi đau vi tế càng lắng dịu thành một kinh nghiệm về đại lạc và tánh Không.

Sau đó, chính ngài Khakyod Wangpo, Pháp Vương của một trăm bộ Phật, kho tàng vô song và duy nhất của lòng bi mẫn, Đức Vajrasattva¹⁶ toàn thiện vĩ đại trong thực tế, đã dẫn dắt tôi trong một linh kiến với sắc tướng huyền mộng của giác tánh nguyên sơ của ngài. Như một người nói chuyện với người khác, tôi đã trò chuyện cùng các dakini giác tánh nguyên sơ (dakini trí tuệ) không có thân thể vật lý, và đáp lại những câu hỏi của tôi, họ cho tôi những câu trả lời rõ ràng, khiến cho những chướng ngại cho thọ mạng của cô gái¹⁷ này được giải trừ và tôi đã có thể làm lợi lạc chúng sinh theo khả năng của riêng tôi. Tôi đã được tiên tri rằng tôi phải thực hiện các cuộc nhập thất trì tụng về ba vị Bổn tôn - Amitayus, Samyak, và Vajrakilaya - để viếng thăm nhiều cõi thuần tịnh Hóa thân.¹⁸

Đức Tromge Kundun Rinpoche đã cử hành các lễ quán đảnh về ba Bổn tôn này từ các giáo lý của đại terton Laykyi Dorje.¹⁹ Những cách nhìn quen thuộc của tôi về các sự việc được nhẹ nhàng quét sạch, và tôi được dẫn thẳng vào bản tánh cốt tủy vô điều kiện của giác tánh nội tại, không chút làm lạc. Tôi đồn

nhập vào giác tánh nội tại trong toàn bộ sự trần trụi của nó, rồi thì những ngôn từ kim cương bí mật tuôn ra không ngưng nghỉ.²⁰ Thiên nữ tôn kính, Đức Tara Trắng cao quý, ban cho tôi một linh kiến, và nhiều kinh nghiệm thiền định của sự hợp nhất không thể nghĩ bàn của đại lạc và tánh Không đã lộ dạng trong dòng tâm thức tôi.

Đó là năm đầu tiên của chu kỳ sáu mươi-năm cũ, năm Mộc Tý.²¹ Trong tuần trăng khuyết tháng tám, vào ngày hai mươi ba âm lịch, có một sự kiện quan trọng kỷ niệm việc tụ hội của các dakini, một thời gian tốt lành cho sự truyền bá được-cách-tâm giáo lý quý báu của con đường mật chú.²² Vào ngày này, chúng tôi lại thăm Chhogtrul Rinpoche. Cô gái này nằng nặc hỏi ngài về những giấc mơ và kinh nghiệm thiền định trong đời trước của cô, cũng như những kinh nghiệm sau đó và mới vừa xảy ra. Ngài có vẻ hân hoan đến độ đáng kinh ngạc và hết sức hài lòng bởi những tường thuật này.

Tôi nói với Ngài: “Theo một tiên tri mà Đức Tara Trắng nói về cô gái này, con sẽ trải qua khoảng sáu hay bảy ngày trong một trạng thái kiên cố thiền định sâu xa, như thể ở trong một sự hôn mê hay một trạng thái giống như chết.”

Thực ra Chhogtrul Rinpoche và Tromge Trungpa đều bảo tôi: “Tuyệt đối không cần tới loại đồn đại này. Sau khi trải qua tối đa một ngày trong nghi lễ chay nyungnay, con cảm thấy đói và khát.²³ Không tốt hơn sao khi ở trong một lều thiền định tĩnh lặng tự nhiên, không suy nghĩ nhiều, nghỉ ngơi thoải mái trong những điểm trọng yếu của các giai đoạn phát triển và thành tựu²⁴ và hoàn tất một ít trì tụng thần chú?”

Tôi trả lời: “Nhưng an trụ bảy ngày trong tình trạng như thế là một điều lợi lạc và rất cần thiết cho việc chữa trị bệnh tật của con.” Tôi cứ quấy rầy các ngài mỗi khi hỏi:

“Con có nên ở trong phòng khóa cửa, không dùng chút thực phẩm và nước uống nào không?”

Tromge Kundun Rinpoche nói: “Hoàn toàn không nên làm gì cả! Nếu muốn bớt bệnh, con nên cử hành những nghi thức và lễ trường thọ rộng lớn, và hãy nhận những lễ quán đảnh Vajrakilaya cùng nghi lễ tắm gội của Bốn tôn Bhurkakuta.²⁵ Con cũng nên chuộc mạng những con vật sắp bị làm thịt. Nếu con ước muốn hoàn thiện hạnh phúc của chúng sinh, hãy thực hành một nghi thức chẳng hạn như nghi thức dẫn dắt chúng sinh ở sáu cõi²⁶ được tìm thấy trong giáo khoá Giải thoát Tự nhiên của Ý hướng Giác ngộ của các Bốn tôn an bình và phần nợ²⁷ cùng khẩn cầu nguyên lý của lòng bi mẫn siêu việt bằng cách trì tụng thần chú mani²⁸ cùng với những lời cầu nguyện hồi hướng và ước nguyện.”

Trước phương cách này và nhiều cách khác mà ngài buộc tôi phải làm, và mặc dù rất tốt khi tuân theo lời khuyên của ngài, tôi lặp lại rằng theo ý kiến của tôi thì không có gì để làm ngoài những gì tôi đã mô tả, và tôi quyết định thực hiện phù hợp, không thể trì hoãn thêm nữa.

Vào ngày hai mươi lăm âm lịch, tôi báo cho mọi người xung quanh về tình trạng của tôi. Vào buổi tối, thời điểm của năng lực,²⁹ khi các Dakini tụ hội, bảy Lạt ma và Tulku khá đặc biệt (Lạt ma toàn trí Tromge Kundun Rinpoche là người lỗi lạc nhất trong những vị này) được nhiều đệ tử và các thị giả tháp tùng. Cô gái này cũng nhập vào đám đông. Khi tôi ở đó, tâm tôi trở nên minh mẫn hơn bao giờ hết, và những kinh nghiệm thiền định và các trạng thái chứng ngộ hết sức đặc biệt xuất hiện trong dòng tâm thức của tôi. Trong tầm nghe của Tromge Kundun Rinpoche tôi tụng đọc những bản văn nghi lễ theo trình tự thích hợp của chúng mà tôi chưa bao giờ học, Những Mệnh lệnh của Bà Mẹ Phối ngẫu, cũng như tiệc cúng

đường và nghi thức thực hiện.³⁰ Tâm tôi cực kỳ hỉ lạc và tôi cảm thấy chưa bao giờ hạnh phúc như đêm ấy.

Sau khi đám đông giải tán, tôi ở lại một lúc trong sự hiện diện của Lạt ma quý báu của tôi. Sử dụng nhiều phương tiện cả an bình lẫn phần nộ, Rinpoche lập đi lập lại: “Con gái ta, ta xin con đừng tiến hành kế hoạch này.” Tuy nhiên, yêu cầu đó không ích lợi gì và vì thế sau cùng ngài nói: “Bởi con đã quyết định làm thế, hãy giữ những lời sau đây trong tâm và đừng quên chúng. Từ nay trở về sau, đừng bị ô nhiễm trong nẻo đường mê muội, bất tịnh và tăm tối như con đã từng làm trong quá khứ. Hãy an trụ mà không dùng phương tiện hay nỗ lực nào trong bản tánh chân thật của tâm con, đúng như nó xuất hiện và tự xuất hiện. Càng nhiều càng tốt, hãy phát triển lòng tin và cái nhìn thanh tịnh về các Lạt ma và Bồ tôn được chọn lựa của con, cũng như lòng từ bi đối với mọi chúng sinh từng là những cha và mẹ của con.”³¹

Cùng với lời nói đó, ngài tỏ vẻ cung kính tôi bằng cách đích thân cho tôi một đĩa đầy những khẩu phần đặc biệt của tiệc cúng dường. Ngài ngâm: “Cầu xin con được các Lạt ma, Tam Bảo, và Đức Orgyan vĩ đại che chở.³² Cho tới khi con thành tựu Giác ngộ, cầu mong mọi điều kiện chướng ngại và nghịch duyên được yên dịu. Cầu mong ý hướng giác ngộ không bị tạo tác của hai phương diện của Bồ Đề tâm (bodhicitta),³³ bản tánh nền tảng của thực tại, được phát khởi trong dòng tâm thức của con. Cầu mong con được thiên nữ tôn kính, Đức Tara cao quý dẫn dắt trên con đường, và nhờ đó hãy thành tựu lợi ích không thể nghĩ bàn cho chúng sinh.”

Khi ngài nói những lời này, lòng tin của tôi phát triển thật mãnh liệt khiến tôi có cảm tưởng như thể mình bật khóc. Tôi thực hiện ba lễ lạy và quay trở về ẩn thất của mình.

Sau đó tôi nói với Tulku Tromge Trungpa: “Con sẽ như thể thực sự chết trong khoảng năm ngày. Trong thời gian đó không ai trong những tu sĩ hay đệ tử được ra vào phòng con hoặc đi lại nhiều ngoài cửa; họ không nên nói luôn miệng hay gây những tiếng ồn ào khinh suất, quấy rối. Xin dọn dẹp mọi thực phẩm ở trước mặt con, đừng để lại nhiều hơn bảy hạt lúa mạch.³⁴ Để tịnh hóa những tập khí, sự che chướng thai tạng,³⁵ và những ô nhiễm của thân thể con, xin rửa sạch con bằng nước nghệ đã được hiến cúng qua thực hành Vijaya.³⁶ Vào lúc đó, để đem lại một điều kiện tốt lành đặc biệt, phải có sự hiện diện của một cô gái tên là Drolma.” (Nhưng cuối cùng mọi việc hóa ra tự nhiên suông sẻ bởi một người đàn bà đức hạnh có giới nguyện samaya trong sạch tên là Tsult’hrim Drolma đã trở thành bạn đồng hành của tôi.)³⁷

Tôi nói tiếp: “Để xác định rõ ràng con thuộc loại Phật bộ nào và để giải trừ các chướng ngại, xin quấn một miếng vải màu xanh da trời quanh đầu con.³⁸ Cho tới khi con trở lại cuộc đời, Kuzhab Rinpoche³⁹ sẽ cúng dường bánh cho năm chị em ở Lhaman Tsering.⁴⁰ Tromge Trungpa sẽ cử hành một trăm tiệc cúng dường của Nữ Hoàng Cực Lạc trong giáo khóa Những Mệnh lệnh của Bà Mẹ Phối ngẫu. Để giải trừ chướng ngại cho các linh kiến của con, các đệ tử và thị giả nên trì tụng càng nhiều càng tốt Lời Khẩn nguyện Bảy-Dòng, bài cầu nguyện Giải trừ Chướng ngại trên Con Đường, và các thần chú vajra guru (Đạo sư Kim Cương) và Tara.⁴¹ Để bảo vệ con, xin cài chốt cửa phòng con bằng một khóa móc và có người mặc đồ xanh dương bọc cái khóa bằng một miếng vải màu xanh dương. Và để ngăn chặn và trấn áp thể lực của loài quỷ khát máu, xin niêm phong miếng vải với sáp ong được chứng thực bằng dấu triện ngược đầu.⁴²

“Bây giờ cần một bộ quần áo sạch để thay đổi, nó không làm bằng da thú vật hay da sống.⁴³ Nếu con

không thực sự chết mà quay trở lại cõi đời, con sẽ phải súc miệng; vì thế, con sẽ cần tới một cái bình đựng đầy nước mưa sạch hứng từ một trận mưa thuốc của các nhà thấu thị, trận mưa này đến từ năng lực của những sự ban phước và đại nguyện của Đức Phật Dược Sư Bhaishajyaguru.⁴⁴

“Nếu bất kỳ ai hỏi Dawa Drolma đang làm gì khi hành động như thế này, thì đừng nói điều gì đặc biệt, dù tốt hay xấu; chỉ cho biết chắc chắn là con không sống cũng không chết. Trong năm ngày, xin hãy mời anh Palchen của con, anh ấy đang sống với gia đình con và những người bà con dưới thung lũng, và nói với anh ấy rằng ‘Em gái anh đang ở trong một trạng thái không sống cũng không chết. Hãy đích thân tới thăm cô ấy.’ Mặc dù đòi hỏi chút ít nhọc nhằn nhưng mọi sự con vừa sắp xếp hết sức quan trọng, vì thế xin ngài tiến hành cho.”

Tulku Tromge Trungpa và các thị giả của ngài hứa sẽ tôn trọng bức thư hướng dẫn tôi đã đưa và trung thành với lời cam kết của họ, và như thế tôi nằm xuống giường để nghỉ ngơi.

Cô gái này nói: “Hãy để tâm mi an trụ trong trạng thái tự nhiên, nội tại, không bị bất kỳ niệm tưởng lan man nào làm gián đoạn.” Vì thế tôi để tâm tôi an trụ. Trong một tâm trạng khoáng đạt và cực kỳ hỉ lạc, tôi kinh nghiệm một trạng thái hoàn toàn trong sáng. Đây không phải là trạng thái tiềm ẩn kunzhi, là sự vắng mặt đơn thuần các niệm tưởng lan man.⁴⁵ Cũng không phải là tôi hoàn toàn mê đắm trong những cảm xúc của lạc, sự trong sáng, và tỉnh giác vô niệm.⁴⁶ Và tôi không đơn thuần rơi vào một cuộc nô đùa vô tận của vô minh. Đúng hơn, tôi hoàn toàn tỉnh giác về trạng thái nền tảng của tâm tôi trong mọi tính chất thông thường của nó.⁴⁷ Bởi giác tánh đó không bị ngăn che, tôi như thể nghe được tất cả âm thanh và tiếng nói trong mọi xứ sở, chứ không chỉ ở vùng lân cận.

Vào sáng ngày hai mươi sáu âm lịch, khi mặt trời nhú lên ở chân trời, tôi nhìn thấy Đức Tôn kính và cao quý Tara thực sự hiện diện trước mặt tôi giữa một khối ánh sáng cầu vồng, thân ngài màu trắng như một bình pha lê. Bà cầm một mũi tên trang trí những giải ruy băng lụa mà bà dùng để ban phước cho tôi.⁴⁸

Từ hướng Núi Huy Hoàng trên tiểu lục địa Chamara, một cầu vồng gồm năm dải ánh sáng màu song song rơi vào thiền phòng của tôi.⁴⁹ Dọc theo con đường này xuất hiện một toán hộ tống gồm bốn phụ nữ trẻ mặc y phục bằng lụa và tô điểm với các đồ trang sức bằng xương. Vị Dakini ở phương đông, Thiên nữ có Quyền định đoạt sự Trường thọ, sắc trắng sáng ngời và cầm một mũi tên trang trí dải ruy băng lụa và một cái bình. Dakini ở phương nam là Akyang Tara, Dakini ở phương tây là Tara Ròng màu Lam Ngọc, và Dakini phương bắc là Thiên nữ phương Bắc.

Các ngài đặt tôi trong một ổ rơm có trải lụa sặc sỡ trang trí hoa văn đỏ và trắng. Ngay lập tức, các Dakini ở bốn cấp và tôi cùng nhau tụng Lời Khấn nguyện Bảy-Dòng và lớn tiếng trì tụng liên tục các thần chú vajra guru và mani. Tâm tôi mở rộng tới một trạng thái cực kỳ hỉ lạc, bản tánh cốt tủy của sự hoàn toàn trong sáng trong đó tôi không thể bám níu vào bất kỳ điều gì dù tốt hay xấu theo nghĩa thông thường, giống như pháp giới vô sanh không có gì trong nó và của chính nó, nhưng với một sự chói lọi tự nhiên không bị ngăn che một cách tuyệt đối. Kinh nghiệm thiền định hài hòa và tự phát này xuất hiện như sự phô diễn không thể nghĩ bàn của một đám mây mạn đà la, phạm vi hoàn toàn rộng lớn của kinh nghiệm thuần tịnh.⁵⁰

Sau đó tôi có cảm giác leo lên càng lúc càng cao tới một khoảng không gian khá rõ ràng, còn nhanh hơn một con chim linh thú đuôi trắng hoang dã bay vút lên không trung. Khi kinh nghiệm bi tráng này mở trải ra như một ảo ảnh biến dịch, bất ngờ tôi thấy mình ở một nơi mà tôi không nhận ra là ở đâu. Giữa một

cánh đồng rộng lớn, bao la và siêu phàm đến nỗi dường như bầu trời đổ sập xuống trái đất, một tảng đá có bề mặt lớn đứng sừng sững có hình dạng như một trái tim. Ở khắp nơi là những rặng núi trông như những vũ khí chĩa lên bầu trời và đổ như thể có lấm tẩm máu. Trên bầu trời xuất hiện một vòm ánh sáng cầu vồng năm màu. Những chim khổng tước trắng, chim hét, và chim cu cu vút lên, bay chuyền thật vui thích. Không gian tràn ngập mùi hương ngọt ngào có năng lực chuyển hóa những tri giác của ta. Khắp mặt đất phủ đầy các loài hoa gồm năm màu thật đáng yêu - trắng, vàng, đỏ, xanh lá cây, và xanh dương. Tôi đã kinh nghiệm cảnh giới này như một nơi chốn có thật.

Tôi cũng nhìn thấy một ngọn núi rất đẹp, xanh thắm như một viên ngọc bích. Tâm tôi tràn đầy đức tin và thị kiến thanh tịnh không tưởng tượng nổi. Tôi lớn tiếng lập đi lập lại những lời cầu nguyện của pháp guru yoga, Lời Khấn Nguyện Bảy-Dòng, và một lời khấn cầu mà trước đây chính Đức Tara đã nói với tôi, và tôi lễ lạy và cúng dường mạn đà la.

Nơi đây là Núi Huy Hoàng Màu-Đỏ trên tiểu lục địa Chamara. Khoảng nửa đường lên tới mặt tảng đá, trên một vùng bằng phẳng rộng lớn là lâu đài Liên Hoa Quang rộng mênh mông đứng sừng sững.⁵¹ Cung điện, một hiện thân của giác tánh giác ngộ của Đức Padmasambhava, được làm bằng năm loại châu báu, một mạn đà la thành tựu tự-sinh và tự nhiên. Từ ngoài nhìn vào, bên trong cung điện thật rực rỡ, và từ trong nhìn ra, ta có thể thấy thật tường tận. Được kết bằng những vòng cầu vồng, lâu đài có bốn mặt, bốn cổng và các sân, trong đó có hơn một ngàn cung điện khác. Trong những cung điện này là tập hội các Vidyadhara⁵² cũng như những Daka và Dakini.

Cô gái này tới cổng phía đông. Ở đó tôi gặp bốn người đàn bà, họ mặc cho tôi một áo choàng lụa sặc sỡ, chói sáng như một cầu vồng. Sau đó họ ra đi, nhưng tôi không rõ họ đi đâu.

Người đàn bà gác cổng phía đông thách thức tôi: “Cô là ai?”

Tôi trả lời: “Tôi là Dawa Drolma, con gái của bộ tộc Tromge trong thế giới con người.”

“Vì sao cô tới cõi này?”

Tôi khiêm tốn trả lời: “Để bảo đảm hạnh phúc của chúng sinh, tôi xin được hội kiến Đức Orgyan Tsokey Dorje⁵³ và tập hội các Vidyadhara, Daka, và Dakini trên Núi Huy Hoàng Màu-Đỏ trong tiểu lục địa Chamara.”

Vị Dakini trả lời:

Cầu mong cô được Đức Vajravarahi ban phước.⁵⁴

Cầu mong các nghịch cảnh và chướng ngại cho sự trường thọ của cô được giải trừ.

Cầu mong cô đạt được quán đảnh kim cương bất diệt.

Và cầu mong cô bảo đảm được hạnh phúc của vô lượng chúng sinh.

Sau đó tôi nhìn thấy cảnh tượng phi thường của cổng phía đông kỳ diệu, một chiếc cửa làm bằng pha lê. Trên đó, trong hình chạm khắc mờ mờ là hình ảnh của một Tathagata⁵⁵ và những chữ đi kèm theo đem lại sự giải thoát nhờ cái thấy. Bên trái và phải cửa là những báu vật có hình những con rồng màu lam ngọc uốn mình hình xoắn ốc theo chiều kim đồng hồ và ngậm nhiều viên ngọc.

Thình lình vị Dakini mở cửa bằng một chìa khoá pha lê thạch anh trắng, có bề dài khoảng một bàn tay và đánh dấu bằng những chữ tượng trưng tự-tạo hình, kỳ diệu và huyền bí. Tôi đi bộ vào trong và tìm thấy một cầu thang dài làm bằng châu báu. Tôi trèo lên đó

và trong một căn phòng rộng mênh mông, tôi tìm thấy nhiếp chính Jampa Migyur ngồi trên một cái ngai nhỏ.⁵⁶ Ngài mặc một áo choàng không tay bằng lụa trắng và tô điểm với nhiều vật trang sức quý báu, tóc ngài kết lại thành một cái búi. Tay trái ngài đang lần một mala (chuỗi) 108 hạt bằng pha lê trắng, mỗi hạt có kích thước khoảng ngón tay cái của ta.⁵⁷ Quanh ngài là đoàn tùy tùng gồm vài trăm Dakini mặc áo choàng lụa trắng, đang cử hành một buổi tiệc thật vui vẻ. Các thiên nữ kim cương thuộc sự hoạt động mặc áo choàng xanh dương cúng dường những phần đặc biệt của bữa tiệc trong bốn phương chính trên bầu trời.

Từ hàng sau của tập hội, cô gái này thực hiện ba lễ lạy và cầu nguyện với những ước nguyện cao quý khi xuất hiện trong tâm. Đến gần vị Lạt ma, tôi dâng lời sám hối, tịnh hóa bản thân bằng cách tụng thần chú một trăm âm,⁵⁸ và cử hành mạn đà la vũ trụ ba mươi bảy điểm.⁵⁹ Ở bên phải vị Lạt ma là một Dakini, bà điều tra kỹ lưỡng quá khứ của tôi. Tôi trả lời bà thẳng thắn nhưng khiêm tốn. Vị Lạt ma có vẻ hết sức hài lòng. Tôi tham dự vào buổi lễ tiệc.

Rồi tôi được một bà mặc y phục xanh dương đưa ra ngoài và dẫn tới lâu đài rộng mênh mông khác. Mọi người có mặt ở đây đang tắm cho một Dakini của một bộ tộc thuộc thảo nguyên thấp ở miền đông Tây Tạng.⁶⁰ Tôi cũng nhận một nghi lễ tắm rửa. Ngự trên một chiếc ngai cao ngất ở giữa chúng tôi, trên một tấm nệm cao bằng lụa đỏ trông thật đặc biệt là ngọn đèn soi sáng các Sutra và Tantra,⁶¹ vương miện của mười triệu Vidyadhara, Đạo sư vô song, bậc thông thái và thành tựu, bậc toàn trí Jamyang Khyentsei Wangpo.⁶² Thân tướng chói ngời của ngài trông thật lôi cuốn và trẻ trung; dường như khoảng mười sáu tuổi. Ngài mặc ba y tu sĩ nghi lễ, và đội chiếc nón tượng trưng cho ba sự tích tập kinh điển.⁶³ Tay ngài cầm chày kim cương và chuông.⁶⁴ Một đoàn tùy tùng hơn một trăm Daka và yogini vây quanh ngài.

Như trước đó, tôi lễ lạy, cúng dường, và cử hành lễ dâng cúng mạn đà la vũ trụ. Tôi dâng lên ngài một đoạn khăn lụa trắng toàn mỹ để xin được diện kiến⁶⁵ và thực hiện những sự khẩn cầu ước nguyện khi tôi có thể. Dường như Lạt ma có một tánh khí rất khó khăn và cứng cõi; ngài không nói một tiếng nào và cố tránh nhìn tôi.

Tôi ra đi và tới lâu đài rộng mênh mông khác. Người gác cửa là một cô gái không thể quá mười lăm tuổi. Mặc dù tôi không nhận ra cô, cô ta tỏ ra rất hân hoan đối với tôi như cha mẹ bộc lộ khi gặp con cái họ. Bên trong lâu đài, ngồi trên một cái ghế thấp chất đầy những đệm lót bằng lụa xanh là một người đàn bà tên là Yul-lha, một Dakini vùng Derge, là một hiện thân của Bồn tôn Vajravarahi.⁶⁶ Tóc bà được búi lên bằng sáu dải ruy băng màu xanh da trời, bà cầm một bản giáo huấn tâm linh khổ nhỏ. Bà đang tụng những vần kệ gốc của Trạng thái Trung ấm sau Cái Chết.⁶⁷ Có khoảng mười sáu Dakini trong đoàn tùy tùng của bà. Tôi đánh lễ và cúng dường hương trầm được pha chế từ gỗ đàn hương Ấn Độ trắng. Tôi được ban thức ăn được nêm các gia vị làm từ năm chất cam lồ.

Sau cùng chúng tôi nói về các sự việc trong cõi người. Bà tiếp tục: “Con sẽ tìm thấy bốn cầu thang trong một sảnh đường ở giữa vùng này. Đừng dùng cầu thang màu đen, bởi ở đó ẩn dấu nguy hiểm do rắn độc và những quỷ ma khát máu. Thay vào đó, hãy lên cầu thang màu xanh lá cây.”

Với sự chỉ dạy ấy tôi tiếp tục cuộc hành trình. Trong lâu đài rộng mênh mông khác, tôi đi ngang qua một người đàn bà có vẻ rất già, tóc ngả màu xám hơi vàng, có khoảng hai trăm Dakini vây quanh. Các Dakini đang đọc các bản văn từ giáo khoá của ngài Karma Lingpa trên mạn đà la các Bồn tôn an bình và phần nộ và Tantra Sám hối Bất Nhiễm.⁶⁸ Người đàn bà chính cầm giữ hơi thở trong bài tập thở-cái bình.⁶⁹ Khi bà thở hết ra, bà trực xuất nhiều sinh vật sống

trong nước như rắn nước, ếch, và cá; từ thân của chúng nổi lên những cầu vòng trắng, vàng, đỏ, và xanh lá cây, trong khi tâm thức của chúng được kéo lên các cõi thuần tịnh.

Thực ra vị Dakini này tên là Wangmo. Sau khi đánh lễ và cúng dường, tôi tới gần bà. Bà đặt một chuỗi xương sọ lên đầu tôi, và cười thật dễ thương, trong một lát bà hỏi tôi là ai.

Trong lâu đài mênh mông khác, bất chợt tôi gặp một thiên nữ áo trắng, một Dakini có năng lực an bình, ngồi trên một tấm nệm phủ lụa và mặc áo choàng thêu kim tuyến linh thánh, có đoàn tùy tùng gồm bảy Dakini vây quanh. Tôi đánh lễ và cúng dường bà. Các Dakini đang hát thật ngọt ngào một bài cầu nguyện sùng mộ để khấn cầu năng lực của Đức Avalokiteshvara và một bài nguyện ước kết hợp với thần chú mani sáu âm. Nhưng ở đây tôi sợ trở thành quá dài dòng và sẽ không viết thêm nữa.

Đức Yeshe Tsogyal xuất hiện trong một tòa lâu đài rộng mênh mông rất đẹp có cửa nhìn về hướng đông. Bà phục sức đẹp đẽ với những áo choàng lụa và trang điểm nhiều vật trang sức bằng châu báu và bằng xương, mái tóc Bà đen, dày và rục rỡ. Sắc thân mỹ lệ không tả xiết của Bà đem lại niềm hi vọng cho người chiêm ngưỡng. Một đoàn tùy tùng gồm một ngàn Dakini vây quanh Bà. Họ đang làm lễ tiệc cúng dường cội gốc Đạo sư (guru), Tập hội các Đạo sư Trì giữ-Giác Tánh; cội gốc Bổn tôn, Sự Hội tập các Đấng Vĩ đại và Vinh quang; và cội gốc Dakini, Nữ Hoàng Cực Lạc.⁷⁰ Tôi nhập vào những người tham dự tiệc cúng dường, đánh lễ và cúng dường Đức Yeshe Tsogyal, điều ấy làm Bà hài lòng. Tôi khiêm tốn kể cho Bà về tiểu sử của mình thật rõ ràng và chi tiết. “Hãy tiếp tục đi lên, “ Bà nói, “và ta sẽ cho người dẫn con tới gặp chú của con.⁷¹ Con khó lòng vượt qua bởi con sẽ gặp một người gác cổng rất nghiêm khắc.”

Tôi đi tới một nơi khủng khiếp, quả là cảnh tượng làm tôi rùng mình sợ hãi. Những mái vòm làm bằng da người được treo bằng những sợi giây là những con rắn. Những đầu lâu khô, những đầu người còn tươi và những đầu héo khô còn dính tóc treo khắp nơi. Những màn cửa và rèm trướng làm bằng da trần màu đen.

Giữa tất cả những thứ đó, ngồi trên một cái ngai màu đen tuyền là một yogi tên là Pawo Namkha Odsal mặc y phục đen pha màu đỏ tía. Tóc ngài kết lại thành búi quanh một chày kim cương, trên đỉnh là một miếng ngọc lam nhỏ. Tai ngài đeo những chiếc vòng bằng vỏ ốc xà cừ. Ngài mặc một áo choàng trắng và cầm một trống tay lớn và chiếc kèn làm bằng xương đùi người. Trông ngài thật lôi cuốn khó thể cưỡng nổi. Một đoàn tùy tùng vây quanh ngài gồm sáu nhân vật mặc áo choàng không tay màu đen. Họ cực kỳ hung nộ, với mái tóc đen xõa xuống và những biểu lộ nham hiểm, giận dữ. Tôi đánh lễ và dâng lên các ngài những vật cúng dường cũng như những lời ước nguyện.

Tiếp theo, tôi gặp một người gác cửa, một người đàn bà da trắng mặc quần áo lụa và những vật trang sức bằng xương. Tên bà là Nordzin Dronma, và bà có mối liên hệ với tôi trong nhiều đời.

Giữa một lâu đài màu cam rộng mênh mông mà bản chất là ánh sáng, vị phối ngẫu linh thánh Mandarava72 có sắc đỏ sẫm ngự trên một chiếc ngai rất cao bằng pha lê đỏ và những tấm đệm bằng lụa nhiều màu. Trong tay phải, bà cầm một mũi tên cột những dải ruy băng lụa và tay trái cầm một bình trường thọ. Bà mặc một hạ y lụa ngắn, xếp li và đeo những vật trang sức quý báu. Được vây quanh bởi một đoàn tùy tùng gồm một trăm Dakini giác tánh nguyên sơ, Bà hát một khúc nhạc kim cương bất hoại thật du dương. Tôi đánh lễ và cúng dường như đã làm trước đây, và được Đức Tara thúc giục, tôi tụng

một bài cầu nguyện sùng mộ với Bà. Trong lòng tôi dâng trào một cảm xúc dạt dào của đức tin không thể tưởng tượng nổi.

Tôi đứng lên khi hội kiến và tới gần Bà. Vị phối ngẫu linh thánh đặt bàn tay phải có cảm mũi tên cột dải ruy băng lên đầu tôi và hát:

*Hung Ở biên giới tây bắc xứ Orgyan,..
Con khấn cầu Ngài tới ban cho những ân phước.
Khi đã ban phước cho nơi chốn tuyệt hảo này,
xin ban bốn quán đảnh cho hành giả ưu tú này.
Xin giải trừ những chướng ngại của cái chết không
đúng lúc.
Xin ban cho thành tựu của sự bất tử.73*

Đi xa hơn nữa tôi chợt thấy một lâu đài rất đẹp, duyên dáng. Mười hai người đàn bà gác cửa đông, mười hai người gác cửa nam, mười hai người gác cửa tây, và mười hai người gác cửa bắc. Ở mặt phía đông, cửa và những người gác cửa toàn bằng pha lê, mặt phía nam bằng vàng, phía tây bằng hồng ngọc, và mặt phía bắc bằng lam ngọc.

Ở hướng đông là mười hai thiên nữ có mục đích dẫn dắt chúng sinh, ở phương nam là mười hai thiên nữ có nhiệm vụ chỉ ra con đường đi tới giải thoát. Ở phương tây tôi nhìn thấy mười hai thiên nữ thuộc yếu tố lửa chói sáng, và ở phương bắc mười hai thiên nữ là những bậc chiến thắng các mara.⁷⁴ Tất cả các ngài mặc áo choàng theo màu phù hợp với các hướng tương ứng.⁷⁵

Ổ khóa trên cổng ngoài có chiều dài khoảng một cánh tay⁷⁶ và bằng vàng. Một vị Dakini mở cổng và cho tôi vào. Rồi cửa bắc mở ra và tôi đi vào tòa nhà. Trong tòa lâu đài có 180 cây cột chống, 180 Dakini mặc y phục bằng lụa và đeo những đồ trang sức bằng xương, nhảy múa ca hát với nhạc đệm một bài hát tên là “Sự Giải thoát Tự nhiên khỏi những Cõi Thấp”:

Hri Trạng thái không chĩnh sửa thoát khỏi sự tạo tác ý niệm là Đạo sư Pháp Thân.

Cực Lạc là Đạo sư Báo Thân, đấng Pháp Vương. 77

Sinh ra từ một hoa sen là Đạo sư Hóa Thân.

Chúng con đảnh lễ và tán thán bậc Kim Cương Trì của ba thân. .

Thân giác ngộ của Ngài thì bất biến, là thân tướng của Đức Samantabhadra (Phổ Hiền). 78

Ngũ giác ngộ của Ngài không bị ngăn che và tự-sinh khởi, dẫn dắt chúng sinh.

Tâm giác ngộ của Ngài không lay động và siêu vượt ngôn ngữ, sự tưởng tượng, cùng sự biểu lộ.

Chúng con tán thán Ngài, Ôi Vua Hoa Sen, bậc được phú bẩm thân, ngữ, và tâm giác ngộ.

Đại học giả của xứ Ấn Độ cao quý, xin thương xót xứ sở Tây Tạng,

Đức Kim Cương Sanh-trong-Hồ thoát khỏi sinh, lão, bệnh, tử,

cải hóa đám quỷ ma hiểm độc khát máu hướng về Pháp.

Chúng con tán thán Ngài, Ôi Đức Padma T'hod T'hreng Tzal. 79

Om ah hung vajra guru padma siddhi hung.

Maha guru padma t'hod t'hreng tzal la namo hung.

Khi họ hát, tôi kinh nghiệm vô lượng đức tin và sự hỉ lạc.

Ở một nơi khác, thỉnh linh tôi nhìn thấy một người đàn bà có nước da trắng mang một khăn choàng và hạ y thêu kim tuyến trắng và cầm một sợi chuỗi bằng pha lê đỏ. Bà chính là ni cô Kunga Monlam mà cũng được gọi là Dakini Laykyi Wangmochhe.⁸⁰ Bà biểu lộ

niềm vui chân thành đối với tôi. vén một tấm rèm có
đính những hình trang trí bằng lụa, bà dẫn tôi tới giữa
cung điện. Ở đó tôi thấy đoàn tùy tùng của bà gồm
bảy Dakini, họ đặt một chiếc nệm trắng để tôi ngồi.

Chính Laykyi Wangmochhe đặt một mũi tên trường
thọ lên đỉnh đầu tôi và ngâm:

Om Trường thọ nguyên sơ không làm lỗi,
Ta triệu thỉnh điều này trong sự vinh quang cao cả
nhất của sự nối kết mặt trời và mặt trăng. 81
Trường thọ của đại lạc không biến đổi,
Ta triệu thỉnh điều này trong sự vinh quang của cốt
tủy vi tế của thân ánh sáng.
Trường thọ lâu dài không có sự đến hay đi của hiện
hữu bình phàm,
Ta triệu thỉnh điều này trong Pháp giới bao la bất
hoại, vĩnh cửu và kiên cố,
Trường thọ bị đánh cắp, cướp đoạt, gãy bể, hoặc suy
sụp bởi niệm tưởng lan man,
Ta triệu thỉnh điều này trong bản tánh nền tảng vô
điều kiện của giác tánh nguyên sơ vô niệm.
Trường thọ đặt nền trên vô minh về các sự xuất hiện
của samsara, nirvana, và con đường tâm linh, 82
Ta triệu thỉnh điều này trong trạng thái tự nhiên của
các sự việc bởi chúng phi-thời gian và nguyên sơ.
Nếu không có diệt, thì chẳng có gì già đi,
và vì thế ta cũng triệu thỉnh trường thọ không diệt và
không lão.
Nếu không có sanh, thì không ai chết,
và vì thế ta cũng triệu thỉnh trường thọ bất sanh và
bất diệt.
Ah Ah Ah.

Bà tiếp tục: “Thật là may mắn bởi con đã tới cõi thuần
tịnh này từ thế giới bình phàm của con người. Con
làm ta xúc động biết bao.” Và bà khóc. Rồi bà gọi một
cô gái tên là Apal đi cùng với tôi, và tôi được dẫn ra
ngoài.

Đức tôn quý Tara Trắng nói với tôi: “Dawa Drolma, con gái ta, chính ta đã sắp xếp cho con rời cõi người bình phàm và dẫn dắt con tới cõi thuần tịnh này. Nhưng bây giờ chưa tới lúc để con và ta ở lại Núi Huy Hoàng này.⁸³

“Có một cõi thuần tịnh cao hơn cõi này, được phú cho năm điều xác quyết,⁸⁴ nó là phạm vi chứng nghiệm của những bậc an trụ trong địa thứ mười của sự chứng ngộ. Ở đó Báo thân của Đấng Bi mẫn Siêu việt,⁸⁵ được một đoàn tùy tùng gồm vô số các Bồ Tát nam và nữ vây quanh, đang giảng dạy tantra Pháp Vương của sự Nhảy múa Hoa sen Bi mẫn Siêu phàm.

“Trên đó là cõi thuần tịnh Pháp Thân, không có sự tạo tác ý niệm. Ở đó Đức Guru Padma an trụ, không gì khác hơn là sự xuất hiện tự-nhiên lộ tự nhiên của Đấng bảo trợ nguyên sơ,⁸⁶ ban những giáo lý tâm linh cho một tập hội trong đó ý hướng giác ngộ của vị Thầy và của đoàn tùy tùng thì bất khả phân, trình bày những giáo huấn truyền dạy trực tiếp vượt lên những biểu tượng, ngôn ngữ, và niệm tưởng bình phàm - tantra Đại Viên Mãn của bí mật tối thượng, có tên là Giác Tánh Nội tại Tự-sinh.⁸⁷

“Thời đại ngày nay thiếu một sự may mắn cần thiết để tiếp xúc trực tiếp với những cấp độ này. Vì thế hãy liên tục biểu lộ ước nguyện thực hiện điều ấy vào một lúc nào đó. Đừng đề cập tới việc con đã đi tới cõi thuần tịnh này.”⁸⁸

Trước sự việc như thế này, tôi đau khổ đến nỗi tim tôi tưởng chừng vỡ tung ra, buồn tủi đến độ tôi tưởng như mình có thể mất trí, hoàn toàn lạc hướng đến nỗi tôi không thể nhớ lại bất kỳ điều gì đã từng suy nghĩ vào thời gian nào đó; tri giác của tôi bị mê lầm và lạc lối. Nước mắt tuôn rơi như thể mắt tôi rơi ra ngoài. Tôi tự nghĩ: “Mặc dù giờ đây tôi có thể được hội kiến Đức Padmasambhava, tôi không có vật cúng dường chính thức nào để dâng lên Ngài, không vàng bạc, không lễ cúng dường mạn đà la, ngay cả một khăn quàng lụa cũng chẳng có.”

Ngay lập tức, Đức Tara ban cho tôi một dải ruy băng tinh khiết bằng lụa trắng rất dài lấy từ mũi tên có trang trí ruy băng của Ngài. Bởi quá nhiều hồ nghi, tôi nghĩ rằng hành động này sẽ làm mũi tên giảm giá trị, nhưng Đức Tara nói: “Nó không bao giờ bị suy giảm, vì thế đừng quá keo kiệt.” Ngài nói thêm: “Đây không phải là chỗ để bắt đầu kêu khóc. Hãy đi tới Đức Guru và thỉnh cầu Ngài bất kỳ điều gì con ước muốn. Bất luận Ngài ban cho con điều gì, dù là vàng, bạc hay ngọc quý, đừng mang chúng đi với con. Thay vào đó hãy cầu xin Ngài ban cho con một khăn quàng lụa màu xanh dương có điểm những hình ảnh của năm Hóa Thân.⁸⁹ Cũng hãy cầu xin để những mối liên hệ nghiệp của con với Ngài từ những đời trước được thức giấc, để những hành động làm lợi lạc chúng sinh của con sẽ không có định kiến hay phân biệt, để con có năng lực nhận thức trực tiếp chúng sinh trong những cõi thấp và đem lại hứng khởi cho họ trong việc trau dồi đức hạnh, và để bất kỳ ước nguyện nào của con cũng được thành tựu.”

Rồi tôi nhìn thấy cung điện khác, làm bằng pha lê đỏ với hai chái cung điện dính liền, giống như những tay áo màu san hô trên bộ quần áo. Không cần chìa khóa để vào cung điện; thay vào đó là một chữ biểu tượng màu đỏ trên cửa. Một người đàn bà đứng nơi cửa, bà có mái tóc trắng và nước da trắng như một vỏ ốc xà cừ. Bà có hàm răng đầy và được gọi là Thiên nữ có Năng lực có Quyền định đoạt sự Trường thọ. Bà ban cho tôi một nghi thức để thỉnh cầu trường thọ và cho tôi một miếng pha lê có sáu mặt. Tuy nhiên tôi có cảm tưởng rõ ràng là tôi không nên nhận miếng pha lê, và vì thế tôi đặt nó trên đỉnh một đĩa mạn đà la chất đầy gạo được sắp đặt theo kiểu mẫu làm nhớ tới những chủ đề Ấn Độ.

Đi xa nữa, tôi chợt thấy một lâu đài rộng lớn mênh mông và cao sừng sững đến nỗi kích thước của nó vượt quá tiêu chuẩn chính xác. Đỉnh mái có trang trí những viên ngọc. Ở bên trong, tôi nhìn thấy hàng

trăm chiếc dù bằng lông công, những cờ chiến thắng bóng mượt, những rèm treo tường bằng sa tanh, màn trướng thêu kim tuyến, những cái móc và dây bằng ngọc trai, những dây vật cúng dường không thể tưởng tượng nổi, và những cửa cải của một buổi tiệc cúng dường vĩ đại chất cao như núi, đổ sụp xuống giống như những con đê vỡ nát và cuộn tròn như một đại dương cam lồ.

Trong mạn đà la này, nó giống như những đám mây vô song những vật cúng dường của Đức Phổ Hiền,⁹⁰ là một cửa cải gồm những chất thể samaya linh thánh vượt xa cửa cải của những vị trời vĩ đại ở cõi trời Nirmanarati.⁹¹ Những tia sáng phóng ra muôn phương không giới hạn từ một cái ngai khổng lồ mà kích thước khó có thể đo lường, cao hơn cả một tòa nhà ba tầng. Trên ngai có ba tấm nệm chồng lên nhau bọc lụa đủ màu, trang trí những hoa sen ngàn cánh. Ngự trên ngai là tinh túy, nơi hợp nhất của mọi suối nguồn của sự quy y và tất cả các Đấng Chiến Thắng, Pháp Vương tràn đầy năng lực của tâm giác ngộ của tất cả các Đấng Chiến Thắng, sự hợp nhất trong một thân tướng duy nhất của ba phẩm tính – trí tuệ, lòng bi mẫn, và năng lực – của tất cả các Đấng Chiến Thắng khắp mười phương, Bản tôn được chọn lựa duy nhất của Xứ Tuyết, vương quốc Tây Tạng: Đức Guru xứ Orgyan, Padma T'hod T'hreng Tzal, chính là Đức Kim Cương Sanh-trong-Hồ bất tử.

Thân Ngài sắc trắng hơi pha đỏ. Ngài cầm một chày kim cương trong tay phải, tay trái cầm một bình trường thọ trong một chén sọ người đưng đầy chất cam lồ. Trong khuỷu tay trái, Ngài giữ chứa ba bí mật kim cương.⁹² Hai chân Ngài chéo nhau lơ lửng trong tư thế du hí vương giả. Ngài mặc một áo choàng ngắn tay bằng lụa màu hạt dẻ như sa tanh, một hạ y bằng lụa đỏ, một đại y màu đỏ trang trí bằng chỉ vàng, và một nội y bằng lụa trắng của các vị trời. Trên đầu Ngài là vương miện hoa sen đem lại sự giải thoát nhờ cái thấy.

Khi cô gái này trông thấy mạn đà la hài hòa viên mãn của khuôn mặt Đức Orgyan vĩ đại, tôi mê mải ngắm nhìn Ngài. Mọi tri giác lò mờ thường tục của tôi tự nhiên ngừng dứt, và tôi kinh nghiệm một trạng thái không thể nghĩ bàn, không thể diễn tả được, giống như một người cảm đang nếm đường mía.⁹³ Tôi an trụ một lát trong tâm thái này, vừa vui lại vừa buồn.

Ở bốn phương chính quanh Đức Orgyan vĩ đại là bốn Dakini giác tánh nguyên sơ ban-hỉ lạc, mặc áo choàng lụa nhiều màu, thân huyền mộng của họ giống như những khối ánh sáng. Họ vung vẩy những mũi tên trường thọ và những bình trường thọ trong bốn phương khi hát những bài ca tán thán.

Ở bên phải chiếc ngai, trên một ngai khác là bậc Đạo sư tôn kính của lòng bi mẫn, bậc Kim Cương Trì ba cấp độ vĩ đại,⁹⁴ bậc dẫn dắt siêu phàm Dechhen Dorje (cũng được gọi là Drimed Khakyod Wangpo). Ngài là hiện lộ đầy năng lực gần đây nhất của một loạt những hóa thân linh thánh trải qua nhiều đời, gồm cả Srongtzan Gampo (thân tướng mà Đức Avalokiteshvara đã hóa hiện làm một vị vua tâm linh để che chở miền Bắc Tây Tạng, Xứ Tuyết), cũng như Nub Namnying và Dagpo Daod.⁹⁵ Thân tướng của Dechhen Dorje thì còn gây xúc động hơn trước đây,⁹⁶ rực rỡ với “cờ chiến thắng” là những chiếc y tu sĩ màu nghệ. Ngài đội chiếc nón của học giả, nhọn đầu với những miếng vải che tai dài, cầm một cái trống tay và một cái chuông. Trong bốn hướng chính quanh ngài, tôi nhìn thấy bốn Dakini màu trắng cầm những mũi tên có đính những dải ruy băng lụa xanh dương. Trước mặt ngài là một Dakini màu xanh dương sậm có biểu hiện phẫn nộ, đeo một khăn choàng lụa nhiều màu và cầm một mũi tên có dải ruy băng lụa màu xanh dương.

Trên một chiếc ngai bên trái ngai chính là bậc siêu vượt mọi hoạt động, Đạo sư chứng ngộ Jigmed Pawo (cũng được gọi là Dza Konchhog), là một tái sinh của

Lhatsun Namkha Jigmed⁹⁷ và là trưởng tử tâm huyết của Dzaga Chhogtrul Rinpoche.⁹⁸ Ngài có nước da hơi xanh sẫm, mặc một áo choàng lụa bay dập dờn, đội một chiếc mũ học giả, tay ngài cầm một cái bình. Ngài là một vị vua trong số những bậc lão luyện thành tựu, là bậc trong đời đã đạt tới chứng ngộ tột bậc của bốn thị kiến về con đường bí mật hợp nhất sự thuần tịnh nguyên thủy và hiện diện tự nhiên,⁹⁹ và là bậc tâm đã ngập chìm trong trạng thái nơi những hiện tượng thường tục biến mất trong chân tánh của thực tại. Trong bốn phương chính quanh ngài là bốn Dakini đỏ mặc áo choàng đỏ, và trước mặt ngài là Dakini khác.

Tôi cũng nhìn thấy một tập hội khoảng mười ngàn Daka, những bậc trì giữ giác tánh nội tại, đội nón lông công. Không gian quanh họ tràn đầy hăng hà sa số hàng tỉ thiên nữ đang cúng dường, từ nước uống, nước tắm cho tới hoa và thực phẩm. Một vài vị cầm chày kim cương và chuông, một số cầm trống tay nhỏ, một số cầm xập xỏa, một số cầm chiêng, một số cầm các vỏ ốc xà cừ, và một số (ở bốn hướng chính) cầm các kèn trum-pét trắng, vàng, đỏ, và xanh lá cây. Những chiếc trum-pét ở phương tây được làm bằng san hô và được hai Dakini mặc áo choàng cam thổi; tôi được kể lại rằng họ đã thực hiện chức năng đặc biệt là kéo chúng sinh tới con đường Kim Cương thừa. Những chiếc kèn trum-pét xương đùi hoàn toàn được làm bằng xương đùi của con người, chứ không bằng đồng đỏ hay đồng thau.¹⁰⁰ Khoảng một trăm tù và bằng cây sậy cũng vang lên. Có khoảng một trăm người giữ lẵng mộ trong những áo choàng vàng, vai trái của họ quấn một miếng lụa đủ màu truyền thống.

Tôi hỏi một trong những Dakini: “Nghĩ lễ tập thể nào được thực hành ở đây?”

Bà trả lời: “Chúng tôi đang cử hành nghi thức và lễ cúng dường Tám Mệnh lệnh, Tập Hội các Đấng đã

Đạt được Đại Lạc, là tinh yếu của giáo lý trong thời kỳ ban đầu của trường phái dịch thuật.”101

Lúc này, nhiều thành viên của tập hội đứng lên. Cảm thấy bối rối và sợ hãi, tôi cũng đứng lên và nhanh chóng lễ lạy liên tục. Tiến lại gần, tôi đặt bàn chân Đức Guru toàn trí vĩ đại lên đỉnh đầu. Tôi cúng dường Ngài một mạn đà la có hình dạng kim loại và đá quý, và một khúc lụa trắng tinh sạch. Sau đó Đức Orgyen vĩ đại đặt bàn tay lên đầu tôi, đọc Lời Khấn nguyện Bảy-Dòng.

Chú tôi, Khakyod Wangpo, bắt đầu đọc: “Vớ quyền định đoạt sự trường thọ, cuộc đời con sẽ vô hạn..” và, trong khi vung vẩy một mũi tên trường thọ ông tụng một nghi lễ triệu thỉnh những năng lực trường thọ.

Về phần mình, Dza Konchhog tụng:

Tri giác của giác tánh nguyên sơ trong trẻo sống động.

Ngọn đèn cho sinh linh là ngọn đuốc của giác tánh nguyên sơ.

Lộng lẫy và tráng lệ tột bậc, chói ngời rực rỡ là bậc Đạo sư hộ trì thần chú, vua của các thần chú của giác tánh.

A P’hat A P’hat A P’hat

Tôi vẫn quỳ trên nệm bằng lụa trắng, kêu khóc không thôi. Những giọt nước mắt rơi xuống tụ lại giống như nước trên nền pha lê. Sau cùng, bởi tràn ngập nỗi buồn đau, tôi kêu lên: “Ôi chú tôn quý, chú đã bỏ rơi chúng sinh, nhất là lũ chúng con là những đệ tử và thị giả và là đối tượng của lòng thương yêu của chú.

Trong khi chú đã tới một cõi thuần tịnh không để lại dấu vết nào thì đứa cháu gái này cảm thấy còn đau đớn hơn là trái tim nó bị xé tung ra. Những đệ tử và thị giả khác của chú cũng cảm xúc như thế. Chú ơi, con khấn cầu chú từ đáy lòng con. Chú nên quay trở lại thế giới loài người vì lợi lạc của chúng sinh. Cho

tới khi hiện thân giác ngộ của chú lại xuất hiện, đứa con gái này sẽ không đi đâu hết. Con tới đây với ý hướng chín chắn. Con đã tới, đã gặp được chú; và gặp chú rồi, con đã đưa ra lời thỉnh cầu. Xin hãy làm cho tất cả những gì con yêu cầu chú trở nên có ý nghĩa, con van xin chú!” Và tôi lại bắt đầu khóc, đôi mắt tôi đầm lệ.

Drimed Khakyod Wangpo biểu lộ lòng thương yêu của ngài bằng cách trả lời: “Dadrol cháu ta, những gì con nói thì hoàn toàn chân thực, tuy thế con chớ buồn rầu. Giữa ta và Lạt ma Orgyan vĩ đại không có chút khác biệt nào. Mặc dù những danh xưng theo quy ước ‘sinh’ và ‘tử’ nhưng đối với ta thì trong ý nghĩa tối hậu không có chút ý niệm sai lầm nào về sinh hay tử.

“Mọi chúng sinh hữu tình đã từng có bất kỳ mối liên hệ nào - dù tích cực hay tiêu cực - với ta, lão già Dechhen Dorje này, đã được đưa dẫn tới Núi Huy Hoàng trên tiểu lục địa Chamara, cõi thuần tịnh của các Đấng Chiến Thắng của ba thân, giống như một đàn chim bị giết mình bởi một viên sỏi bắn ra từ một súng cao su.102 Ngay cả bây giờ, ta ban cho con một lời hứa trang nghiêm rằng những đệ tử hay thị giả nào có thể khẩn cầu ta sẽ đồng thời trở thành những vị Phật.

“Con, kẻ đau khổ vì ta, hãy thận trọng trong sự sùng mộ của con, hãy nhìn Lạt ma như Pháp Thân của Phật Quả. Hãy chú tâm tới lòng bi mẫn của con, thấu hiểu rằng sáu loài chúng sinh là những cha mẹ của con. Hãy thận trọng trong việc thực hành đức hạnh, đừng làm mờ tối bất kỳ điều gì con làm với những lợi lạc vị kỷ. Hãy thận trọng trong việc trì tụng các thần chú và các thực hành thiền định, đừng rơi vào tám ảnh hưởng thế tục,103 hãy thấu suốt duy nhất thần chú mani sáu-âm để làm đầy đủ thực hành của con. Hãy thận trọng trong thực hành chính thức của con, gộp chung mọi sự trong tâm chân thật của riêng con. Chớ phạm sai lầm! Chớ phạm sai lầm!

“Ngay khi con rời bỏ thân người này, ta sẽ dẫn tất cả các con tới cõi thuần tịnh này như một con ngỗng cái dẫn dắt đàn ngỗng con của nó. Hãy đơn giản nhận ra rằng không phải ta dẫn dắt, mà chính là Tam Bảo! Khi con trở lại cõi người, hãy thuật lại tất cả những thông điệp này cho Tromge Kundun, cho những gia chủ trong vùng, và cho các đệ tử thân thiết của ta. Hãy làm những điều ta nói, bởi cho dù họ có trực tiếp gặp ta, ta cũng không nói điều gì khác hơn.”

Khi nói những lời này, ngài ban cho tôi một phần hậu hĩnh thức ăn và nước uống của tiệc cúng dường. Tôi quỳ lạy ba lần nữa rồi từ giả ngài.

Trong một tòa lâu đài bằng pha lê với tám con rồng lam ngọc cầm những hạt ngọc trong móng vuốt của chúng và kết hợp trong tám phương chính và phụ, tôi tìm thấy một cái giường để thương với những chiếc gối và gối ôm, và nằm xuống đó. Một Dakini phục vụ tôi như thị giả. Tôi có cảm tưởng là mình đã ngủ một lát khi được đánh thức bởi tiếng kêu của một chim công có màu xanh nhạt: “A a u u e o a m!”¹⁰⁴

Tôi lập tức quay trở lại với Đức Guru linh thánh và được hội kiến Ngài như trước đó. Tôi thực hiện nhiều lễ lạy và cúng dường. Trước sự hiện diện của người chú linh thánh, tôi lại khóc. “Chú ơi, chú không chỉ bỏ chúng con, mà giờ đây chú còn bỏ lại cả Tromge Chhogtrul Rinpoche là nơi nương tựa duy nhất cho những người tràn đầy hy vọng. Nếu công đức cho phép chúng con nương cậy ngài đã cạn kiệt, thì nỗi khổ của chúng con sẽ còn to lớn hơn nỗi khổ của một người mù thiếu sự dẫn dắt và ngã nhào nơi vách núi. Có thể làm được gì để bảo đảm rằng sẽ không có chương ngại nào cho cuộc đời Rinpoche, để ngài có thể hoàn toàn thực hiện được sứ mạng làm lợi ích chúng sinh và làm thỏa mãn quyến thuộc và các đệ tử của ngài?”

Chú Khakyod Wangpo có vẻ quan tâm: “Điều đó chắc chắn là một vấn đề có giá trị,” ngài nói: “Tromge

Chhogtrul sẽ sống mười một năm nữa. Nhưng bởi ngài có thể đau đớn bởi vài bệnh tật nhẹ trước thời gian đó, nên sẽ có ích lợi nếu cử hành một nghi thức thỉnh mời trở lại sự bảo hộ của các Dakini có số lượng tương ứng với số tuổi của ngài, và cúng dường một hình nộm của ngài theo hướng mặt trời mọc.105 Sau đó chắc chắn ngài sẽ sống thọ như thế.”

Tôi hỏi: “Khi nào ngài quay trở lại?”106

Ngài trả lời: “Hiện tại ta sẽ đi tới cõi thuần tịnh gọi là Mộ Địa Núi lửa Đang Phun để dạy Giọt Tâm Yếu của Chetzun107 cho những người tỳ hội ở đó. Mặc dù rất có thể người ta nghe nói về cách thức mà hóa thân của ta sẽ được sinh ra sau đó, chớ ghi lại những điều này, bởi chúng đòi hỏi phải được niêm phong bí mật. “Còn bây giờ, con gái ta, sẽ nguy hiểm cho con khi ở lại cõi giới này và con không nên tới đây một lần nữa.108 Hãy quay về cõi người và làm lợi lạc các sinh loài. Trong vòng ba năm tới, ta sẽ tái sinh ở đó một lần nữa.”

Mặc dù rất đau đớn khi phải chia ly với nơi nương tựa của tôi, tôi chuẩn bị để quay trở về. Tôi tụng lớn ba lần Lời Khấn nguyện Bảy-Dòng và thực hiện nhiều lời nguyện ước đặc biệt với Đức Padmasambhava, với chú tôi, và với Tam Bảo. Như một dấu hiệu là tôi đã viếng thăm Núi Huy Hoàng trên tiểu lục địa Chamara, tôi được ban pháp danh là Khadro Sherab Chhodron (Dakini Ngọn Đèn Trí tuệ Tâm linh)

Nhiều hiện thể tập họp ở đó tấu nhạc, và các Dakini làm những người hộ tống cho tôi. Thân tôi bị để ý và tâm tôi thì tràn đầy sự vương mắc, nhưng tôi chẳng làm được gì. Nước mắt tôi rơi như mưa trong khi thiết tha cầu nguyện thật nhiều.

Sau đó chúng tôi tiến lên phía trước. Dakini Tsewang Barma lại gặp tôi lần nữa. Bà ban cho tôi bảy viên cam lồ109 và một hộp châu báu hình khối vuông của

Dakini làm bằng pha lê thạch anh. Bởi tôi không mang chúng theo mình, bà đọc một bài cầu nguyện rất hay cho tôi:

Cầu mong giáo lý của chư Phật được truyền bá.
Cầu mong cuộc đời các Đạo sư được kiên cố.
Cầu mong đại lạc và hạnh phúc đến với các sinh loài.
Cầu mong tất cả đạt được Phật Quả giác ngộ.

Tôi cũng gặp Dakini Laykyi Wangmochhe một lần nữa. Bà ban cho tôi lụa trắng, gạo, các bó nhang, và những thứ khác, và tôi ở với bà một lát. Bà nói:

Cầu mong đại lạc và hạnh phúc đến với cô gái này.
Cầu mong không có chướng ngại cho cô gái này.
Cầu mong sự che chở và nương tựa cho cô gái này.
Cầu mong cô gái này có thể làm lợi lạc các sinh loài.

Sau đó tôi gặp vị phối ngẫu linh thánh Mandarava một lần nữa. Một người đàn bà với vẻ mặt phần nộ rút một chất cam lồ trông giống như nước than từ bình bát của bà và đưa cho tôi. Đức Mandarava nói:

Cầu mong chúng sinh được hạnh phúc.
Cầu mong họ thoát khỏi mọi đau khổ.
Cầu mong họ không bao giờ xa rời hạnh phúc.
Cầu mong họ chứng ngộ tánh bình đẳng của mọi hiện tượng.

Kế đó tôi gặp repa110 Namkha Odsal, ngài nói:

Bồ Đề tâm quý báu:
Cầu mong nó phát khởi ở những nơi nó không phát khởi.
Ở nơi nó đã phát khởi, cầu mong nó không bao giờ suy giảm
mà tăng trưởng thêm nữa!
Om mani padme hung. 111

Sau đó tôi gặp Dakini Yeshe Tsogyal. Bà cho tôi một chất lỏng màu hơi trắng giống như nhựa cây. Mặc dù

Bà hát một bài ca nối kết với thần chú bao hàm danh hiệu của Đức Padmasambhava, nhưng tôi không viết ra đây. Bà cho tôi bài cầu nguyện tha thiết sau:

Cho cô gái Dawa Drolma này,
trong thế giới phàm tục của cõi người,
trong lãnh vực của thị kiến được chứa đựng trong đôi mắt cô,

khi còn trong thân xác hữu hình:

Ở phương đông khi cô nhìn về phương đông,
cầu mong cô nhìn thấy một người gác cổng bằng pha lê.

Khi cô nhìn về phương nam, chú ý tới phương nam,
cầu mong cô thấy một người gác cổng bằng vàng.

Khi cô nhìn về phương tây, chú ý tới phương tây,
cầu mong cô thấy một người gác cổng bằng san hô.

Khi cô nhìn về phương bắc, chú ý tới phương bắc,
cầu mong cô thấy một người gác cổng màu lam ngọc.

Khi cô ta hát một bài ca thần chú Đạo sư Kim Cương
cầu mong cô thấy Đức Padma Jungnay.

Khi tiệc cúng dường được cử hành ở đây
cầu mong cô gái tới viếng cõi giới này.

Cầu mong cô đưa dẫn những chúng sinh có liên hệ
với cô, trong phạm vi vật lý hay ngôn ngữ, 112
tới tiểu lục địa Chamara.

Bà bảo tôi: “Hãy tới đây vào những ngày âm lịch khi
kết quả của những hành động của chúng ta được
nhân lên một trăm ngàn lần: những ngày mồng mười,
hai mươi lăm, và những ngày mười lăm và mồng
một.”

Bà nói thêm: “Hãy khởi hành ngày hôm nay và đừng
khóc lóc,” nhưng khi Bà đi với tôi một trăm bước, Bà
đã để mặc nước mắt tuôn rơi. Bà nhấn mạnh: “Trừ
một quãng ngắn ta đã đi hôm nay, ta không bao giờ
thực sự đi đâu hết.” Sau khi đi thêm 110 bước nữa,
tôi nhìn lại Bà. Tôi đã quá quỵên luyến, nhưng Bà gọi
tôi: “Đừng buồn vì điều này.”

Đi xa hơn nữa, tôi lại tới trú xứ của Dakini Wangmo. Một trong những người gác cổng dẫn tôi tới gặp bà. Do bởi mối liên hệ chặt chẽ của chúng tôi, tôi khóc oà lên vì sợ rằng chúng tôi sẽ phải chia ly, và chính vị Dakini cũng nhỏ ít giọt lệ. Bà cho tôi một nhúm hạt.

Bà nói: “Ta không được tự do đi hộ tống con, nhưng ta có một thông điệp cho con mang về. Không có lỗi làm gì trong việc con kiên quyết cắt đứt những ràng buộc của con với cõi người và đi tới đây. Nếu con thấy mình không thể thoát khỏi miệng một con cá sấu dữ tợn hay một con rắn độc hiểm, 113 hãy ném hạt này và nói: ‘Hạt này ném ra từ tay Dakini Wangmo.’”

Tiếp tục đi xuống, tôi gặp tám Dakini, trong đó có Yul-lha, vị Dakini ở vùng Derge đã nói ở trên, và được hộ hộ tống. Khi chúng tôi thảo luận về tường thuật của tôi về cõi thuần tịnh, tôi cứ khóc mãi. “Bây giờ hãy nghỉ qua đêm,” bà nói. “Nếu ta có thể ban cho con một quán đảnh về ba Bản tôn—Amitayus, Samyak, và Vajrakilaya thì con, Ôi Dakini, đối với các Tulku đặc biệt, các Lạt ma, thiện tri thức, và những Terton hóa thân linh thánh đang ở trong cõi người bình phàm, con sẽ trở thành một Dakini cao quý, sẽ xua tan chướng ngại cho sự trường thọ của các ngài.” Nhưng tôi không có thời gian để nhận lãnh quán đảnh này.

Khi tôi tiếp tục, Đức Tara Trắng cảnh báo tôi chớ nói bất kỳ điều gì về các điềm xấu. Tôi lại tới hội kiến Đức Jamyang Khyentsei Wangpo. Với vẻ khoan thai từ tốn, dường như Ngài vui hơn lần trước, và hơi mỉm cười. Ngài chấp tay hướng về phía tôi, và Đức Tara Trắng nói những lời như sau:

Dù Ngài có chấp tay hay không,
dù Ngài có tin hay không,
tái sinh này của Đức Tara Trắng tôn quý
sắp đi tới cõi người bình phàm.

Đi xuống nữa, vị nhiếp chính Jampa Migyur gửi một đội hộ tống gồm năm Dakini tới gặp tôi. Để xoa tan nỗi sợ của tôi đối với những cư dân ở trong địa ngục, ngài ban cho tôi một sợi giây ban phước có một chày kim cương được khắc từ một miếng đá phiến và một cái nơ có hình dạng một con bò cạp khắc trên đá. Ngài tụng những lời ước nguyện chẳng hạn như bài bắt đầu bằng “Bồ Đề tâm quý báu..”¹¹⁴

Khi tôi tiếp tục, Đức Tara Trắng nói: “Con đã không mang theo người hộ châu báu của Dakini bằng pha lê mà hai chúng ta định đem về, vì thế có ý nghĩa gì khi mang chiếc nơ đá này, là thứ không cần thiết?” Và vì thế tôi bỏ rơi nó trên mặt đất.

Rồi ở chỗ khuất gió của một mặt tảng đá, tôi nhìn thấy một cõi thuần tịnh sinh ra từ đại nguyện, một cung điện rộng lớn bằng pha lê. Trên cổng phía đông là một cái khóa bằng pha lê có kích thước bằng khoảng chiều dài tay áo của tôi. Bên phải và trái trên chiếc cổng là hai hình ảnh của Đức Phật Amitayus. Giữa hai tấm hình tôi nhìn thấy thần chú mani sáu-âm được viết trong ba loại chữ, chữ này trên chữ kia: Tây Tạng, Lantza, và Wardhu.¹¹⁵ Ở đó Dakini Yul-lha (là vị tôi đã gặp trước kia) và tôi gặp một cô gái thuộc gia đình Gya Chhagla tên là Adam. Cô ta và Yul-lha hết sức mừng rỡ, hôn và ôm nhau quanh cổ như những người trong thế giới phàm tục.

Trên một chiếc ngai cao trong cung điện là một Lạt ma cao tuổi có bộ râu trắng. Ngồi nép một bên trên một cái ngai trước ngài là Asheya Drolma, chị của cha tôi (Tromge Jigmed T'hrogyal). Một người đàn bà với mái tóc cột túm lên trong một chiếc khăn xếp đang đặt nhiều câu hỏi cho cả hai vị về những vấn đề liên quan tới giáo lý đạo Phật. Có khoảng hai mươi ngàn người đàn bà khác ở đó, cả nữ cư sĩ lẫn ni cô; tất cả đều cầm những chiếc đèn bơ bằng kim loại và tụng những lời ước nguyện.

Khi tôi tiến lại gần hơn, Asheya Drolma nói: “Hãy mang thông điệp sau đây tới cho Jigmed T’hrogyal: ‘Chị đã tái sinh trong cõi giới của đại nguyện này. Cha mẹ chúng ta đều đã tái sinh tại Zangri Kharmar, 116 nơi họ đang làm lợi ích cho chúng sinh như những hành giả Kim Cương thừa đầy năng lực. Tên của em khi em còn nhỏ là Yudra Nyingpo; tên của em hiện nay không rõ ràng đối với chị, nhưng em đã làm những hành động đức hạnh lẫn ác hạnh trong đời này. Mặc dù không khó thực hiện một sự pha trộn như thế gồm những hành động như một phàm phu trong vòng luân hồi, điều quan trọng là em đã được sinh ra làm người chỉ một lần này thôi. Đã tới lúc để chúng ngộ tiềm năng của đời người này, vì thế hãy trì tụng thần chú sáu-âm và đừng quên thỉnh thoảng nhập thất. Khi ấy, không còn nghi ngờ gì là em sẽ được tái sinh tức thời trên Núi Huy Hoàng ở tiểu lục địa Chamara ngay khi từ giã cuộc đời này.’”

Tôi cũng tụng những lời ước nguyện nhiệt thành.

Như thế, đây là linh kiến vắn tắt của tôi về Núi Huy Hoàng. Tôi, một đứa con gái khiêm tốn của bộ tộc của Lạt ma Tromge, có tên là Dawa Drolma, đã chết trong năm ngày và đã kinh nghiệm những linh kiến về Núi Huy Hoàng, Núi Potala, và những cõi giới khác. Những tường thuật này không được thêm thắt với những ngôn từ bác học, không được tô điểm bằng văn vẻ của thi ca kinh điển mà cũng chẳng có những vần điệu du dương thích đáng. Nhưng tôi cũng không làm cho những ngôn từ huyền diệu của các Dakini trở nên khó hiểu.

Đây là những câu chuyện đông dài, không đầu không đuôi khùng điên của chính cô gái này, được hóa thân Nyag Trulpa¹¹⁷ ghi chép ngay khi tôi thuật lại chúng trên đỉnh Đèo Mani Tashi trong vùng T’hrom. Tôi xin sám hối với tập hội chư vị Dakini và Hộ Pháp bất kỳ lỗi lầm nào bao hàm trong những câu chuyện đó, và cầu mong công đức này khiến cho những ai nghe

được ngay cả danh hiệu của tôi và những ai nhiệt thành quan tâm tới những kinh nghiệm thuần tịnh linh kiến này được tái sinh trong Núi Huy Hoàng trên tiểu lục địa Chamara.

May mắn, may mắn, may mắn!

Sarva mangalam – cầu mong mọi sự tốt lành.

3. NÚI POTALA CÕI THUẦN TỊNH CỦA ĐỨC AVALOKITESHVARA

4.



Kính lễ Đấng Bi Mẫn Siêu Việt, Avalokiteshvara, kho tàng vĩ đại của lòng bi mẫn.

Mặc dù cô gái này không thể nói như cô nên nói, tôi có nên thuật lại cho các bạn một tường thuật ngắn về Núi Potala hay không?

Cõi được gọi là Núi Potala nằm ở phía đông nam của Bodh Gaya (Bồ Đề Đạo Tràng) ở Ấn Độ. Toàn thể vùng này phủ đầy những bông hoa tươi đẹp, và những cây như ý bằng châu báu phát triển ở đó. Những con suối sỏi bọt cam lồ, và những đàn chim véo von tuyên thuyết Giáo Pháp. Mọi người đều sinh ra từ những đóa hoa và không có thay đổi thời tiết từ hạ sang đông. Ngay cả ý niệm về đau khổ cũng không có, trong khi kinh nghiệm về hỉ lạc và hạnh phúc thì vô biên.

Các Bồ Tát nam và nữ đã đạt một cấp độ chứng ngộ vững chắc, vui hưởng thực phẩm tuyệt vời một trăm vị, mặc y phục bằng vải sắc-cầu vòng, và uống cam lồ của các vị trời. Các ngài đã thoát khỏi sinh, lão, bệnh, tử, phụng sự các Đức Tathagata¹ và nghe Giáo Pháp từ chính Đấng Bi Mẫn Siêu Việt. Dòng tâm thức các ngài được giải thoát nhờ lòng bi mẫn vô biên của các ngài. Các ngài tắm trong những cái hồ đầy nước có tám phẩm tính.²

Ở đây tôi tìm thấy một tòa lâu đài đẹp tuyệt



vời, tự-xuất hiện và hình thành tự nhiên, tường làm bằng năm lớp3 riêng biệt. Nó trong mờ cả trong lẫn ngoài, được nâng đỡ bằng một ngàn cây cột pha lê và được tô điểm bởi những đà mái bằng châu báu. Nó được trang hoàng với những cái rèm ánh sáng cầu vồng, như thể được thắp sáng bởi một ngàn mặt trời và mặt trăng. Những đà tường làm bằng lam ngọc, đầu tường bằng san hô, những bậc thang bằng ngọc trai. Vây quanh dinh thự làm bằng năm loại châu báu này là một bậc thềm thấp bằng hồng ngọc, trên đó nhiều ngàn thiên nữ cúng dường nhảy múa vui đùa. Phía trên là một mái vòm bằng vàng, với những chiếc dù bằng lụa trắng và một Pháp luân có nai quỳ gối và lắng nghe ở hai bên.⁴ Ở bốn bên của lâu đài là những miệng máng xối có đầu makara,⁵ những sợi dây bằng ngọc trai treo từ miệng chúng với những cái chuông và chuông chùm nhỏ xíu phát ra những âm thanh thú vị.

Bốn phía của tòa lâu đài được trang trí bằng bốn cửa. Tôi đi vào cửa phía tây và gặp một thiên nữ giác tánh nguyên sơ. Đi sâu vào trong, tôi thấy vô số cửa cải và những gì niềm vui dạt dào, như thể đang ở trong một ảo giác. Vô số vật cúng dường được sắp xếp, thậm chí còn vượt hơn cả cửa cải của những đại thiên trong cõi trời Nirmanarati.⁶

Ở giữa những thứ này, trên một hoa sen trắng trăm ngàn cánh nở lớn, là Đức Avalokiteshvara cao quý, bậc điều phục chúng sinh bi mẫn tối thượng, với vẻ thanh xuân của một thiếu niên mười sáu tuổi. Thân Ngài có sắc trắng chói lọi, một mặt và bốn tay. Đôi bàn tay thứ nhất chấp lại nơi tim và cầm một viên ngọc, bàn tay phải của đôi tay thứ hai cầm một chuỗi hạt pha lê và bàn tay trái cầm một cành huệ trắng rực rỡ cạnh tai Ngài. Tôi bị thu hút bởi những tướng chính và phụ trên thân tướng toàn hảo của Ngài.⁷ Ngài mặc y phục bằng lụa và những vật trang sức bằng những châu báu khác nhau, trên vai choàng bộ da của một linh dương krisnasaranga⁸ trùm qua phía trái ngực. Ngài ngồi chéo chân trong tư thế kim cương,⁹ thân

Ngài sáng chói lợi với vô số tia sáng. Trong tâm tôi,
Ngài không khác với ngài Drimed Khakyod Wangpo,
Lạt ma gốc của tôi.

Bên phải Đức Avalokiteshvara là Manidhara, Bạc Hộ
trì Bảo Ngọc, trưởng tử siêu phàm của Ngài; bên trái
là con gái Ngài, Vidyadhari, Bạc Hộ trì Thần chú của
Giác tánh; phía sau Ngài là Đấng bảo trợ, Đức Phật
Amitabha; và trước mặt Ngài là vị phối ngẫu siêu
phàm của Ngài, Đức Shadakshari, Thiên nữ của Thần
chú Sáu-Âm. Đoàn tùy tùng của Ngài chỉ gồm những
bậc trưởng thượng tâm linh là những vị đã đạt những
cấp độ chứng ngộ cao quý, tập hội không thể nghĩ
bàn chư Phật và Bồ Tát.

Đức Tara, bạn đồng hành của tôi nói:

Cung điện này là một xứ sở được tô điểm bằng hoa.
Cõi giới này là một lâu đài quý báu rộng lớn vô biên.
Bồn tôn này là Bồn tôn của lòng bi mẫn của tất cả các
Đấng Chiến Thắng.

Quyển thuộc này là một đoàn tùy tùng gồm các Bồ tát
nam và nữ.

Con, cô gái may mắn, nên lễ lạy và cúng dường với
lòng sùng mộ.

Hãy tụng đọc những lời nguyện ước để có một liên hệ
nghiệp tích cực.

Lòng tôi tràn ngập sự kính sợ và hoan hỉ, và bắt đầu
lễ lạy, khẩn cầu. Tôi nói:

Đức Avalokiteshvara Bi Mẫn,
hóa hiện những tia bi mẫn khắp mười phương,
con đánh lễ Ngài, đáng bất khả phân với Lạt ma siêu
phàm của con, và bất khả phân với quyển thuộc của
Ngài.

Con cúng dường tập hợp những vật cúng dường vô
song, thực có và tưởng tượng.

Với sự hối tiếc chân thành, con sám hối những ác
hạnh và vi phạm giới nguyện của con,

và hứa không làm những điều đó trong tương lai.

Con tùy hỉ năng lực đức hạnh vô tận.

Con khẩn cầu Ngài trụ thế mãi mãi, không thị nhập Niết Bàn,
và liên tục chuyển Pháp luân rộng lớn, sâu xa.10
Con hồi hướng công đức tích tập được để tất cả chúng sinh trong sáu loài, vô biên như không gian, có thể nhanh chóng đạt được trạng thái của Ngài, Ôi đáng cao quý siêu phàm.
Con khẩn cầu Ngài, trong mọi cuộc đời, xin ban cho con ân phước siêu việt nhất không bao giờ xa lìa Ngài, Đấng Bi Mẫn Siêu Phàm.

Khi tôi khẩn cầu như thế trong trái tim tôi, Đức Bi Mẫn cao quý mỉm cười, khuôn mặt rạng rỡ, và tôi nghe những lời sau đây, trong những âm thanh du dương, dịu dàng, Pháp âm của Ngài rung động tự nhiên và vang rền tới toàn thể mạn đà la của đoàn tùy tùng:

Om mani padme hung hri.
Lạt ma của ta chính là lòng bi mẫn siêu phàm.
Ta chính là Bản tôn hiện thân tự nhiên của lòng bi mẫn của tất cả các Đấng Chiến Thắng.
Hoạt động giác ngộ của ta trải rộng tới mọi chúng sinh, đối tượng của lòng bi mẫn,
và với sự xót thương, ta đặc biệt chăm sóc mọi chúng sinh trong cảnh khổ cùng.
Con, con gái ta, cũng có tâm hồn bi mẫn như thế, giờ đây may mắn được gặp ta trong cõi này.
Tất cả những ai lễ lạy và tôn kính ta với niềm tin và lòng sùng mộ
Ta sẽ đưa dẫn tới Cõi Cực Lạc, nhờ nguyện lực trước đây của ta.
Nhờ năng lực lòng bi mẫn của ta, chúng sinh vô biên như không gian trong sáu trạng thái,
và đặc biệt những người ở Tây Tạng, Xứ Tuyết, có thể tạo mối liên hệ với ta nhờ nghe danh hiệu và lễ lạy ta với đức tin,
và ta sẽ chăm sóc họ với lòng bi mẫn, bởi ta được gọi là Mahakarunika, Đấng Bi Mẫn Siêu Phàm.
Đặc biệt những ai không có khả năng tự vệ, suốt sáu thời ngày và đêm11

ta chăm sóc với lòng bi mẫn, đôi mắt giác tánh
nguyên sơ của ta không bị ngăn che.
Ta thấu hiểu tất cả họ và ban tặng những con người
nhỏ bé này sự nương tựa cuối cùng từ khổ đau của
họ,
bởi ta được gọi là Avalokita, Đấng có Đôi Mắt Thấu
suốt.

Thiền định về thân tướng của ta, niệm danh hiệu ta,
trì tụng tâm chú của ta,
và cử hành nghi lễ chay của ta – những ai nỗ lực
trong những thực hành này,
mặc dù có thể họ đã phạm một hành vi cực kỳ tàn ác
đưa tới quả báo lập tức vào lúc chết,
ta sẽ dẫn họ tới Cõi Cực Lạc, bởi ta được gọi là
Lokeshvara, Đấng của Thế Giới.
Bởi nguyện lực kiên quyết từ lâu xa của ta là đưa dẫn
mà không dụng công
tất cả chúng sinh nào nhìn thấy ta, nghe ta nói, tưởng
nhớ tới ta, hay tiếp xúc với ta
tới những hàng thánh chúng của Đức Phật Amitabha
trong Cõi Cực Lạc,
các Đấng Chiến Thắng đã tuyên xưng ta là Khorwa
Rangdrol, Sự Giải thoát Tự Nhiên khỏi Luân Hồi Sinh
Tử.

Than ôi! Trong những ngày cuối cùng này của Giáo
Pháp của Đấng Chiến Thắng¹²
mặc dù ta chăm sóc chúng sinh với lòng bi mẫn rộng
lớn hơn bao giờ hết,
nhưng như thể giây buộc chiếc móc bi mẫn của ta đã
đứt.

Bởi năng lực ngoan cường của ác hạnh, nhiều người
đã mất niềm tin và lòng sùng mộ.
Dường như họ vượt khỏi cái nhìn bi mẫn của ta.
Giống như ánh sáng mặt trời không lọt vào hang quay
về hướng bắc,
họ bị đoạt mất sự hiện diện của ta, lòng bi mẫn hiển
nhiên của tất cả các Đấng Chiến Thắng.
Trong khi lòng bi mẫn của ta thì không định kiến hay
thiên vị,
nhưng bởi tập khí ương ngạnh của họ, những niệm

tưởng không thích đáng tự bản chất,
chúng sinh cứ mãi lang thang trong vực sâu tăm tối
của những con đường ti tiện và những trạng thái tái
sinh thấp kém.
Nhận ra rằng tình huống của họ do họ tự tạo, lỗi lầm
nằm nơi chính họ,
trong sự chăm sóc của ta, ta tìm thấy những người
bơ vơ thực sự xứng đáng với lòng bi mẫn của ta.
Thời đại trở nên tồi tệ khi bệnh tật, vũ khí, và nạn đói
hành hạ họ;
thọ mạng của họ ngắn lại bởi ma quân bất thần mang
họ đi;
ngôn ngữ của họ thoái hóa bởi họ trở nên lạnh lợi
trong việc lọc lừa người khác;
thực phẩm của họ hư hỏng bởi họ dẫn mình vào
những cách sinh nhai tà vạy;
cái thấy của họ suy đồi bởi họ lao mình xuống vực
thẳm của học thuyết vĩnh cửu và hư vô.¹³
Mặc dù bàn tay Đấng Chiến Thắng muốn ngăn họ lại,
nhưng không dừng họ lại được.
Chắc chắn là họ phải chịu đau khổ trong sự thèm
khát, có phải thế không?
Họ thật đáng thương với ác nghiệp của họ, khi theo
đuổi những gì họ cho là lạc thú.
Giờ đây các con, Ôi dân chúng Xứ Tuyết, những kẻ
tự thiêu đốt thịt da mình,
bởi nỗi khổ của các con chỉ do một mình các con sắp
đặt, chỉ một mình các con bảo đảm, và chỉ hành hạ
một mình các con,
hãy nhớ lại lỗi lầm che dấu to lớn đã phạm trong quá
khứ, bởi nghiệp và những cảm xúc phiền não.
Đã tới lúc để ban cho các con vài lời khuyên.
Chỉ một lần duy nhất trong một quãng thời gian rất
dài, các con mới có được nơi nương tựa này với sự
tự do và cơ hội.¹⁴
Bây giờ là lúc các con có thể gặp được các thiện tri
thức và thực hành Phật Pháp linh thánh,
và những hoàn cảnh thuận lợi cùng tự hội, hãy sử
dụng phần đời còn lại của các con trong chính con
đường này.

Nếu ngay lúc này các con đắm mình trong vũng lầy của nghiệp hay những cảm xúc phiền não, các con sẽ gây nên đau khổ trong tương lai ở những trạng thái tái sinh thấp kém

là nơi khó tìm ra ngay cả cơ hội để nghe danh hiệu của Tam Bảo.

Những thuộc hạ khiếp sợ của Yama, Thần Chết, sẽ tới lúc nào các con không biết.

Một khi tâm thức các con đã có được sự hỗ trợ này, hãy thận trọng thực hành cốt tủy của Thánh Pháp.

Phật Pháp không hiện hữu chỉ vì lợi ích bề ngoài nhằm bảo vệ các con khỏi nỗi sợ và đáp ứng mọi ước muốn của các con;

nó không đơn thuần là sự đạo đức giả như thế, vì vậy hãy nhìn vào tâm vô đạo đức của các con.

Giờ đây, khi các con đã sở hữu một nền tảng cho sự tự do trong một cõi giới đức hạnh,

các con đã có những hạt giống của lương tri đạo đức không làm lạc để tích tập đức hạnh.

Hãy sử dụng ba điều – chánh niệm, tỉnh giác, và chú tâm – là nước và phân bón của đức hạnh, thiên định về lẽ vô thường, nó làm tăng trưởng đức hạnh.

Hãy bắt đầu vun trồng đức hạnh với lòng sùng mộ và nỗ lực liên tục.

Niềm tin và sự trông cậy là gốc rễ của đức hạnh.

Lòng vị tha bi mẫn là thân của đức hạnh.

Bồ Đề tâm ước nguyện và Bồ Đề tâm thực hành là cốt lõi của đức hạnh.

Sáu toàn thiện (sáu ba la mật) là những nhánh và cành¹⁵ của đức hạnh.

Ý hướng, hồi hướng đức hạnh của riêng con, và hoan hỉ trước đức hạnh của người khác là lá của đức hạnh.

Bốn phương pháp ảnh hưởng tốt đẹp tới người khác là hoa của đức hạnh.¹⁶

Và tánh Không và lòng bi mẫn siêu phàm là trái của đức hạnh.

Nếu cây đức hạnh cao quý được vun trồng theo cách này,

nó sẽ đem lại những trái quả nuôi dưỡng các con và

những người khác, bây giờ và mãi mãi;
đó là tính chất không thể sai lạc của sự tương thuộc
của các pháp.

Không có phương tiện bảo vệ giống cây đức hạnh
tích tập cao quý,
những đức hạnh này sẽ liên tục bị hư hỏng trong
bardo.

Ngu xuẩn phủ nhận nhân và quả, từ bỏ Giáo Pháp, và
làm hư hỏng giới luật tâm linh của các con là trận
sương giá dữ dội giết chết đức hạnh.

Gây gỗ, sân hận, thù hằn, và ganh tị
là trận mưa đá hung tợn làm hư thối trái quả của đức
hạnh.

Tham luyến thanh danh và lợi dưỡng, và liên tục bị
mắc bẫy trong đời sống của gia chủ
là những con sâu đục khoét các con tự bên trong,
cướp đoạt gốc rễ đức hạnh của các con.

Báng bổ hay sỉ vả các Lạt ma và Bồ Tát
bởi sự tự phụ, kiêu căng, và ngạo mạn thái quá
là một cơn khô hạn dữ dội làm hư hỏng những đức
hạnh tích tập được của các con.

Hậu quả không tránh khỏi của tất cả những điều này
là sự phát triển mạnh mẽ nỗi khổ;

nó là kẻ thù vĩ đại của tài sản đức hạnh mà các con
đã thâm tập.

Các pháp đối trị cho những điều này là ba loại trí tuệ
siêu việt, 17

niềm tin kiên định vào bốn phẩm tính, 18

sự hoan hỉ trước thành công của người khác,
quán chiếu sâu xa về lẽ vô thường, nhằm chán vòng
luân hồi sinh tử, và sự từ bỏ,

chế ngự tánh kiêu ngạo, và tu tập trong một quan
điểm thiêng liêng không thành kiến,

Chớ bao giờ rời xa những lá chắn và sự bảo vệ này.
Ban đầu, được thúc đẩy bởi niềm tin, lòng sùng mộ,
và lòng bi mẫn.

Hãy giữ các giới luật tạm thời của những thế nguyện
tám nhánh. 19

Hãy nhất tâm từ bỏ những phóng dật thuộc ba năng
lực 20 của các con.

Bất kỳ những gì xuất hiện đều là sắc tướng của Avalokiteshvara, nơi Ngài tất cả các Đấng Chiến Thắng hợp nhất;
âm thanh nghe được là âm thanh của thần chú tinh túy sáu-âm;
sự vắng mặt bất kỳ cấu trúc nhận thức nền tảng nào là phạm vi hoạt động không tạo tác của Bồ Đề tâm.
Đừng bao giờ lìa xa ba điểm trọng yếu này;
hãy liên tục trì tụng lớn tiếng thần chú sáu-âm – chỉ mình điều đó là đủ.
Hãy cùng nhau thâm nhập đức hạnh mà các con và những người khác tích tập trong ba thời, và sử dụng tất cả chúng như một nguyên nhân nhờ đó tất cả chúng sinh nhanh chóng thành tựu Phật Quả,
hãy theo gương các Đấng Chiến Thắng và những bậc kế thừa của các Ngài với những lời cầu nguyện hồi hướng và ước nguyện;
chủ đề hợp nhất này giống như một dây cương dẫn dắt một con ngựa tốt.
Nếu các con nỗ lực liên tục trong bốn loại thực hành đức hạnh,
vào giờ chết, ta sẽ đưa dẫn các con trong một trạng thái cực kỳ hoan hỷ
tới cõi Cực Lạc thuần tịnh.
Hãy nói với dân chúng Tây Tạng rằng chớ có nghi ngờ điều này.
Đừng do dự! Đây là lời khuyên thương yêu và chân thành của ta.
Đừng bám chấp vào đời này; nó giống như một giấc mộng dễ chịu.
Đừng bị cám dỗ bởi cái xấu; điều ác hại mà các con có thể tự gây cho mình không có lúc chấm dứt.
Đừng cố gắng cố gắng ảnh hưởng thế tục;²¹ các con sẽ chỉ lừa gạt chính mình.
Đừng tạo lập mọi thứ kế hoạch; nhớ rằng các con có thể chết ngày mai.
Hãy cần mẫn hiến dâng năng lực ba phần²² cho Thánh Pháp.
Đây là sự tốt lành vĩ đại nhất mà toàn thể dân chúng

Tây Tạng tự họ có thể làm.
Nếu các con có một thái độ thiện lành toàn hảo như thế,
hãy liên tục trì tụng thần chú mani và tare
và khuyến khích mọi người thực hành đức hạnh trong
bất kỳ cách nào các con có thể.
Về sau, các con có thể đi tới mọi cõi thuần tịnh mà
các con ước nguyện.
Con không xa lìa ta, con gái, vì thế hãy hoan hỉ.
Nghe những lời này, tôi đã trải nghiệm một niềm tin
siêu phàm, hỉ lạc, và để khấn cầu Đức Bi miễn ban
phước, tôi đọc bài kệ sau:
Đức Avalokiteshvara, bất kỳ sắc tướng nào của Ngài,
bất kỳ quyền thuộc, thọ mạng, và cõi thuần tịnh nào
của Ngài,
và bất kỳ phẩm tính cao quý nào của Ngài,
cầu mong con và những người khác hoàn toàn giống
như Ngài.²³
Chấp hai bàn tay lại, tôi hỏi rằng sau này tôi có được
gặp lại Ngài nhiều lần hay không. Đáng cao quý trả
lời:

Những ai gìn giữ một thái độ quan tâm với lòng sùng
mộ,
ta sẽ hiện diện trước mặt họ;
ta ban cho họ lễ quán đảnh và các ân phước.
Chớ có hoài nghi điều này, Ôi người nữ của Tara.

Tôi cảm thấy một sự xác tín lớn lao chưa từng có về
tính chất chân thật của những lời này. Tôi nhiều
quanh Đấng Chiến Thắng ba lần, đi xung quanh sân
trong tòa lâu đài nguy nga của Ngài trong khi đọc bài
kệ sau:

Trong mọi cuộc đời, cầu mong con không bao giờ xa
lìa Lạt ma, Pháp vương của các đấng cao quý.
Cầu mong con vui hưởng sự tráng lệ của Pháp,
hoàn thiện các phẩm tính của con đường và cấp độ.
Cầu mong con mau chóng đạt được trạng thái của
Đức Avalokiteshvara.²⁴

Ở đây tôi sẽ đưa ra một ít luận giảng dựa trên Kinh điển để làm tăng thêm về đáng tin cậy cho những điều tôi vừa thuật lại.

Đức Avalokiteshvara cao quý và tôn kính biểu lộ lòng bi mẫn của tất cả các Đấng Chiến Thắng. Hằng hà sa số kiếp về trước, chính trong thế giới này, trong một đại kiếp tên là Graha có một vị đại đế có danh hiệu là Aranemi, ông có một ngàn người con trai. Người con trai cả tên là Animisha, là người đầu tiên phát khởi thái độ giác ngộ Bồ Đề tâm trước sự hiện diện của Đức Như Lai Ratnagarbha (Bảo Tạng Như Lai).

Có một lần, ngài nghĩ tưởng tới tất cả chúng sinh trong sáu trạng thái tái sinh với lòng bi mẫn, đặc biệt ngài đã nguyện: “Cầu mong chúng sinh không được giúp đỡ, bị lâm vào cảnh khó khăn khổ, dính mắc trong nhân quả, sẽ lập tức thoát khỏi đau khổ nhờ nhờ tưởng tới tôi hay niệm danh hiệu của tôi. Cầu mong tôi không bao giờ đạt được sự toàn giác cho tới khi tôi chấm dứt mọi nỗi khổ đau của chúng sinh.”

Khi Ngài đã viên mãn hoạt động sâu xa và rộng lớn của Ngài, Ngài mang danh hiệu Avalokiteshvara, một Bồ Tát vĩ đại và dũng cảm. Có tiên tri rằng trong tương lai, trong cõi Sukhavati-padmapradesha,²⁵ với tư cách là nhiếp chính của Đấng Chiến Thắng siêu phàm Amitabha (Đức Phật A Di Đà), Ngài sẽ giác ngộ là Đức Như Lai Rashmisamudra-shrikutaraja và thành tựu lợi ích to lớn hơn cho chúng sinh. Phù hợp với lời nguyện được tiên tri này, Ngài làm việc thậm chí còn mạnh mẽ hơn vì lợi ích của chúng sinh trong sáu loài nói chung và đặc biệt là chúng sinh ở Xứ Tuyết Tây Tạng. Như Kinh Hoa Sen Trắng của Thánh Pháp nói:²⁶

Bồ Tát Akshayamati (Bồ Tát Vô Tận Ý) kính bạch Đấng Chiến Thắng, Đức Phật Toàn Giác, Đấng Thế Tôn, hỏi rằng: “Đức Thế Tôn, vì sao vị ấy được gọi là Avalokiteshvara?”

Đức Thế Tôn trả lời: “Chỉ nhờ nghe danh hiệu của Đức Avalokiteshvara mà hàng tỉ tỉ chúng sinh đang phải chịu đựng đau khổ sẽ hoàn toàn thoát khỏi những gánh nặng đau khổ không thể chịu đựng nổi. Bất kỳ khi nào chúng sinh bị đe dọa bởi lửa, nước, thuốc độc, vũ khí, thú dữ, những yêu tinh dạ xoa ác hại, quỷ ma, sự tù đày, trộm cướp v.v.. họ sẽ được cứu thoát. Họ sẽ thoát khỏi năm độc của những cảm xúc phiền não và thoát khỏi mọi phương cách hãm hại. Nếu họ chỉ lễ lạy Ngài với đức tin trọn vẹn, mọi mục đích của họ không loại trừ điều nào sẽ được thành tựu tự nhiên.”

Kinh Quý báu về Dây Bình (Kinh Đại thừa Trang Nghiêm Bảo Vương) nói:27

“Bồ Tát Nivaranavishkambhin (Trừ Cái Chướng) hỏi rằng về vô cùng chói lọi của những năng lực kỳ diệu phi thường của Bồ tát của lòng bi mẫn siêu phàm thì giống điều gì.

Từ kim khâu của Đức Như Lai phát ra những lời này: “Đức bi mẫn Avalokiteshvara đem chúng sinh trong các cõi địa ngục tới chỗ thuần thực tâm linh viên mãn. Khi đã mang hình tướng của một vị đại đế an trụ hoàn toàn thoải mái tại một khu rừng an lạc trong kinh thành của các ngọc quý, Ngài mang lại một sự mát mẻ dễ chịu cho những người bị lửa nóng hành hạ và biến hầm lửa thành những ao sen.

“Bằng cách tung rải và phân bố lính canh trong các địa ngục, Ngài làm cho Thần Chết, Dharmaraja, lễ lạy và liên tục tán thán ngài. Ngài cũng làm dịu mát kinh thành của các ngọc quý và làm yên dịu những đám mây mưa đá kim cương.

“Hơn nữa, những quân lính bảo vệ kho tàng,28 nhận thấy những thái độ thô lậu của họ được thuần hóa và bắt đầu phát khởi Bồ Đề tâm. Mười con sông lớn chảy ra từ mười ngón tay và bốn mươi con sông lớn khác chảy từ mười ngón chân Ngài. Những hạt sương chảy ra từ những lỗ chân lông của đấng có một trái

tim thương yêu, nhỏ xuống các ngạ quỷ. Chỉ nhờ nếm những giọt sương này mà cổ họng của họ được nghỉ ngơi, thân họ trở nên mạnh mẽ và toàn hảo, và họ được thỏa mãn với thực phẩm hàng trăm vị của các vị trời. Đức hạnh của những hành giả của Pháp đang cư ngụ trên trái đất khiến cho các ngạ quỷ hết sức hỉ lạc trong Giáo Pháp và Pháp âm Đại thừa xuất hiện trong cõi giới của họ. Vào lúc này, hai mươi ngọn núi sừng sững của quan điểm hư vô bị chày kim cương giác tánh nguyên sơ đập tan tành, rồi những ngạ quỷ này được tái sinh trong Cõi Cực Lạc, ở đó họ trở thành các Bồ Tát phù hợp với ước nguyện của họ và được làm cho thuần thực.

“Theo cách này, mỗi ngày Ngài đưa hàng tỉ không thể tính đếm chúng sinh tới sự viên mãn. Đó là sự xác quyết của Đức Avalokiteshvara mà ngay cả các Đức Như Lai vẫn còn thiếu.”

Vì lợi ích của những người được thuần phục, tùy theo tánh khí, năng lực, và động lực của riêng họ, trong sáu thời ngày và đêm, Đức Avalokiteshvara hóa hiện làm chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn (shravaka), Phật Độc Giác (pratyekabuddha), các vị trời, các nhạc sĩ cõi trời, các yêu tinh dạ xoa (yaksha), Ishvara (Tự tại thiên), Maheshvara (Đại Tự tại thiên), các vị đại đế, những quỷ ma khát máu, chúng sinh có thân tướng siêu phàm, những người Bà la môn, và Đức Vajrapani (Kim Cương Thủ) và giảng dạy Pháp.²⁹

Hơn nữa, thậm chí chỉ gọi tên Ngài một lần thì giống như niệm danh hiệu chư Phật nhiều lần như cát sông Hằng. Tương tự như vậy, tô tạo một pho tượng Đức Avalokiteshvara thì ngang bằng việc tô tạo những hình tượng của tất cả chư Phật và Bồ Tát đã xuất hiện, đang, và sẽ xuất hiện trong ba thời. Thiên định trong một ngày về thân tướng của Đức cao quý Avalokiteshvara có công đức to lớn hơn việc thực hành sáu toàn thiện (sáu ba la mật) trong một trăm năm. Đây là một vài trong những phẩm tính không thể nghĩ bàn của Bồ Tát.

Về những lợi ích và thuận lợi của việc trì tụng dharani³⁰ của Đức Avalokiteshvara mười-một mặt (Quán Thế Âm Thập nhất diện), ta được biết là cuối cùng thì hành giả sẽ hoàn toàn làm chủ bốn phẩm tính tốt: Vào lúc chết, hành giả sẽ nhìn thấy các Đức Như Lai; hành giả sẽ không tái sinh trong các cõi thấp; sẽ không gặp giờ chết dữ; và sau khi chết ở thế giới này, hành giả sẽ được tái sinh trong Cõi Cực Lạc.

Nhờ sáu-âm của thần chú mani, tất cả các Kinh điển của Phật Pháp được đúc kết; mọi bệnh tật, thể lực xấu, và những chướng ngại đều bị xua tan; hành giả đạt được vô số phẩm tính tích cực như sự trường thọ và thoát khỏi bệnh tật; nỗi khổ của sáu loài chúng sinh được làm yên dịu; sáu toàn thiện (sáu ba la mật) được hoàn tất; và các kaya (thân) của sáu Đấng Chiến Thắng được thành tựu. Tóm lại, chỉ cần nhìn, nghe, nhớ tưởng, hay xúc chạm sáu âm này là đã gieo trồng hạt giống của sự giác ngộ. Mọi che chướng đều được nhanh chóng tịnh hóa và hành giả tránh được sự tái sinh trong các cõi thấp. Sau khi trải qua một loạt những tái sinh cao quý trong các cõi cao, hành giả nhanh chóng đạt được giác ngộ viên mãn.

Chỉ cử hành nghi thức chay của Đấng Bi Mẫn Siêu Phàm một lần, hành giả giải trừ được bốn mươi ngàn kiếp lang thang trong luân hồi sinh tử và tịnh hóa tất cả các nghiệp và các che chướng do những hành động như năm hành vi đưa tới quả báo trực tiếp.³¹ Khi hoàn thiện mọi phẩm tính tích cực của sáu toàn thiện, hành giả an trú trong cấp độ của một Bồ Tát bất thối chuyển. Những người nữ cũng thế, những ai cử hành dù chỉ một lần duy nhất nghi thức chay này, khi chết sẽ được tái sinh như những Bồ Tát chứng ngộ cao cấp và quay lưng lại vòng luân hồi sinh tử. Sự thực hành của thân hành giả trong nghi thức chay sẽ tịnh hóa các che chướng thuộc thân, và hành giả không bị tái sinh làm một ngạ quỷ. Việc tự chế sự nói năng bằng lời nguyện giữ yên lặng tịnh hóa các che chướng thuộc ngữ, và hành giả sẽ không bị tái sinh

làm một súc sinh. Việc trì tụng đà ra ni trong tâm tịnh hóa các che chướng thuộc về tâm và đóng lại cánh cửa dẫn tới tái sinh trong các cõi địa ngục. Như vậy, khi sử dụng ba phương pháp giữ gìn thân, ngữ và tâm trong sự tỉnh giác sống động, hành giả nhanh chóng thoát khỏi luân hồi.

Phục vụ ngũ cốc nóng cho các hành giả ăn điểm tâm sáng theo nghi lễ thì tương đương với việc phục vụ một Bồ Tát đệ bát địa; phục vụ một người chỉ thọ xuất gia tạm thời thì tương đương với việc phụng sự một vị A La Hán (arhat).³²

Một người bảo trợ cho một nghi thức chay như thế sẽ không bị tái sinh trong ba cõi thấp, mà sẽ được phú cho thái độ giác ngộ của Bồ đề tâm, được hưởng một sự may mắn vô tận trong mọi tái sinh, hoàn thiện phẩm tính của hạnh bố thí, và nhanh chóng đạt được giác ngộ.

Bởi những ích lợi này và những lợi lạc không thể nghĩ bàn khác, trong việc tìm kiếm đức hạnh hoàn toàn thanh tịnh, được thúc đẩy bởi lòng vị tha, niềm tin, và lòng sùng mộ mãnh liệt và quả quyết, các bạn hãy hoan hỉ và nỗ lực ngày đêm không xao lãng.

Nếu các bạn sống những ngày còn lại của đời mình thật là ý nghĩa, các bạn sẽ bảo đảm được hạnh phúc của riêng mình và của những người khác. Sự thật này đã được xác nhận bởi ngữ chân thật của các Đấng Chiến Thắng, kinh nghiệm của tất cả những bậc trưởng thượng tâm linh vĩ đại, và sự kiểm chứng trực tiếp của giác tánh nội tại của chính hành giả, và những công đức của sự theo đuổi của các bạn với ý hướng sùng mộ.

Không khởi hành sai lạc, các bạn sẽ thoát khỏi nỗi sợ chết và sợ tái sinh; nếu không được như thế thì các bạn sẽ có sự xác tín để gặp gỡ cái chết một cách

hoan hỉ; ít nhất, các bạn sẽ chết mà không sợ hãi hay hối tiếc.

Tôi chấp tay và cầu nguyện tận đáy lòng rằng tất cả các bạn sẽ có thể thực hiện được điều này. Tôi luôn thúc giục các bạn hãy giải thoát tâm thức mình khỏi sự do dự và giữ vững sự trung thực trong nỗ lực đầy ý nghĩa này.

May mắn, may mắn, may mắn!

5. YULOKOD CỐI THUẦN TỊNH CỦA ĐỨC TARA

Kính lễ Đức Avalokiteshvara
Quy lạy dưới gót sen
Đấng nhìn chúng sinh với đôi
mắt bi mẫn,
con sẽ tán thán Bồ tôn phi
thường này
để hoàn thiện hai tích tập.1



Xin đánh lễ Ngài, Đức Tara, Bồ
tôn trong các Bồ tôn,
suối nguồn của mọi thành tựu tâm linh không loại trừ
điều nào.
Giống như một viên ngọc quý báu và như ý,
Ngài ban trái quả của mọi điều chúng con ước muốn.
Những chúng sinh thực sự mong ước được nhìn
thấy
cối thuần tịnh của Đức Tara trong tâm họ
sẽ hoan hỉ trong những tia dịu mát của thị kiến thuần
tịnh
trong chốn nương tựa êm ả là đóa sen đức tin nở rộ.

Khi từ Núi Potala2 trở về, tôi bay vút lên về bên trái,
và nhờ Đức Tara Trắng dẫn đường, tôi đi tới một
chốn tuyệt đẹp và trong trẻo tràn đầy sinh khí, khắp
xứ đều xanh tươi, một môi trường kỳ diệu với nhiều
điều đặc biệt phi thường. Những sảnh đường ánh
sáng cầu vồng năm-màu bay lượn trên không. Nhiều
loại hoa và hoa sen mọc khắp nơi. Ở đây không có ý
niệm về mùa hạ hay mùa đông. Những cây ban-điều-
ước đầy lá, treo những chuông chùm và chuông nhỏ.
Khi bị gió lay động, chúng vang lên những giáo huấn
Phật Pháp bằng tiếng Phạn, như Namo arya tare
mam.3 Chim chóc là những hiện thân của Đức Bà
Cao Quý – những con chim sẻ, vịt, khổng tước, sếu,
anh vũ, gà gô trắng, chim cu, và thiên nga – nô đùa
khắp nơi. Mặt đất ngập đầy của cải trù phú tới mức

độ không thể tưởng tượng nổi. Những ngọn núi tàng chứa vàng, bạc, lam ngọc, và các trân bảo. Khắp nơi là những ao cam lồ có tám tính chất⁴ tốt đẹp và những nhà tắm bằng châu báu được trang bị tào nhã.

Trong cõi này không có các ý niệm sinh, lão, bệnh, tử. Tất cả các cư dân đều được hóa sinh kỳ diệu từ giữa hoa sen. Trong những đời tương lai họ không phải nghe một âm thanh khó chịu hay chói tai. Những cư dân này là những Bồ Tát nam và nữ đã đạt được những mức độ chứng ngộ cao cấp. Nơi chốn này vượt quá sức tưởng tượng; kích thước của nó không thể đo lường và có hàng ngàn lâu đài rộng mênh mông làm bằng năm trân bảo.⁵

Trong chốc lát, tôi đi tới cổng cung điện chính – một tòa lâu đài rộng lớn tuyệt vời có vẻ bề ngoài thật lôi cuốn và kỳ diệu, có năng lực giải thoát chúng sinh bằng bốn cách.⁶ Ngay lúc tôi đi vào cung điện, tôi thức tỉnh khỏi giấc ngủ sâu của ý thức duy lý bình phàm và thoát khỏi những tấm màn vô minh. Cái thấy nội tại của giác tánh nguyên sơ của tôi trải rộng, và tôi đã cảm nghiệm một lòng từ ái và bi mẫn dạt dào.

Khi đi vào cửa phía tây, tôi gặp Guhyadevi, Thiên nữ của những điều Mật nhiệm, ngài có vẻ hết sức vui mừng khi nhìn thấy tôi. Tôi đi tiếp tới một cái sân nơi nhiều ngàn thiên nữ mặc y phục xanh lá cây, tụng những lời tán thán hai mươi mốt hóa thân Tara bằng tiếng Phạn. Thịnh thoảng họ chơi những xập xõa nhỏ hình ngón tay, trống tay bằng vàng, và trống làm bằng gỗ đàn hương, gỗ mun, gỗ “tim rắn,”⁷ và bốn loại lõi cây, cũng như các xập xõa, cồng chiêng, và sáo. Họ thường ngắt quãng bài hát với âm nhạc được tấu lên bằng đủ loại khí cụ không thể tưởng tượng này. Khi nghe chúng, tâm tôi dấy lên một cảm thứ⁸ùc sùng mộ không tưởng tượng nổi; tôi cúng dường trong tâm và nhiệt thành trì tụng những lời tán thán hai mươi mốt hóa thân của Đức Tara.

Tôi đi vào một căn nhà nhỏ, ở đó tôi thấy một thiên nữ. Bà có vẻ rất già, tóc trắng xoăn như vỏ ốc xà cừ, nhưng hàm răng đều không có chỗ khuyết và nước da sáng đẹp như nước da của một thiếu nữ thanh xuân. Vị thiên nữ cao quý phi thường này an tọa với đoàn tùy tùng vây quanh. Bà có mật danh là Gauri Girtima, nhưng được biết nhiều qua tên thật của bà là Ayurdevi, Thiên nữ Trường thọ.⁸ Tôi thực hiện những lễ lạy, đĩ nhiễu, cúng dường mạn đà la, lời khấn nguyện bảy-nhánh, và những lời khấn cầu và ước nguyện.

Bà nói: “Cái gì đây, con gái ta? Con may mắn biết bao khi tới gặp ta. Kỳ diệu biết bao! Mối liên hệ nghiệp nào giải thích cho sự xuất hiện của con ở đây? Ta là một nữ anh hùng có những phẩm tính được ấn dấu. Được Bốn tôn kỳ diệu - Đức Tara tôn quý - ban phước, ta làm chủ được đời sống kim cương bất tử.” Ngài đặt bàn tay lên đầu tôi, tỏ ra rất hoan hỷ với tôi và tụng:

Xin đánh lễ Đấng chói sáng như một viên hồng ngọc, trong sự nở rộ của niềm hỉ lạc tuổi mười sáu.⁹
Chiến thắng trong trận chiến điều phục thế lực đối kháng của các ma quân,
Ngài ban tặng thành tựu bất tử.

Bà nói thêm: “Ngay cả một biểu tượng cho hình ảnh của ta cũng không được tìm thấy ở Ấn Độ hay Tây Tạng. Mặc dù vô số yogi và yogini, được ban phước bởi Đức Tara, thực sự viếng thăm cõi giới này trong các thị kiến hay trong những giấc mơ, nhưng không ai trong số đó được hội kiến ta.” Tôi sung sướng bởi những lời này.

Tôi tiếp tục tới tòa lâu đài chính rộng mênh mông. Bên trong, tôi thấy năm-lớp tường được làm bằng vỏ ốc xà cừ, vàng, san hô, ngọc lục bảo, và ngọc bích, tất cả có diềm trang trí bằng hồng ngọc. Các cột trụ được làm bằng ngọc đỏ, các đà mái chính bằng pha

lê thạch anh, và rui mè làm bằng ngọc như ý. Những cửa sổ rộng và cửa sổ dưới mái ở khắp nơi để chiếu sáng bên trong. Trên đỉnh một gờ trang trí bằng vàng là một trán tường bằng san hô, nâng đỡ một mái vòm bằng lam ngọc pha màu xanh lá cây nhạt. Ở bốn hướng là các miệng máng xối với đầu makara; miệng chúng có treo những sợi dây và móc bằng ngọc trắng, vàng, đỏ, và xanh lá cây, với những chuông chùm bé tí bằng vàng phát ra những âm thanh ngọt ngào. Âm nhạc du dương vang lừng cất đi nỗi khổ của chúng sinh trong các cõi thấp. Mùi thơm ngát của hương trầm tâm thái vô lượng thoang thoảng khắp nơi.¹⁰ Đó là những phô diễn tuyệt vời của những lễ cúng dường tràn đầy từ ái không thể tưởng tượng nổi.

Giữa tòa lâu đài, trên một hoa sen ngàn cánh nhiều màu và một đĩa mặt trăng, là Đấng nương tựa duy nhất, hiện thân đích thực của lòng bi mẫn, bà mẹ siêu phàm của tất cả các Đấng Chiến Thắng trong ba thời, bà chị của chư vị Bồ Tát, là đấng mà chúng sinh trong thế giới loài người và trong những cõi trời bày tỏ lòng sùng kính bằng cách chạm đỉnh đầu họ vào lòng bàn chân Ngài – chính là Đức Tara tôn quý, vị thiên nữ sinh ra từ những giọt nước mắt của Đấng Cao Quý.¹¹

Thân Ngài màu xanh lá cây nhạt, chói lọi hơn một ngọn núi lam ngọc được một ngàn mặt trời chiếu sáng, tô điểm bằng những tướng hảo chính và phụ, từ đó tỏa ra vô vàn tia sáng. Đó là thân tướng của một thiếu nữ mười sáu tuổi, mặc y phục làm bằng lụa của những vị trời và trang điểm bằng những vật trang sức vô cùng quý giá gồm những viên bảo châu như ý. Tóc Ngài đen như hạt huyền, nửa mái tóc cuốn lại thành búi và nửa kia chảy xuống phủ trên vai, được bện lại bằng những dải ruy băng lụa màu xanh dương pha xanh lá cây rung rinh trong gió nhẹ. Bàn tay trái kết ấn tượng trưng cho Tam Bảo,¹² Ngài cầm một nhánh hoa huệ màu xanh dương, các cánh hoa nở rộ cạnh tai Ngài. Với bàn tay phải kết ấn ban cho sự

nương tựa, 13 Ngài che chở chúng sinh thoát khỏi những nỗi sợ hãi vô biên của thế giới luân hồi sinh tử vô minh này. Hai chân Ngài xếp lại trong tư thế bán già của một nữ Bồ Tát.

Nhiều nữ Bồ Tát cao quý đang đi nhiễu quanh Ngài theo chiều nghịch kim đồng hồ. Trưởng lão Suryagupta ở bên phải Ngài, Bồ Tát Dawa Gyaltsan ở phía sau, thi sĩ Chandragomin ở bên trái, và Đức Dipamkara ở phía trước Ngài. 14 Nói chung, có nhiều ngàn nhân vật quan trọng với đoàn tùy tùng của các Ngài và một tập hội không thể nghĩ bàn gồm hàng trăm hàng ngàn thân tướng của Đức Tara, gồm cả Tara Tiếng Gầm Sấm Sét của Rồng, Tara Năng lực Siêu Phàm, Tara Thành Tựu Tự Nhiên, Tara Vô Úy, Tara Tia Sáng, Tara Điều Phục Chúng Sinh, Tara ở Zang-yun, 15 Tara Không Thể Nghĩ Bàn, Tara Phương Tiện Thiện Xảo, Tara Giác Ngộ, Tara Trung Tâm Tây Tạng, và Tara Trung Quốc. Những vị này hiển hiện rõ ràng trước mắt tôi, nhưng thân tướng các Ngài không phải là tập hợp hiện hữu nội tại của máu và thịt. Thay vào đó, đó là những thân tướng huyền hóa của giác tánh nguyên sơ, một sự phô diễn kỳ diệu hiển lộ trong vô số phương tiện. Tôi nhận ra các Ngài trong toàn bộ sự chói ngời tinh tế, giống như những vì sao và hành tinh được phản chiếu trên đại dương bao la.

Vào lúc này, sự bám chấp của tôi vào thực tại bình phàm tự nhiên ngừng dứt. Trong một quãng thời gian ngắn, tôi kinh nghiệm một cảm thức không thể diễn bày, không tưởng tượng nổi về trật tự của vũ trụ vô hạn, một toàn cảnh rộng lớn và hoàn toàn không bị ngăn che của sự thuần tịnh không có gì để bám níu như cái gì hoàn toàn có thực. Tôi lễ lạy liên tục trong một tâm thái tin tưởng và hết sức hoan hỉ. Tiến lại gần vị thiên nữ tôn kính, tôi dâng cúng mạn đà la vũ trụ và lời cầu nguyện bảy-nhánh. Với sự khát khao mãnh liệt, tôi cầu nguyện ba Bản tôn trông nom Xứ

Tuyệt.16 Đặt bàn chân Ngài lên đầu tôi, tôi hát bài ca này bằng những âm thanh ai oán:

Than ôi, than ôi, Bà Mẹ bi mẫn của các Đấng Chiến Thắng!

Đưa con gái yêu quý của Ngài lang thang trong cảnh hoang tàn của luân hồi sinh tử, tạo dựng bởi những tên trộm cướp là tám mươi ngàn kiểu niệm tưởng.

Cô ta đang ở thời điểm mất đi một tài sản tốt đẹp nhất là đức hạnh viên mãn.

Xin tóm lấy cô ta với lòng bi mẫn của Ngài, Đức Bà Tara cao quý.

Giờ đây, khi các biểu hiện cho thấy những thời đại suy hoại này nổi cơn thịnh nộ với chúng ta,

Giáo lý của các Đấng Chiến Thắng là một mặt trời đang tiến về trú xứ của thủy thiên.¹⁷

Tập hội các thiện tri thức hộ trì Giáo lý đã khởi hành tới một cõi yên bình.

Giáo lý của Kinh điển và Mật điển bị che khuất bởi những đám mây định kiến bộ phái.

Xin tóm lấy chúng con với lòng bi mẫn của Ngài, Đức Bà Tara cao quý.

Nhiều chúng sinh hữu tình không có một chốn nghỉ ngơi.

Thường xuyên đau khổ bởi bệnh tật do nghiệp và những cảm xúc phiền não,

họ chịu đựng hậu quả là nỗi khổ và đau đớn không chịu đựng nổi.

Thời gian sẽ rất dài trước khi họ đi tới cõi toàn trí và giải thoát.

Xin tóm lấy họ với lòng bi mẫn của Ngài, Đức Bà Tara cao quý.

Sắc màu của những tinh linh xấu ác nổi bật trên bầu trời.

Ánh sáng nhạt nhòa từ lá cờ chiến thắng của những hành giả của Pháp.

Giờ đây là lúc thế giới tràn ngập những kẻ bất tài bịp bợm tâm linh,

để các sinh loài không bị lôi kéo vào những con

đường làm lạc,
xin tóm lấy họ với lòng bi mẫn của Ngài, Đức Bà Tara
cao quý.

Lũ người man dã và các bộ tộc biên địa khiến Giáo lý
đi tới chỗ kết thúc.

Các cuộc chiến đấu được tiến hành không ngừng
nghỉ với năm thế lực xấu ác.18

Những đội quân hủy diệt của các ma vương đang ở
thời điểm xâm lược.

Nếu Ngài không che chở chúng con thoát khỏi những
thế lực này, thì Ngài sẽ biểu lộ trí tuệ và năng lực cho
ai?

Xin tóm lấy chúng con với lòng bi mẫn của Ngài, Đức
Bà Tara cao quý.

Tôi thốt ra nhiều lời cầu nguyện khác, tâm tôi tràn đầy
ước nguyện khát khao. Thiên nữ Tara cao quý đặt
bàn tay phải, nó được đánh dấu rõ ràng bằng tướng
hảo là một bánh xe như-y, 19 lên đầu tôi và trả lời:
Hãy lắng nghe, Ôi thiếu nữ đáng yêu, Chandra
Tara.20

Trong quá khứ, vào lúc khởi đầu của những kiếp
nguyên thủy,

khi ta phát khởi Bồ Đề tâm tuyệt hảo,
không ai ước nguyện viên mãn Phật Quả trong một
thân tướng phụ nữ.

Vì thế, ta ấp ủ nguyện ước sau:

“Tôi sẽ xuất hiện trong những thân tướng nữ nhân.
Tôi sẽ đem đại dương chúng sinh này tới giác ngộ vô
thượng.

Giây phút họ nhớ tưởng ngay cả danh hiệu của tôi,
họ sẽ được trấn an là trước tám loại sợ hãi²¹
và hàm hổ sinh tử, họ sẽ được lướt vét tận đáy.

Cho tới khi tôi đưa họ tới Phật Quả viên mãn,
cầu mong bản thân tôi không bao giờ chứng ngộ Phật
Quả.”

Với những ước nguyện này và một trăm ngàn ước
nguyện khác,
tôi đã lập các lời hứa và thệ nguyện.

Và trong cõi giới này, vào thời một vị Phật nguyên thủy,
tuy thế tôi đã chỉ dạy phương cách để viên mãn Phật Quả.
Lòng bi mẫn của tôi thật lớn lao đối với tất cả chúng sinh;
hoạt động của tôi nhanh chóng, đặc biệt là đối với dân chúng Tây Tạng.
Vì thế, những người thông tuệ và may mắn,
hãy giữ gìn kỹ lưỡng mệnh lệnh sau đây của thiên nữ cao quý:
Vào thời đại ngũ trược, 22 khi chỉ còn lại những dấu vết của Giáo lý,
khi chẳng bao lâu những cuộc xâm lăng man rợ sẽ chấm dứt mọi sự,
vật chống đỡ cao quý này, 23 với tánh lười nhác thực hành, bị đe dọa bởi tiếng chuông của sự vô thường.

Nếu các bạn không thấu suốt nhân và quả, hãy tham khảo Kinh điển và Mật điển để đem lại hạnh phúc và tiệt trừ đau khổ. 24

Tài sản và của cải, bằng hữu và quyền thuộc, cha và mẹ không phải là nơi nương tựa.

Cái gì sẽ chu cấp nơi nương tựa? Đó là Tam Bảo không lầm lạc.

Đặc biệt, ngày và đêm liên tục trong sáu thời,
hãy cầu nguyện ba Bổn tôn che chở Xứ Tuyết Tây Tạng.
Đức Phật Amitabha trong cõi Cực Lạc.
Đức Avalokiteshvara cao quý trong cõi Potala,
Guru T'hod T'hreng Tzal ở tiểu lục địa Chamara,
Đức Tara cao quý trong cõi Yulokod,
và các guru gốc là tinh túy sự hợp nhất của tất cả



những vị này –
đồng nhất trong bản tánh cốt tủy, chỉ khác biệt ở sự
xuất hiện bên ngoài,
không có sự tách biệt hay phân chia, các Ngài ở trong
một trạng thái nguyên thủy của sự bình đẳng với giác
tánh nội tại của riêng các bạn,
vượt lên sự hợp nhất trong ý nghĩa thông thường của
sự tụ hội và phân ly.

Hãy luôn luôn chú tâm tới đức hạnh.

Chớ lãng phí đời người này trong sự phóng dật,
hoặc nói Pháp ngoài cửa miệng,
mà hãy chân thành tận đáy lòng các bạn,
hãy nương tựa đức tin, cái thấy thuần tịnh, lòng bi
mẫn, Bồ Đề tâm,
tinh tấn, trí tuệ, chánh niệm, tỉnh giác, và tự-điều
phục.

Nếu ba giai đoạn chuẩn bị, thực hành chính yếu, và
sự kết thúc đều viên mãn, trái quả mục đích của các
bạn sẽ chín mùi.

Đặc biệt, nếu các thần chú tinh túy của ba Bản tôn
của lòng đại bi –
các thần chú mani, siddhi, và tare –
hoặc ngay cả một nghi thức chay nyungnay duy nhất
do chính các bạn hay người khác thực hiện
sẽ giải tan hậu quả của những ác hạnh và vi phạm
giới nguyện của các bạn trong bốn mươi ngàn kiếp,
thì cần gì nói tới những lợi ích và thuận lợi của việc
thực hành thường xuyên?
Vì thế, hãy hành xử theo đạo đức, không làm lạc
nhân và quả.

Không nghi ngờ gì, các bạn những người may mắn,
có thể cầu nguyện
sẽ không nhọc mệt hay gặp khó khăn
để đi tới cõi Yulokod sau khi chết không do dự chần

chừ.

Ta thề rằng ta sẽ tới chào đón các bạn.

Các hiện thân của ta, như những thiện tri thức bình thường,

Người nam và người nữ, thú vật và chim chóc, và

V.V..

mang bất kỳ hình tướng nào sẽ dẫn dắt và chăm sóc chúng sinh.

Bởi vô số người trong số họ,

có niềm tin và cái thấy thuần tịnh, và thực hiện những khẩn cầu cùng ước nguyện thiết tha.

Những lời dạy của Ngài đã gây một niềm tin và hoan hỉ vô biên trong lòng tôi, tôi liên tục cầu xin được nhận bốn quán đảnh.²⁵ Và mặc dù tôi cảm thấy nỗi khổ khi phải xa cách Đức Tara còn đau đớn hơn nỗi khổ của các vị trời đang đọa lạc từ hạnh phúc của họ, Đức Tara nói với tôi: “Chớ buồn phiền trong lòng! Chúng ta sẽ chẳng bao giờ xa cách trong bất kỳ cuộc đời nào. Ta ban cho con Pháp danh Rigdzin Drolma, Tara Hộ trì Giác tánh Nội tại. Hơn nữa, một thiên nữ, một hiện thân của năng lực hoạt động của ta, sẽ ở bên con trong sáu thời ngày và đêm, giống như một người đang nói chuyện với người kia.”

Tiếp tục đi, tôi tới một phòng nhỏ, ở đó tôi gặp repa Dampa Gyagar, thân ngài lực lưỡng, tóc trắng và hơi gầy, Ngài có bốn con trai và bốn con gái. Cô con gái nhỏ nhất tên là Chhang Trama nói với tôi: “Thật tuyệt vì cô đã tới tìm tôi,” và bắt đầu một vũ điệu và bài ca về Đức Tara. Cô ta tỏ ra rất quý mến tôi. Cha cô ngồi bên cạnh, cầm một bình trường thọ, cười một mình. Khi tôi xin ngài cầu nguyện cho tôi, ngài lại cười và nhìn chăm chăm, tập trung trong một lát.

Tôi rời tòa lâu đài bằng cửa phía tây. Tôi tắm trong một cái ao và uống chất cam lồ bất tử. (Nếu tôi phải tường thuật mọi điều nhìn thấy và tất cả những người

tôi đã gặp ở đó, thì chắc chắn là sẽ làm đầy nhiều quyển sách, nhưng tôi không thể viết ra mọi sự.)

Ở một nơi không xa, tôi bắt gặp một cây karandatava, có gốc bằng vàng, thân bằng bạc, cành bằng ngọc bích, lá bằng hổ phách, hoa bằng hồng ngọc, và trái bằng kim cương. Đó là một cây ban-điều ước muốn và như thể che phủ mặt đất. Nó có treo những lá cờ bằng lụa nhiều màu, và những sợi dây và thòng lọng bằng ngọc có gắn những chuông chùm nhỏ bằng vàng kêu leng keng. Đâu trên ngọn cây là vua loài chim – một con chim masar, dù nó được gọi bằng một tên khác là karantava. Thân nó được tạo bằng thất bảo, và trên đỉnh đầu nó là một cái mào bằng ngọc sarvaphala. Bộ lông của nó còn đẹp hơn bộ lông công, và nó hát bằng tiếng Phạn: Sarva buddhaye eka potala yana dukhashantim siddhiphala hoh, có thể dịch là: “Để hoàn toàn thành tựu Phật Quả, là cái gì viên mãn trong mọi phương diện, hãy đi tới cõi Potala. Cầu xin chúng sinh trong sáu cõi luân hồi được giải thoát khỏi đau khổ và cầu xin những thành tựu tâm linh tuyệt hảo được ban tặng.”

Ngồi ở gốc cây là một ông già tóc-trắng đang cầm một cái rìu. Ông ta tên là Arthachandra (Mặt trăng Hoàn thành các Mục đích). Khi tôi nghỉ ngơi ở đó và ăn trái cây hái từ cây này, người đàn ông nói to: “Đứa con trai do Đức cao quý Avalokiteshvara gửi tới, có tên là Karmasarvamangala, hiện ra từ gốc cây karandatava.”

Vào lúc này, đàn chim bắt đầu hát lanh lảnh: “Than ôi!” Chúng vỗ đôi cánh trong khi nước mắt tuôn rơi. Vua của chúng kêu than:

Xin đừng hạ cây karandatava!
Chim karantava sẽ rơi xuống đất.
Ôi ông ơi, cầu mong ông trường thọ và thoát khỏi bệnh tật.
Tôi, con chim, sẽ đi tới Potala.

Tôi nhìn thấy những cảnh tượng người đàn ông đốn cây và con chim rơi xuống xen kẽ nhau. Tôi có nhiều thị kiến bí ẩn như thế. Sau đó một hành giả cư sĩ, được Đức Avalokiteshvara cao quý ban phước, xuất hiện và nhìn tôi trong khi tôi tụng những lời tán thán hai mươi một hóa thân của Đức Tara. Sau một lát ông ta nói: “Đây là những lợi ích của việc trì tụng như thế”:

Tất cả những ai trì giữ lời cầu nguyện tán thán này trong tâm sẽ nhỏ sạch mọi lỗi lầm và thiếu sót không loại trừ điều gì, phát triển các phẩm tính tốt giống như vàng trắng tròn, và được một ngàn vị Phật ban phước.

Ôi kỳ diệu thay lời tán thán tối thượng này; chỉ một lần gọi nó trong tâm ta sẽ dứt khoát được tái sinh trong Cõi Cực Lạc linh thánh tuyệt hảo.

Ông cũng mô tả những lợi ích thế tục và siêu việt như chúng được giảng trong những nguồn mạch truyền thống.

Sau đó xuất hiện một người mà trong những đời trước đã có một liên hệ samaya với Đức Vajradhara (Kim Cương Trì) và Guru Padmasambhava, và là người bảo vệ những giáo lý kho tàng ẩn dấu của Phật Pháp mênh mông và sâu xa. Sau này bà là phối ngẫu tâm linh của Đức Mila Zhadpa Dorje (vật trang sức duy nhất của dòng thực hành trong Xứ Tuyết) khi ngài ở trong vùng Núi Everest và Chhubar, và vì thế đã rút năng lực vi tế và tâm thức của ngài vào kinh mạch trung ương.²⁶ Cuối cùng, bà là Bổn tôn bảo vệ riêng của Tulku siêu phàm Jigmed Do-ngag Tandin (một bậc hộ trì kim cương của giác tánh nội tại) và Dechen Dorje²⁷ (một vương miện trong số hàng trăm trường lão tâm linh), xua tan các chướng ngại cho sự trường thọ của hai vị Thầy này và hướng dẫn

việc phát triển những hoạt động của các ngài để làm lợi ích chúng sinh không chút phân biệt. Được biết nhiều với danh hiệu Tashi Tseringma, nữ hoàng của các thiên nữ được sự, từ trung tâm thiền định của vị thầy cao quý của tôi, bà gọi to ba lần: “Con, con gái – Dawa Drolma! Hãy trở về cõi người!”

Khi nghe giọng nói của bà vang lên, tôi bắt đầu nhớ tới người chú tôn quý của tôi, những bằng hữu, thân quyến, và cha mẹ tôi đang ở miền T’hom. Tâm tôi tràn ngập một nỗi khao khát lạ lùng và tôi nghĩ tới việc quay về. Và vì thế, cùng với Đức Tara Trắng đi kèm, tôi trở về trong chốc lát. Năm ngày tròn (đó là mười thời kỳ mười hai-tiếng trong ngày hay đêm) đã trôi qua trong cõi người. Khi tâm thức tôi trở về thân xác, tôi hắt hơi dữ dội. Trước hết, tôi cảm thấy hoàn toàn lạc hướng, như thể tôi vừa ngủ dậy, nhưng chẳng mấy chốc tôi bị tràn ngập bởi niềm tin và sự hi vọng trước những thị kiến về các cõi thuần tịnh và cảnh tượng khủng khiếp trong các thị kiến thuộc nghiệp của các địa ngục.²⁸

Cậu Trungpa²⁹ đứng trước mặt tôi, cầm một mũi tên có trang trí dải ruy băng trường thọ và nhìn tôi chăm chú bằng đôi mắt đỏ ngầu. Tôi không thể nói một lời, như thể tôi hơi bẽn lễn. Tôi được tẩy tịnh theo nghi lễ với nước mưa thuốc của các nhà thấu thị³⁰ và bằng nước được dùng trong thực hành thiền định của thiên nữ bảo hộ Vijaya.

Mọi người kêu khóc và phẫn khích, nói những điều như: “Có khó khăn gì không? Hẳn là con đói lắm! Chắc con khát lắm!” Hầu như họ cố đồ đồ ăn và thức uống lên đầu tôi. Mặc dù tôi phản đối: “Tôi hoàn toàn không khó chịu bởi đói hay khát,” nhưng họ không tin tôi và cố nài: “Ăn đi! Uống đi!” Mọi người đều cảm thấy hết sức vui sướng như nỗi vui của một lạc đà mẹ tìm thấy đứa con bị lạc của nó, và cùng tham dự một bữa tiệc mừng.

Rồi tôi nghỉ ngơi trong một hoặc hai ngày, sau đó tường thuật của tôi về các cõi thuần tịnh Potala và Yulokod và các cõi địa ngục được Tulku Gyazur ghi chép lại mà không bịa đặt hay thêm thắt điều gì.

Thân, ngữ, và tâm bí mật của vô lượng Đấng Chiến Thắng
được hợp nhất bất khả phân trong Đức Tara, bà mẹ
của các Đấng Chiến Thắng.
Ngay khi con bị tia bi mẫn sắc nhọn của Ngài đâm
trúng tim
nó xua tan mọi bóng tối trong tâm con.

Bởi những ước nguyện trước đây của con, sau khi
các cõi thuần tịnh,
đã thực sự xuất hiện rõ ràng trong tấm gương của trái
tim con,
tường thuật đúng đắn và chính xác này, không chút
cường điệu hay giản lược
và không bị tổn hại bởi quỷ ma của sự bộ phái phân
biệt hay ganh ghét đố kỵ,
đã xuất hiện chỉ nhờ ân phước của các Lạt ma của
con.

Vì thế, nếu chúng con nhiệt thành tôn kính các bậc
linh thánh đó,
là những thiện tri thức chỉ cho chúng con con đường
đúng đắn,
trong mọi cuộc đời của chúng con, cầu mong các ngài
ban cho chúng con những ân phước.

Sarva mangalam - cầu mong mọi sự tốt lành.

May mắn, may mắn, may mắn!

Cầu mong điều tốt lành cháy rục, và thế giới được
trang hoàng.

Jayantu – cầu mong chiến thắng.

5. CẦU THANG ĐƯA TỚI GIẢI THOÁT TÓM LƯỢC NHỮNG HẬU QUẢ CỦA ĐỨC HẠNH VÀ ÁC HẠNH

Hri Tự nhiên và thoát khỏi mọi tạo tác là Lạt ma Pháp Thân;
niềm phúc lạc siêu việt của sự tráng lệ của hiện thể -
Báo Thân – là Lạt ma, Pháp vương;
sinh trong một cọng sen dài là Lạt ma Hóa Thân:1
con đánh lễ bậc Kim Cương Trì của ba thân.
Bổn tôn không làm lỗi, thân Ngài sắc trắng,
đầu Ngài tô điểm một vị Phật Toàn Giác,
nhìn chúng sinh với đôi mắt bi mẫn bẩm sinh:
con đánh lễ Đức Avalokiteshvara.2

Nơi nương tựa, đấng sinh ra tất cả các Đấng Chiến
Thắng và là lãnh vực trong đó các ngài biểu lộ sự phô
diễn của mình,3
hỡi Mẹ, Đức Tara tôn kính, dưới gót sen Ngài,
cho tới khi con đạt giác ngộ
con sẽ quy y với lòng sùng mộ, hoàn toàn trông cậy
nơi Ngài.

Sau khi được bà mẹ tốt lành của tôi sinh ra, tôi, Dawa
Drolma, con gái của gia đình Tromge, đã đối xử
thương yêu với mọi chúng sinh khốn khổ bằng lòng bi
mẫn. Năm mười lăm tuổi, tôi buồn khổ vì bệnh tật; mẹ
tôi, Đức Tara Trắng, phấn khích tôi và làm thuyên
giảm hoàn toàn những đau đớn của tôi bằng một loại
thuốc đã cứu tôi thoát khỏi cái chết. Trong thời gian
mười ngày đêm,4 tôi bỏ ăn và kinh nghiệm các linh
kiến tiên tri thúc đẩy tôi tìm kiếm điều đức hạnh. Sau
những sự xuất hiện của đời này và sự tỉnh giác của
tôi về chúng bị ngăn che, bốn Dakini đã trở thành bạn
đồng hành của tôi và khiêng tôi trên một cái kiệu lụa.
Trong một thời gian ngắn, tôi đã du hành qua lối đi
hẹp của bardo. Tôi có những thị kiến kinh khiếp,
thoáng qua và lơ mờ; tôi cũng thấy vài Đạo sư linh

thánh dẫn dắt chúng sinh thoát khỏi trạng thái đó, và tôi đã trò chuyện với các ngài trong một tâm trạng xác tín vào lòng bi mẫn của các ngài và không ảo tưởng đối với luân hồi sinh tử.

Om mani padme hung.

Cõi giới Núi Huy Hoàng có hình dáng như một trái tim. Trên những sườn núi hùng vĩ của nó, giữa kinh thành của các Dakini, giữa một lâu đài mênh mông nhiều tầng, trong suốt, tôi gặp Đức Orgyan vinh quang và đoàn tùy tùng của Ngài gồm các hiện thân, vua xứ Tây Tạng và các thần dân của nhà vua.⁵ Với niềm tin và nỗi khao khát, tôi phục lạy và khẩn nài Ngài ban cho nơi nương tựa. Ngài ban cho tôi những quán đảnh và ân phước đặc biệt, tâm ngài tràn đầy lòng thương yêu bi mẫn. Ngài nói: “Đừng quên những cách thức trong đó những thị kiến về sáu loài chúng sinh biểu lộ với con; hãy trở về cõi người để nài xin con người theo đuổi đức hạnh.” Tập hội các Daka, yogini và bà mẹ Tsogyal, vị Dakini của giác tánh nguyên sơ, đã tỏ lòng tôn kính tôi bằng cách đi theo tôi một trăm bước. Tôi làm mũi lòng các ngài bằng những lời khẩn cầu ước nguyện cao quý của tôi.

Cùng với Đức Tara Trắng, vị bảo trợ giám hộ của tôi, để gây cảm hứng cho chính mình, tôi đã băng qua lối đi dài và hẹp của bardo. Ở đó, tôi có những cảm tưởng thoáng qua và lơ mơ về mọi loài chúng sinh đã khuất (những người tôi biết và cả những người tôi không quen biết) đang cùng nhau quay cuồng trôi dạt. Những kẻ bất hạnh này kêu khóc thảm thiết và trao cho tôi nhiều thông điệp làm nản lòng để đem về thế giới của người sống mà họ đã để lại sau lưng. Họ van nài: “Bởi lòng yêu thương và bi mẫn đối với chúng tôi, xin hãy chuyển dùm những thông điệp.” Nắm chặt tay tôi, nước mắt họ tuôn như suối. Không thể chịu đựng nổi cảnh tượng này, tôi lập đi lập lại thần chú mani.

Om mani padme hung.

Khi du hành qua thế giới bên kia của người chết, tôi nhận ra rằng những người không nhận được sự an ủi của Phật Pháp thì đau khổ biết dường nào. Từ trên trời đổ xuống một trận mưa đỏ như máu các vũ khí và không gian chung quanh rùng mình bởi âm thanh ầm ầm như tiếng gầm rống của một ngàn con rồng, trong khi trên mặt đất những cư dân dữ tợn khua những vũ khí ác liệt và la hét: “Giết, giết! Đánh, đánh!” Bóng tối dày đặc của nỗi khốn khổ bao trùm khu vực đó.

Om mani padme hung.

Những người đã từng thực hành Phật Pháp được hạnh phúc và hài lòng trong bardo. Đối với họ, bầu trời đầy ngập hàng trăm cầu vòng và một trận mưa cam lồ ngọt ngào đổ xuống, trong khi ở khắp nơi các Daka và Dakini hát ca, nhảy múa và chơi các nhạc khí, hiến tặng những đám mây cúng dường và đưa dẫn những chúng sinh này trên con đường tới cực lạc giải thoát. Đối với họ, một ngày hạnh phúc đã lộ dạng.

Om mani padme hung.

Bạn đang ở trong thế giới của người sống, cho dù bạn từng tích lũy y phục suốt một trăm năm, bạn sẽ ra đi trần trụi buổi sáng khi bạn chết; cho nên tốt hơn, hãy mặc y phục xuềnh xoàng trong khi thực hành đức hạnh. Mặc dù bạn từng tích trữ lương thực trong một thời gian dài, bạn sẽ đói khát vào buổi sáng khi bạn chết; nên tốt hơn, hãy cho đi ngay cả thức ăn thừa của bạn. Mặc dù bạn cóp nhặt tài sản suốt cả cuộc đời, bạn sẽ ra đi với hai bàn tay trắng vào buổi sáng khi bạn chết; nên tốt hơn, hãy chuẩn bị tư lương cho hành trình của bạn trong những đời sau. Buổi sáng ấy, khi sợi thòng lọng u ám của Thần Chết xiết quanh bạn, và đó là lúc bạn phải ra đi, thì bất lực biết bao, cha mẹ bạn sẽ chẳng có ở đó để bảo vệ bạn, những quyến thuộc và bằng hữu yêu mến của bạn sẽ không có ở đó để che chở bạn. Bạn sẽ nhận ra rằng họ chỉ là những đối tượng trong hồi ức của bạn về hạnh

phúc và niềm vui, và họ không có thực chất. Hãy vất bỏ những trói buộc này của các hình tướng và tri giác đặt nền trên sự vô minh, bởi chắc chắn rằng bây giờ chính là lúc để thực hành Phật Pháp tuyệt vời, là điều sẽ thực sự làm lợi lạc cho bạn trong đời sau. Chớ để phần đời người còn lại của bạn trôi tuột đi mất.
Om mani padme hung.

Tuy nhiên, trong thị kiến bất tịnh khác, tôi nhìn thấy những cảnh tượng lò mờ, khủng khiếp của địa ngục. Trong một pháo đài dễ sợ đầy đầu lâu, trên một chiếc ngai cao làm bằng sọ người chồng chất là Thần Chết khủng khiếp và hung ác. Nhiều thuộc hạ ghê gớm của ông đang cùng nhau cai quản vô số chúng sinh đã chết và đang ở trong bardo. Mỗi người trong những chúng sinh này được một đứa trẻ tươi đẹp và một đứa trẻ tối ám đi kèm, là những kẻ rất tài ba trong việc ước định những thiện hạnh và ác hạnh. Awa Langgo, thuộc hạ đầu-bò, khéo léo trong việc đọc những bản báo cáo cuộn tròn; thuộc hạ đầu-sư tử đánh trống công lý nghiệp quả (trống tòa), thuộc hạ đầu-rắn tiên đoán trong một tấm gương; thuộc hạ đầu-hươu đực sắp xếp dụng cụ tra tấn; thuộc hạ có đầu của một con gấu tuyết đỏ đánh bóng vũ khí; thuộc hạ đầu-khỉ đo lường sự cân bằng (giữa thiện và ác), thuộc hạ đầu-gấu phân biệt thiện hạnh và ác hạnh. Bảy thuộc hạ này đã thẩm tra kỹ lưỡng thiện nghiệp và ác nghiệp của những người đã chết; tán thán những người có trí tuệ siêu phàm và đưa họ đi theo con đường sáng ngời dẫn tới giải thoát.

Om mani padme hung.

Những kẻ không có những phẩm tính tâm linh bị nắm tóc lôi xuống một con đường dẫn tới sự tăm tối, trong khi những thuộc hạ kêu gào: “Giết chúng! Chặt chúng! Đánh chúng!” Bị đưa tới các địa ngục nóng và lạnh, họ sẽ phải chịu đau đớn không ngừng trong một kiếp.

Om mani padme hung.

Sự thương xót của tôi đối với chúng sinh bị hành hạ như thế thật không chịu đựng nổi. Tôi tụng các thần chú mani và tare bằng một giai điệu ai oán, điều đó đem lại chút lợi lạc nhỏ bé cho những ai có liên hệ với tôi bằng đức tin và sự khao khát.

Om mani padme hung.

Dharmaraja chăm chú nhìn tôi và hỏi gặng: “Cô gái, cô đã làm những đức hạnh hay ác hạnh nào? Không ích lợi khi che giấu bất kỳ điều gì, vì thế hãy nói cho ta nghe!” Đức Tara, vị bảo trợ của tôi, đứng lên, cúi đầu cung kính và nói: “Chao ôi! Cô gái này có đức tin và sự tôn kính, vì thế xin đừng giận dữ với cô ta. Cô ấy đối xử tử bi với người dưới và luôn luôn tránh làm điều ác.” Mặc dù lời khẩn cầu của Ngài, Dharmaraja nói với tôi: “Hãy phơi bày những đức hạnh và ác hạnh của cô.”

Thuộc hạ đầu-bò xem kỹ cuộn giấy. “Hê, hê! Mặc dù tham gia nhiều hoạt động, cô vẫn kiên định với mục tiêu chính.”

Cô gái này nói với vẻ cung kính: “Tôi đã phạm lỗi khi mạnh tay xô ngã những đứa trẻ ngỗ nghịch.” Khi nói điều này, tôi cảm thấy sờ sờ.

Tuy nhiên, Dharmaraja mỉm cười và nói: “Mặc dù có thể cô cần phải tự tịnh hoá lỗi lầm, nhưng thái độ thương yêu và che chở trẻ em của cô chiếu sáng bất kỳ ác hạnh nào có thể cô đã phạm. Ta có thể gọi trả cô về cõi giới của cô. Bây giờ hãy chú tâm tới các cảnh giới địa ngục, các thông điệp do người chết gửi, và những mệnh lệnh của riêng ta cho thế giới của người sống và hãy tường thuật chúng thật rõ ràng. Cũng thật đúng lúc để cô sám hối các ác hạnh và tiếp tục những điều đức hạnh. Từ nay về sau, hãy quả quyết rằng cô không làm điều gì để phải xấu hổ.”

Om mani padme hung.

Mặc dù người chết gửi về nhiều thông điệp, hãy cho phép tôi thỉnh cầu các bạn tụ hội ở đây để nghe

những vấn đề trọng yếu. Các bạn là những người được ở lại trong thế giới này của người sống, nghiệp tích cực và tiêu cực chắc chắn phải được tổng kết. Những chúng sinh bất hạnh trong các cõi thấp khôn cùng phải liên tục chịu đựng nỗi đau khổ mà không có cơ may thoát khỏi, vì thế đừng để mỗi xúc động và lòng bi mẫn của các bạn đối với họ bị chìm lắng. Bây giờ là lúc để các bạn nhân danh họ mà nhanh chóng hồi hướng một vài công đức.

Om mani padme hung.

Đối với đức hạnh, trong ý định và trong thực tế, đây là lúc để nương cậy vào các điểm trọng yếu của sự tích tập, tịnh hóa và tăng trưởng.⁶ Để tịnh hóa các chướng ngại, giống như đứng lên lại bằng cách dựa vào mặt đất nơi các bạn té ngã, hãy quán tưởng, cung kính, và thờ phụng một cách trong sáng các đối tượng đức tin của các bạn và hãy dâng lời sám hối. Ba hành động là sao chép, tụng đọc, và truyền bá những mệnh lệnh của Dharmaraja, và đặc biệt là Kinh Giải Thoát, Kinh Tịnh Hóa Ba Nhánh, Tụng Niệm Hồng Danh Phật, Kinh Dược Sư, Sám Hối các Tội Phạm Giới, và Tantra Sám Hối, là những phương cách tối hảo để tịnh hóa các che chướng. Đức Phật Vajrasattva, Đức Phật Vairocana Toàn Tri, Đức Phật Akshobhya Bất Động, những nghi lễ của các Bồn tôn an bình và phần nộ, nghi lễ Lưới Vết từ Tận cùng Địa Ngục, Akashagarbha (Hư Không Tạng),⁷ Kinh Giải Thoát, và hai bản văn tên là “Bất Nhiễm” – hãy sử dụng chín phương tiện này để tịnh hóa các che chướng trong các tiếp cận Kinh điển và Tantra (Mật điển). Một cách kiên trì, với niềm tin và lòng bi mẫn, hãy duy trì ba điểm của sự tỉnh giác sống động⁸ và hãy trì tụng các thần chú mani, siddhi, và tare, cũng như thần chú trăm-âm. Hãy phát lên những lá cờ cầu nguyện, khắc các thần chú lên đá, quay bánh xe cầu nguyện, và cử hành nghi lễ chay nyungnay. Hãy giải cứu chúng sinh khỏi sự hãm hại, chuộc lại mạng sống của những chúng sinh chắc chắn bị giết hại, và rào

kín những vùng cấm thợ săn. Bây giờ là lúc cúng dường để cấp dưỡng cho các hành giả và những bữa tiệc tsog. Hãy nỗ lực để bảo đảm những tình huống có thể hỗ trợ cho sự thực hành Pháp và để giúp đỡ người khác. Nếu mối quan hệ của họ không lỏng lẻo thì những người chết có sự nối kết với người sống qua gia đình, Giáo Pháp, hay các đối tượng vật chất sẽ được thụ hưởng những lợi lạc của bất kỳ đức hạnh nào được hồi hướng cho họ. Hãy kiên trì trong việc hồi hướng đức hạnh nhân danh những cá nhân riêng biệt. Nếu các bạn thực hành theo cách này thì lợi ích sẽ rất to lớn; nói chung, người chết và người sống cùng chia sẻ một số phận thông thường cơ bản. Tôi báo cho các bạn: “Đừng quên những thông điệp của người chết. Đừng tự xa cách hay chối bỏ họ.” Các bạn là những người có sự hiểu biết, hãy ghi nhớ điều này trong tâm.

Om mani padme hung.

Hơn nữa, vị vua của vận mệnh đưa ra những mệnh lệnh sau đây:

Tất cả các ông ở trong thế giới những người sống, dù cao hay thấp:

Mọi sự sinh ra đều phải chết đi, và mọi sự hội tụ phải phân ly.

Kết quả sau cùng của sự tập hợp là phân tán, và kết quả sau cùng của sự sinh ra là diệt mất.

Bởi không điều gì trong luân hồi sinh tử là thường hằng hay kiên cố, chớ níu chặt sự có vẻ thường hằng của các sự vật hoặc bám dính vào chúng như thật có.

Bất kỳ điều gì xuất hiện trước mặt các ông thì giống như những kinh nghiệm trong một giấc mơ; đừng bám luyến vào những hình tướng huyền mộng của hạnh phúc.

**Nếu các ông ước muốn hạnh phúc, hãy bỏ đi sự
sao nhãng và biếng lười.**

**Hãy phát triển sự từ bỏ, Bỏ đề tâm, và một thị kiến
thanh tịnh.**

**Hãy hiến dâng ba đại lộ của hiện thể⁹ của các ông
cho cái gì hoàn toàn tích cực.**

**Nếu các ông không ước muốn đau khổ, hãy tịnh
hóa hậu quả của những ác hạnh trước kia, và kiên
quyết không tái phạm chúng.**

**Những nghiệp quả của các hành động tích cực và
tích cực thì không thể sai chạy; chớ phủ nhận
chúng bằng những lời trống rỗng.**

**Các ông sẽ tái sinh trong một xứ sở tối tăm kéo
dài một đại kiếp.**

**Những kẻ có dục vọng và tham muốn to lớn sẽ
phải chịu đựng sự đói khát trong các cõi ngạ quỷ
trong một triệu tám trăm ngàn năm.**

**Những kẻ có động lực xấu ác và luôn ám ảnh sự
giết hại
sẽ kinh nghiệm các địa ngục nóng và lạnh trong
nhiều kiếp.**

**Những kẻ mắc phạm các ác hạnh chống trái
những bậc tôn quý,
những kẻ phạm các hành động bị nghiệp báo tức
khắc,¹⁰
hay những kẻ từ bỏ Pháp hoặc giữ những tà kiến
với nó
sẽ bị tái sinh trong Địa ngục Kim Cương và ở đó
trong một kiếp, kinh nghiệm nỗi khổ khủng khiếp
không hề gián đoạn.**

Những kẻ ganh tị và đua tranh, hoặc những kẻ vui thú trong sự gây gỗ và tranh đấu, sẽ chịu đau khổ dài lâu trong các cõi bán thân.

Những kẻ tâm thức căng đầy kiêu ngạo và những người có thiện nghiệp thì bị lệ thuộc vào sự cạn kiệt sẽ bị tái sinh trong các cõi trời và cuối cùng sẽ đọa lạc từ trạng thái này.

Những kẻ dẫn mình vào một pha trộn của sự hám lợi và những thiện hạnh sẽ bị tái sinh trong cõi người, bị phiền muộn và túng thiếu.

Om mani padme hung.

Vì thế, chớ sa đà vào các ác hạnh, tám mối bận tâm thế tục, 11 hay những tâm thái vụn vặt tầm thường, hãy nỗ lực gieo trồng cội gốc của đức hạnh hoàn toàn thanh tịnh.

Om mani padme hung.

Ấn nghiệp tạo nên bởi những hành động được thực hiện bí mật trở thành hiển nhiên khi nó rơi xuống đỉnh đầu các ông.

Sự lựa chọn giữa thiện và ác nằm trong lòng tay các ông.

Nếu các ông không suy tưởng về điều này, sự hối tiếc sẽ vô ích khi các ông tới trước mặt ta, Thần Chết, trong tòa án của ta.

Om mani padme hung.

Như các ông đã thấy, ta tập hợp nhiều tinh linh của người chết làm thuộc hạ.

Chúng ta đâm chúng sinh bằng những vũ khí sắc nhọn,

**bắt chúng uống vạc kim loại nóng chảy,
khiến chúng chịu nổi thống khổ của nóng và lạnh
trong nhiều kiếp,
chúng ta đoan chắc rằng đau khổ tiếp diễn không
hề gián đoạn.**

Om mani padme hung.

**Đừng lãng quên những thông điệp này; hãy
truyền đạt chúng thật rõ ràng.
Việc này sẽ đem tới cho các ông công đức lớn
lao.**

Các ông, những tu sĩ và cư sĩ tỵ hội nơi đây,

**Ta yêu cầu các ông liên tục quán chiếu những vấn
đề này cho tới khi các ông không còn nghi ngờ ý
nghĩa của chúng.**

Om mani padme hung.

Con khẩn cầu các cội nguồn quy y, các Đấng Chiến
Thắng và những vị kế tục của các Ngài chứng minh
cho con. Cầu mong mọi đức hạnh mà con và những
người khác tích tập suốt trong ba thời, như được
minh chứng bởi năng lực tốt lành của đức tin và lòng
sùng mộ được tập hợp nơi đây, cùng được hồi
hướng, và bởi sức mạnh của sự hồi hướng này, cầu
mong giáo lý của các Đấng Chiến Thắng, dù thuộc lý
thuyết hay chứng nghiệm, phát triển tới những phạm
vi rộng lớn nhất khắp muôn phương. Cầu mong
những ý hướng giác ngộ của các Lạt ma, những bậc
bảo trợ vinh quang của chúng con, được hoàn thành.
Cầu mong các vật cúng dường làm vui lòng tất cả các
Đấng Chiến Thắng và những vị kế tục. Cầu mong các
hoạt động giác ngộ của những thánh nhân hộ trì giáo
lý được hưng thịnh. Cầu mong mỗi ràng buộc thiêng
liêng với các bậc bảo vệ giáo lý được hoàn thành nhờ
những chất thể linh thánh. Cầu mong cái thấy (kiến)
và hành vi (hành) của Tăng đoàn hộ trì giáo lý được
thuần tịnh. Cầu mong năng lực và ảnh hưởng của

những người tôn kính Giáo Pháp được tăng trưởng. Cầu mong sự suy đồi của thế giới các sinh loài và vật vô tri giác được yên bình. Con hồi hướng đức hạnh này để đem lại sự chữa lành bây giờ và trong tương lai.

Tôi hồi hướng đức hạnh này cho hai đấng sinh thành, cũng như cho những kẻ thù, quỷ ma, những chướng ngại, và cho tất cả những ai có liên hệ với tôi qua thiện nghiệp hay ác nghiệp, và đặc biệt hồi hướng cho những người nam và nữ phụ thuộc vào tôi trong việc sinh nhai, cho những con ngựa cày xới ruộng đồng để phục vụ chúng tôi, cho những con bò cung cấp cho chúng tôi tinh chất của chúng, và cho những con vật mà chúng tôi sử dụng máu, thịt, và da của chúng - mọi loài hữu tình mà chúng tôi đã trực tiếp hay gián tiếp gây nên cái chết của chúng. Tôi hồi hướng đức hạnh này để mọi ác hạnh và thiếu sót mà tôi và những người khác đã mắc phạm, hoặc khiến cho người khác mắc phạm, hoặc vui thú trước những ác nghiệp, cùng những tập khí làm nền tảng cho chúng, được nhanh chóng tịnh hóa. Tôi hồi hướng đức hạnh này để mọi chúng sinh trong sáu loài và trong bardo có thể dễ dàng và nhanh chóng hoàn thiện hai tích tập vĩ đại, và nhờ đó chúng ngộ trực tiếp bản tánh toàn khắp và nền tảng của thực tại, đạt được giác ngộ vô song khiến hiển lộ những phẩm tính của sự từ bỏ và trưởng thành.

Bản tóm lược này về những thị kiến trong các cõi địa ngục được biên soạn theo cách chuyển Pháp luân¹² bởi Dakini Sherab Chhodron, cũng được gọi là Dawa Drolma, một hiện thân thực sự của Đức Tsogyal.

Sarva Mangalam – May mắn, may mắn, may mắn!

Cầu mong mọi sự tốt lành.

CHÚ THÍCH

1. Núi Huy Hoàng Màu Đồng-Đỏ

1- Tờ đầu của bản thảo bị thất lạc, và vì thế bản dịch bắt đầu từ tờ 2a. Đoạn này có vẻ là một phần của những câu kệ mở đầu, đặc biệt là trình bày về ý định của Dawa Drolma.

2- Một bài cầu nguyện Đức Padmasambhava rất nổi tiếng. Cũng được gọi là Guru Rinpoche, Đức Padmasambhava là một Đạo sư Phật Giáo Kim Cương thừa của tiểu lục địa Ấn Độ, đã du hành tới Tây Tạng vào thế kỷ thứ tám để làm vững chắc hơn nữa truyền thống Phật Giáo ở xứ này. Dân chúng Tây Tạng tôn kính Ngài như “Đức Phật thứ hai,” và nhiều thực hành sùng mộ trong Phật Giáo Tây Tạng tập trung vào Ngài.

3- Dakini là một từ Phạn ngữ được dùng trong Phật Giáo Kim Cương thừa để chỉ một nữ Bồ-tôn hiện thân cho hoạt động giác ngộ hoặc, trên một bình diện thế tục hơn, một người nữ đã đạt được một cấp độ thành tựu tâm linh đáng kể. Người nam tương đương là Daka.

Dorje Yudron là một trong mười hai thiên nữ tanma là những vị đã thệ nguyện bảo vệ Phật Giáo và đất nước Tây Tạng.

4- Phật Giáo Đại thừa thừa nhận mười cấp độ chứng ngộ (thập địa) giữa lần đầu tiên thoáng nhận ra tánh Không (là chân tánh của thực tại) và cấp độ toàn giác của một vị Phật. Trong một ý nghĩa thông thường thì Bồ Tát là bậc đi theo con đường Đại thừa và, chính xác hơn, là bậc đã chứng ngộ ít nhất là cấp độ chứng ngộ đầu tiên (sơ địa).

5- Các vị trời địa phương là những chúng sinh phi-nhân mạnh mẽ cư trú và thống trị những khu vực đặc biệt, kiểm soát thời tiết và tình trạng đất đai. Văn hóa Tây Tạng quan tâm rất nhiều tới việc duy trì những mối liên hệ hài hòa với các vị trời địa phương của một miền đất. Nyen là những tinh linh đất đầy năng lực dũng mãnh.

6- Trong Phật Giáo Tây Tạng, Tulku là những hóa thân của các bậc Thầy tâm linh những đời trước, được chính thức xác nhận, tôn phong và dạy dỗ để tiếp tục những hoạt động của những hóa thân trước kia của các ngài. Ba vị Tulku được nhắc tới ở đây là Tromge Kundun, Tromge Trungpa, và Drimed Khakyod Wangpo, là những vị Thầy của Dawa Drolma và xuất hiện thật rõ nét trong các tường thuật của bà. Hơn nữa, vị sau cùng còn là chú của bà và đã qua đời trước khi xảy ra những sự kiện được tường thuật trong bản văn này.

7- Jatrul, “hóa thân của Ja,” là một đệ tử của ba vị tulku được đề cập trong chú thích 6, đã cho rằng Dawa Drolma được định trước để làm phối ngẫu tâm linh của ông. Tuy nhiên gia đình bà đã từ chối cuộc hôn nhân này. Thất vọng cay đắng, Jatrul đổ lỗi cho Jigmed T’hrogyal, cha của Dawa Drolma, bởi đã từ chối không cho ông lấy người vợ được định trước này.

8- Khi chúng sinh trong nhân loại làm gãy bể các thệ nguyện Kim Cương thừa, hay samaya của họ, họ bị tái sinh làm những chúng sinh yêu ma phi-nhân mà tiếng Tây Tạng gọi là damsri, hay “những yêu ma gãy bể samaya.” Những yêu ma này không chỉ chịu đựng những hậu quả tiêu cực của những vi phạm đạo đức của riêng họ mà bằng những hành động của họ, họ còn khuyến khích người khác mắc phạm những vi phạm tương tự.

9- Ba mặt phẳng là thế giới địa ngục, thế giới bề mặt, và các thiên đường.

10- Một Bổn tôn thuộc nghiệp là vị Bổn tôn mà một người có mối liên hệ nghiệp mạnh mẽ nhất với ngài, nhờ vào những ràng buộc được thiết lập trong những đời trước.

11- Orgyan là tên Tây Tạng của Oddiyana trong Phạn ngữ, nó ám chỉ một xứ sở có tính chất huyền thoại mà cư dân của nó là những hành giả cao cấp của Phật Giáo Kim Cương thừa. Những tường thuật đáng tin cậy nhất nhận diện nó là xứ Kashmir hiện nay.

12- Torma là những nghi lễ cúng dường nào đó được

cử hành trong truyền thống Phật Giáo Tây Tạng.

13- Dawa Drolma đang nói tới Tromge Kundun, là người mà sau này bà cũng nhắc tới là Chhogtrul Rinpoche, “Hiện thân Cao quý Siêu phàm.” Lạt ma gốc là vị Thầy khai thị chân tánh của bản tâm ta.

14- Tu viện Tromge là nơi các vị Thầy của Dawa Drolma đã sống và giảng dạy, theo hai dòng Nyingma và Sakya của Phật Giáo Tây Tạng.

15- Một tantra chính yếu (xem chú thích 61) và Bản tôn của loại tantra cao nhất trong các “tân” phái của Phật Giáo Tây Tạng được sáng lập từ thế kỷ thứ mười một. Hevajra là thực hành chính trong dòng Sakya.

16- Vajradhara là một vị Phật thuộc dharmakaya (Pháp Thân), hay thực tại tối hậu, trong biểu tượng Kim Cương thừa.

17- Suốt trong các bài tường thuật, Dawa Drolma nhắc tới bản thân mình trong ngôi thứ ba là “cô gái này.” Có lẽ vì Dawa Drolma đã đọc những tường thuật này cho một người sao chép cũng như bởi tánh khiêm tốn và tự xóa nhòa chính mình của bà.

18- Amitayus là vị Phật của sự trường thọ, pháp thực hành của Ngài kéo dài thọ mạng của hành giả.

Samyak và Vajrakilaya là những Bản tôn phẫn nộ, những pháp thiền định của các ngài che chở hành giả tránh khỏi các chướng ngại.

Có ba cõi thuần tịnh liên kết với ba thân (kaya), hay các cấp độ của hiện thể giác ngộ. Núi Huy Hoàng Màu-Đông Đỏ là một trong nhiều cõi được gọi là các cõi thuần tịnh Hóa Thân (nirmanakaya), hiện hữu trong ý nghĩa nào đó trong một cách thể tương tự với cấp độ bình thường của thực tại vật lý của chính chúng ta, nhưng chỉ những người có sự nội quán và thành tựu tâm linh sâu xa mới có thể đi tới được. Các cõi thuần tịnh Báo thân (sambhogakaya) tạo thành một cấp độ đang hình thành của sắc tướng thuần tịnh phi-vật chất. Cõi thuần tịnh Pháp Thân (dharmakaya) là bản tánh vô-sắc tướng, nền tảng của thực tại, vượt lên bất kỳ sự tạo tác ý niệm nào. Những kinh nghiệm của Dawa Drolma trong chương này hoàn toàn xảy ra

trong phạm vi của một cõi thuần tịnh Hóa Thân, mặc dù sau này bậc dẫn dắt của bà là Đức Tara nhắc tới hai cấp độ khác trong chương này (xem chú thích 83).

19- Một lễ quán đảnh là một nghi lễ trong Phật Giáo Kim Cương thừa, nó cho phép người nhận thực hành một pháp thiền định Bốn tôn đặc biệt.

Một terton là bậc tìm lại và khám phá những giáo lý kho tàng ẩn dấu, hay terma. Laykyi Dorje là một bậc thầy Nyingma ở thế kỷ mười bốn, đã tìm lại một số giáo khóa quan trọng.

20- Trong những kinh nghiệm thực sự về giác tánh nguyên sơ, hành giả có thể thành linh thấu suốt các sự kiện, ngôn ngữ, ý niệm, và v.v.. mà trước đây họ không biết.

21- Đó là năm 1924

22- Đây là những giáo lý của Phật Giáo Kim Cương thừa, “bí mật” bởi vì chúng sâu xa (và vì thế chỉ có thể tiếp cận được với sự hướng dẫn đúng đắn) và được giữ riêng tư giữa vị Thầy và đệ tử. Cách sử dụng “mantra” (thần chú) hiện ra thật rõ ràng trong những giáo lý như thế, nhưng từ nguyên học của thuật ngữ biểu thị “cái bảo vệ tâm” chống lại những kiểu thức tư tưởng lầm lạc.

23- Tập trung vào một hình tượng của Đức Avalokiteshvara, vị Bồ Tát của lòng bi mẫn, với mười một mặt, một ngàn tay, và một ngàn mắt, đây thường là một nghi lễ kéo dài hai ngày, chay lạt một phần trong ngày đầu và chay lạt hoàn toàn vào ngày thứ hai.

24- Đây là hai giai đoạn của thiền định Kim Cương thừa chính thức. Giai đoạn trước liên quan chủ yếu tới sự quán tưởng và trì tụng thần chú; giai đoạn sau giải quyết những kỹ thuật du già cao cấp và sự thiền định không hình tượng.

25- Bhurkakuta là một Bốn tôn được kết hợp với sự tịnh hóa samaya bị gãy bể hay bất tịnh.

26- Để có một sự giảng nghĩa về sáu cõi, xin coi Dẫn nhập.

27- Giáo khóa chính này là một terma được terton

Karma Lingpa khám phá vào thế kỷ mười bốn.

28- Thần chú của Avalokiteshvara, Bồ Tát của lòng bi mẫn: Om mani padme hung. Nó cũng được nhắc tới là “thần chú sáu âm.”

29- Những thời gian khác nhau trong ngày được kết hợp với bốn loại hoạt động giác ngộ – sáng sớm với pháp làm an bình (tức tai), gần trưa với pháp tăng ích, chiều và tối với năng lực (pháp kính ái), và khuya với năng lực phần nộ (pháp hàng phục).

30- Đây là những nghi lễ nhắm vào Đức Yeshe Tsogyal, phối ngẫu người Tây Tạng của Đức Padmasambhava. Việc dâng cúng một bữa tiệc là một nghi lễ chính yếu trong Phật Giáo Kim Cương thừa, được thực hành để nâng cao sự chứng ngộ và để chuộc lỗi những vi phạm thệ nguyện tâm linh của hành giả.

31- Tuyên bố này là một ám chỉ tới quan điểm rõ ràng của Phật Giáo: Nếu từ vô thủy dòng tâm thức của tất cả chúng sinh từng trải qua những chuỗi hóa thân đời này sang đời khác, thì hệ quả là mọi chúng sinh đã có lúc từng là cha hay mẹ của bản thân ta.

32- “Orgyan vĩ đại” ám chỉ Đức Padmasambhava, bởi sự sinh ra kỳ diệu của Ngài xảy ra trong xứ Orgyan. Tam Bảo là những nguyên lý tâm linh cao nhất của Phật đạo – Phật, hay tâm giác ngộ (ví dụ như được hiện thân trong Đức Phật lịch sử Thích Ca Mâu Ni); Pháp, các giáo lý được một vị Phật như thế ban cho để dẫn dắt chúng sinh tới giác ngộ; và Tăng đoàn, những vị thực hành và chứng ngộ những giáo lý này và vì thế có thể hành xử như những người dẫn dắt và bạn đồng hành trên con đường tâm linh.

33- Bồ đề tâm (sự “tỉnh giác” hay “thái độ giác ngộ”) bao gồm hai phương diện – phương diện tương đối là lòng bi mẫn vị tha và phương diện tối hậu là sự chứng ngộ tánh Không, chân tánh của các hiện tượng.

34- Sự đo lường này được dùng để cung cấp chứng cứ khiến người ta tin rằng kinh nghiệm delog của bà là chân thực, không phải là một trò lừa gạt được tạo dựng.

35- Một mức độ che chướng bắt nguồn từ sự tổn

thương cho tâm thức trong bardo, hay trạng thái trung gian giữa cái chết và sự tái sinh, trong thời gian thụ thai, thai nghén, và lúc sinh ra. Điều này phần nào giải thích cho sự kiện các Tulku có thể không biểu lộ khả năng nhớ hết được những đời trước.

36- Một Bồ tôn Kim Cương thừa được đặc biệt kết hợp với sự tịnh hóa các hậu quả của những ác hạnh và che chướng.

37- Drolma, từ Tây Tạng tương đương với từ Tara trong Phạm ngữ, thường được ban cho người nữ ở Tây Tạng. Tsult'hrim Drolma là một ni cô đã sẵn sóc và dạy dỗ Chagdud Rinpoche khi ngài còn là một đứa trẻ (và ngài nhớ lại với vẻ hài hước, bà đã phát vào đít ngài rất nhiều).

38- Trong Phật Giáo Kim Cương thừa, năm “bộ Phật” là một cách thức phân loại các Bồ tôn được sử dụng trong thiền định; năm bộ Phật này cũng tạo thành giàn đỡ cho sự chuyển hóa những yếu tố bất tịnh trong tính chất bình phàm của ta thành các phương diện thanh tịnh và chân thực của chúng. Ở đây khăn trùm đầu màu xanh dương của Dawa Drolma biểu thị Kim Cương bộ, tượng trưng cho việc chuyển hóa sự sân hận thành phương diện thuần tịnh của giác tánh nguyên sơ, nó phản chiếu trong sáng mọi sự như một tấm gương.

39- Danh hiệu tôn kính khác của Tromge Kundun.

40- Một nhóm năm thiên nữ, lúc đầu là những tinh linh thể tục nhưng được Đức Padmasambhava thuần phục thành những vị bảo trợ của Phật Pháp. Kết giao với vùng xung quanh Hy Mã Lạp Sơn, họ được tôn kính khắp xứ Tây Tạng.

41- Giải trừ Chướng ngại trên Con đường là một bài cầu nguyện sùng mộ nổi tiếng, một phần của một giáo khóa terma được khám phá trong thế kỷ mười bốn.

Vajra guru (Đạo sư Kim cương) là thần chú của Đức Padmasambhava: Om ah hung vajra guru padma siddhi hung. Thần chú của các thân tướng trắng và xanh của Đức Tara là Om tara tuttate ture soha. Thần chú của thân tướng màu đỏ của Đức Tara là Om tare tam soha.

42- Tất cả những chi tiết này được chỉ rõ trong tiên tri của Đức Tara về Dawa Drolma.

43- Nghiệp được tạo nên trong việc giết một thú vật làm ô uế y phục như thế và sẽ cản trở cho sự thành công của kinh nghiệm delog của bà.

44- Do bởi đặc tính chữa bệnh, nước mưa trong những mùa nào đó kết hợp với chòm sao của các rishi, hay các vị thánh thị, được những người Tây Tạng hứng lấy và tích trữ.

45- Thuật ngữ kunzhi (là từ Tây Tạng tương đương với alaya trong Phạn ngữ) ở đây ám chỉ một bình diện tiền ý thức không có ngay cả những niệm tưởng vi tế nhất.

46- Đây là ba loại kinh nghiệm phát sinh trong thiền định như những dấu hiệu nhất thời của sự thành công, nhưng hành giả không được dính mắc vào chúng như những mục đích, bởi điều đó sẽ giới hạn tiến bộ tâm linh của hành giả. Sự dính mắc vào lạc sẽ dẫn tới việc tái sinh làm một vị trời trong dục giới; dính mắc vào sự trong sáng dẫn tới việc tái sinh làm một vị trời trong sắc giới; dính mắc vào sự tỉnh giác vô niệm khiến tái sinh làm một vị trời trong cõi vô sắc – tất cả những cõi giới trong sự hiện hữu có điều kiện.

47- Như được dùng ở đây, “tính chất thông thường” biểu thị cái gì thuộc nền tảng, chân thực, và không bị tạo lập.

48- Trong các nghi lễ Kim Cương thừa, một mũi tên được trang trí bằng dải ruy băng tượng trưng cho sự trường thọ và thịnh vượng.

49- Trong vũ trụ học Phật Giáo, hệ thống thế giới của chúng ta bao gồm một ngọn núi ở trung tâm, vây quanh là bốn đại lục chính, mỗi đại lục có hai tiểu lục địa ở hai bên. Tiểu lục địa ở phương tây nam của ngọn núi trung tâm và ở phương tây đối với thế giới chúng ta (“lục địa phương nam”) là Chamara. Đức Padmasambhava an trú ở đó, khuấy phục một loài yêu ma khát máu, nếu không chúng sẽ tàn phá thế giới chúng ta.

50- Hình ảnh đám mây biểu lộ phẩm tính bao la và siêu trần của kinh nghiệm của bà.

- 51- Trú xứ của Đức Padmasambhava trong cõi thuần tịnh của Ngài.
- 52- Từ Phạn ngữ vidyadhara (bậc hộ trì giác tánh nội tại, Trì Minh Vương) ám chỉ bậc đã khám phá chân tánh của bốn tâm ngài như một trạng thái giác ngộ nội tại (và do đó “hộ trì” kinh nghiệm này).
- 53- “Đấng Kim Cương Sinh-trong Hồ xứ Orgyan,” một tính ngữ thông thường của Đức Padmasambhava.
- 54- Vajravarahi là một nữ Bồ tôn cao cấp nhất của các tantra trong Phật Giáo Kim Cương thừa.
- 55- Từ Phạn ngữ tathagata (Như Lai - đấng đã đạt tới một trạng thái như thị) là một tính ngữ chỉ một vị Phật.
- 56- Không thể nhận ra vị này; dường như ông là một nhân vật lịch sử có thực trong số những người quen của Dawa Drolma.
- 57- Một mala là một sợi chuỗi hạt được dùng như chuỗi tràng để đếm các thần chú hay bài cầu nguyện.
- 58- Trì tụng thần chú trăm-âm của Bồ tôn Vajrasattva (Kim Cang Tát Đỏa) là một kỹ thuật Kim Cương thừa để tịnh hóa bản thân về các hậu quả của những ác hạnh và che chướng.
- 59- Đây là giải thích dài nhất của một mô tả vũ trụ theo một quan điểm lý tưởng, có tính chất ước lệ. Được gọi lên trong trí tưởng tượng của ta, vũ trụ này được cúng dường cho đối tượng của đức tin của ta như một phương tiện để tích tập công đức và đào sâu sự nội quán.
- 60- Người nữ được tắm là một Dakini vì được tái sinh trong cõi thuần tịnh của Đức Padmasambhava nhờ thành tựu tâm linh của bà.
- 61- Các sutra (Kinh điển) là những lời thuyết giảng của Đức Phật tạo nên nền tảng kinh điển của các phái công truyền Tiểu thừa và Đại thừa Phật Giáo; các tantra (Mật điển) là những kinh điển bí mật hơn tạo nên nền tảng của giáo lý Phật Giáo Kim Cương thừa.
- 62- Một Đạo sư vĩ đại sống từ năm 1820 tới 1892. Ngài có công trong việc lãnh đạo một cuộc vận động cải cách rộng lớn, tập trung ở miền đông Tây Tạng trong thế kỷ thứ mười chín. Mặc dù trên danh nghĩa ngài là một Lạt ma của phái Sakya, ngài đã nghiên

cứu rộng rãi và trao truyền các dòng truyền thừa trong mọi trường phái của Phật Giáo Tây Tạng.

63- Đây là những sutra (Kinh), hay những lời thuyết giảng của Đức Phật; vinaya (Luật), hay những luật lệ đạo đức; và abhidharma (Luận), hay những giáo lý siêu hình và tâm lý.

64- Chày và chuông là những pháp khí được cầm trong tay khi cử hành các nghi lễ Kim Cương thừa. Chày tượng trưng cho phương tiện thiện xảo, chuông tượng trưng sự thấu suốt siêu việt tánh Không.

65- Một ám chỉ tục lệ phổ thông ở Tây Tạng là cúng dường một khăn quàng bằng vải trắng cho một vị Thầy khi xin yết kiến hay khăn cầu một trao truyền chính thức các giáo lý tâm linh. Tượng trưng cho lòng chân thành thanh tịnh của hành giả, chiếc khăn thường được vị thầy choàng sau cổ hành giả như một sự ban phước.

66- Derge được dùng làm trung tâm văn hóa và hành chánh chính yếu của miền đông Tây Tạng. Vị Dakini được ám chỉ ở đây là một phụ nữ có thực sống trước thời đại của Dawa Drolma.

67- Một phần của giáo khóa gồm các giáo lý terma, một vài giáo lý trong số đó được dịch sang Anh ngữ như Tibetan Book of the Death (Sách Tây Tạng về cái Chết, Tử Thư Tây Tạng).

68- Một chương của một tantra được sử dụng rộng rãi trong phái Nyingma trong Phật Giáo Tây Tạng như một nghi lễ sám hối phổ thông.

69- Một hình thức giữ hơi thở được sử dụng rộng rãi trong các thực hành thiền định Kim Cương thừa cao cấp.

70- Ba thực hành này được bao gồm trong một khóa giáo lý terma gọi là Heart Drop of Longchenpa (Tâm Yếu của Longchenpa) (Longchen Nyingt'rig), được Rigdzin Jigmed Lingpa khám phá vào thế kỷ thứ mười bảy. Để có tài liệu về giáo khóa này, xin đọc H.H.

Dilgo Khyentse Rinpoche, *The Wish-Fulfilling Jewel* (Boston: Shambhala, 1988), trang 9, (bản dịch Việt ngữ: Viên Ngọc Như Ý); và Tulku Thondup, *The Tantric Tradition of the Nyingma* (Truyền thống Mật

thừa của phái Nyingma) (Marion, Mass.: Buddhayana, 1984), trang 174.

71- Đó là chú của bà, ngài Drimed Khakyod Wangpo.

72- Con gái của vua xứ Zahor ở Ấn Độ, Mandarava là một phối ngẫu tâm linh của Đức Padmasambhava, bà trợ giúp cho Ngài trong việc đạt được quyền định đoạt sự trường thọ.

73- Đây là một bản dịch được sửa đổi nổi tiếng của Lời Khấn nguyện Bảy-Dòng.

74- Các mara (ma quân) là những thế lực hay chúng sinh làm giới hạn kinh nghiệm của ta và trói buộc ta vào vòng luân hồi. Bốn loại mara như thế thường được nhắc tới là: những cảm xúc phiền não, cái chết (hiện thân là Yama, Thần Chết), các sự kết tập tâm-vật lý (các uẩn) cấu thành thân-tâm của một cá nhân không giác ngộ tâm linh, và các thế lực ngăn cản năng lực của tâm đạt được những cấp độ cao hơn của sự thể nhập thiền định (được nhân cách hóa là “con cái của các vị trời”).

75- Trong Phật Giáo Kim Cương thừa, màu trắng và xanh dương được kết hợp với phương đông, màu vàng với phương nam, đỏ với phương tây, và xanh lá cây với phương bắc.

76- Nghĩa đen: “khoảng [chiều dài] tay áo.”

77- Dấu hiệu terma () biểu thị rằng những trích dẫn khác nhau trong tường thuật này tạo thành một loại terma, hay kho tàng tâm, mà Dawa Drolma đang khám phá.

78- Trong hệ thống Nyingma của Phật Giáo Tây Tạng, Samantabhadra (Đức Phổ Hiền) là hiện thân của Pháp Thân – thực tại tối hậu, không thể diễn tả được. Thuật ngữ có nghĩa là nó “hoàn toàn tích cực.”

79- Vua Hoa sen (Padma Gyalpo) và Padma T'hod T'hreng Tzal là những tính ngữ biểu thị cho những khía cạnh đặc biệt của Đức Padmasambhava.

80- Một yogini của Phật Giáo Ấn Độ cổ được miêu tả rõ ràng trong sự truyền dạy của nhiều giáo lý Nyingma. Xem Thondup, Truyền thống Mật thừa của phái Nyingma, trang 17.

81- Một phép ẩn dụ về sự hợp nhất phương tiện thiện

xảo và trí tuệ siêu việt.

82- Từ Phạn ngữ samsara và nirvana biểu thị một cách tương ứng trạng thái không giác ngộ, có điều kiện của sự hiện hữu bình phàm đối nghịch với trạng thái giác ngộ, không điều kiện của giác tánh của một vị Phật.

83- Tuyên bố này cho thấy Dawa Drolma không thực sự chết, nhưng phải trở lại thân xác bà trong cõi người. Mặc dù vào lúc này Đức Tara muốn nói tới các cõi thuần tịnh khác thuộc các cấp độ giác ngộ Báo thân và Pháp Thân, nhưng tất cả những sự kiện trong chương này, bao gồm những sự kiện từ lúc này trở đi, xảy ra trong cõi thuần tịnh Hóa Thân Núi Huy Hoàng Màu-Đồng Đỏ.

84- Năm điều xác quyết này là những đặc tính tiêu biểu của Báo Thân – đó là luôn luôn có một vị Thầy, có quyền thuộc (đoàn tùy tùng), hoàn cảnh, giáo lý, và cơ hội toàn hảo.

85- Một tính ngữ chỉ Đức Avalokiteshvara, Bồ Tát của lòng bi mẫn.

86- Tức là Đức Phật Pháp Thân Samantabhadra (Phổ Hiền).

87- Một trong mười bảy tantra chính của ati yoga, hay Đại Viên Mãn, cách tiếp cận của phái Nyingma.

88- Bà cảm nhận rõ ràng rằng những lợi ích trong việc thuật lại kinh nghiệm của bà đã làm nặng nề thêm những hậu quả của việc vi phạm huấn thị của Đức Tara.

89- Theo Chagdud Rinpoche, điều này có thể ám chỉ mạn đà la năm phương diện của Đức Padma T'hod T'hreng Tzal.

90- Đức Samantabhadra (Phổ Hiền) được nhắc tới trong ẩn dụ nổi tiếng này về hành vi lý tưởng của việc cúng dường thì không phải là Đức Phật Pháp Thân, mà là một Bồ Tát nổi danh trong các Kinh điển về khả năng tạo ra các vật cúng dường theo ý muốn nhờ những năng lực thể nhập thiên định của Ngài.

91- Các vị trời trong cõi trời này thuộc dục giới trong vòng luân hồi (tên theo nghĩa đen có nghĩa là “Những Hiện thân Hỉ lạc”) có những kho công đức to lớn tới

độ họ có thể hóa hiện bất kỳ thú vui cảm giác nào họ muốn mà không cần nỗ lực.

92- Chĩa ba là một biểu tượng của sự thành tựu ba thân.

93- Đây là một ẩn dụ thông thường về sự không tương xứng giữa ngôn ngữ bình thường và những ý niệm để diễn tả kinh nghiệm trực tiếp về chân tánh của ta.

94- Bậc duy trì ba cấp độ của sự hứa nguyện trong thực hành Phật Giáo – các giới luật của con đường Tiểu thừa dành cho sự giải thoát cá nhân, các giới nguyện Bồ Tát của con đường Đại thừa, và samaya Mật thừa của con đường Kim Cương thừa.

95- Srongtzan Gampo là một nhà cai trị của xứ Tây Tạng trong phần lớn của thế kỷ thứ bảy. Phật Giáo được du nhập vào Tây Tạng trong triều đại của ngài, mặc dù việc củng cố một truyền thống Phật Giáo Tây Tạng đã xảy ra vài thế kỷ sau này. Nub Namnying (hay Namkhai Nyingpo) là một trong hai mươi lăm đệ tử thân thiết nhất của Đức Padmasambhava ở Tây Tạng. Dagpo Daod (1079 -1153) thường được biết nhiều hơn với tên Gampopa, đệ tử chính của Milarepa và là một nhà sáng lập phái Kagyud của Phật Giáo Tây Tạng.

96- Đó là lúc Dawa Drolma quen biết ngài trong cõi người trước khi ngài mất.

97- Một vị Thầy và terton Tây Tạng hầu như sống trọn đời ở Sikkim. Ngài sống từ 1597 tới khoảng 1650.

98- Tu viện Dzaga là một tu viện Nyingma rộng lớn cách xa Tu viện Tromge ở quê hương của Dawa Drolma miền T'hromt'har khoảng một ngày đường. Có một mối liên hệ chặt chẽ giữa hai trung tâm. Một trưởng tử tâm huyết (con trai hay con gái tâm huyết) là một đệ tử rất thân cận.

99- Bốn thị kiến là những giai đoạn chứng ngộ trong tiếp cận Đại Viên Mãn. Những từ “thuần tịnh nguyên thủy” và “hiện diện tự nhiên” ở đây ám chỉ hai giai đoạn thực hành trong Đại Viên Mãn, được gọi là t'hregchhod và t'hogal trong tiếng Tây Tạng.

100- Từ tương tự trong tiếng Tây Tạng có thể ám chỉ

các xương đùi người được làm thành kèn trum pét và âm chỉ những nhạc khí tương tự làm bằng đồng thau hay đồng đỏ.

101- Đó là phái Nyingma. Nghi lễ được ám chỉ là một phần của giáo khóa terma chính yếu được Nyang Nyima Odzer khám phá vào thế kỷ thứ mười hai.

102- Phép ẩn dụ được dùng để diễn tả chuyển động nhanh chóng và quả quyết trong một chiều hướng đặc biệt.

103- Sự được và mất, vinh và nhục, khen và chê, và sướng và khổ.

104- Đây là những nguyên âm Phạm ngữ.

105- Một nghi lễ trong đó cái chết của một Lạt ma cao cấp được diễn tập theo một cách tượng trưng, với những vật cúng dường và một hình nộm được đưa ra nhân danh vị Lạt ma để làm vữa lòng các thế lực mà nếu không thì có thể đe dọa thọ mạng của vị Lạt ma. Một yếu tố chính trong nghi lễ là vũ điệu của năm Dakini, được thực hiện bởi năm thiếu nữ, là những vị được quay trở lại với những vật cúng dường hơn là được cho phép hướng dẫn tâm thức của vị Lạt ma tới một cõi thuần tịnh.

106- Đó là: “Chừng nào ngài tái sinh trong cõi người?”

107- Các giáo lý được hệ thống hóa bởi Chetzun Sengge Wangkhyug (thế kỷ mười một tới thế kỷ mười hai) dựa trên việc thành tựu “thân cầu vòng” của ngài vào năm 125 tuổi. Chúng được Jamyang Khyentse Wangpo (1820-1892) khám phá.

Thân cầu vòng là thành tựu cao nhất theo viễn cảnh của tiếp cận Đại Viên Mãn hay Dzogchen, trong đó thân hữu hình của hành giả chuyển hóa thành một thân ánh sáng cầu vòng, là thân chỉ những bậc có thành tựu tâm linh rất vĩ đại mới được sử dụng như một sức mạnh dẫn đạo và tồn tại cho tới khi vòng luân hồi không còn chúng sinh.

108- Bởi làm như thế sẽ có nguy cơ gây nên cái chết thực sự cùng hậu quả là tâm thức của bà không thể quay trở lại thân xác.

109- Những viên thuốc được hiến cúng trong những buổi lễ đặc biệt, chúng trao truyền sự ban phước cho

những ai sử dụng.

110- Một repa là một yogin chỉ mặc một bộ y phục mỏng bằng vải trắng (như Milarepa).

111- Đây là một bài kệ nổi tiếng từ bản dịch tiếng Tây Tạng của Bodhicharyavatara (Bồ Tát Hạnh), một tác phẩm nổi tiếng của Shantideva xứ Ấn Độ thuộc Phật Giáo Đại thừa.

112- Nghĩa đen: “bằng miệng hay bàn tay.”

113- Theo Chagdud Rinpoche, đây có thể là một ám chỉ người gác cổng hung dữ mà Dawa Drolma có thể gặp trong hành trình trở về cõi người của bà; hạt gạo là một hình thức của sự bảo vệ.

114- Xem chú thích 111 ở trên.

115- Lantza là một loại chữ trang trí được người Tây Tạng dùng trên đầu đề các trang sách và khắc trên những bánh xe cầu nguyện và v.v...; nó là một loại chữ miền bắc Ấn Độ trên đó những chữ được gọi là tiêu đề (uchen) của mẫu tự Tây Tạng được đặt nền tảng. Chữ Wardhu (Wartula Gupta) là loại chữ bắc Ấn Độ khác trên đó những chữ “không tiêu đề” (umed) của Tây Tạng được đặt nền.

116- Một quận ở tỉnh Dagpo miền nam Tây Tạng.

117- Đây là cá nhân cũng được nhắc tới là Jatrul; xem chú thích 7 ở trên.

2. Những Quán chiếu trong Tâm Gương Pha lê

1- Nỗi sợ sự tử, voi hoang, lửa, rắn, lụt lội, tù đày, kẻ trộm, và những kẻ ăn thịt người.

2- Đó là Tromge Kundun, Tromge Trungpa, và Drimed Khakyod Wangpo, ba vị Tulku là những vị được đề cập tới trước tiên trong Chương 1 và là những vị nổi bật trong những tường thuật của Dawa Drolma.

3- Thuật ngữ Tây Tạng bardo có nghĩa là “một khoảng cách giữa hai thời điểm”; trong bản văn này nó đặc biệt ám chỉ khoảng cách giữa cái chết và sự tái sinh, trong quãng thời gian đó các nghiệp lực trong tính chất của một cá nhân tạo nên những phóng chiếu tiên báo tái sinh trong tương lai của cá nhân đó.

4- Bởi những tham luyến của ta với chúng, ta bị

vướng kết trong các hoạt động và những mối quan tâm, chúng làm luân hồi sinh tử kéo dài mãi.

5- Khái niệm quy y rất quan trọng đối với Phật Giáo; thực vậy, “giới nguyện quy y” là bước đi chính thức đầu tiên trong hứa nguyện riêng của một cá nhân đối với Phật đạo. Ta quy y (nương tựa) “Tam Bảo,” ba lý tưởng hay nguyên lý tâm linh (xem Chương 1, chú thích 32). Như vậy, việc ban tặng sự nương tựa (quy y) bao hàm nhiều ý nghĩa hơn là chỉ đơn giản che chở hay bảo vệ người nào đó, bởi nó đòi hỏi sự hứng khởi và dẫn dắt tâm linh.

6- Những thân tượng trắng và xanh lá cây của Đức Tara.

7- Một tính ngữ chỉ Đức Manjushri (Văn Thù), Bồ Tát của trí tuệ.

8- Sodnam Tzemo, sống từ năm 1142 tới 1182, là con trai của Sachhen Kunga Nyingpo (vị sáng lập phái Sakya của Phật Giáo Tây Tạng, và vì thế là vị thứ hai trong năm vị “tổ sư sáng lập” của phái).

9- Âm thứ hai của danh hiệu Gyajam là một cách rút gọn của Jamyang, tiếng Tây Tạng của tên Manjughosha theo Phạn ngữ.

10- Một ẩn dụ về cảnh tượng hỗn độn và rối loạn.

11- Hai bản văn được nói tới được sử dụng trong các nghi lễ sám hối trong truyền thống Phật Giáo Tây Tạng.

12- “Vua của vận mệnh,” một tính ngữ chỉ Yama.

13- “Bảng định mệnh” được mô tả là một cây gậy dẹp, trông giống cái mái chèo, được đánh dấu bằng những nét khắc song song; mỗi vận mệnh của một cá nhân được nối kết với một dấu được ghi trên một trong những ô vuông biểu thị kết quả. Tám gương nghiệp quả phản chiếu rõ ràng những hành vi của ta trong đời trước, để không làm xáo trộn định luật nghiệp quả bất di bất dịch.

14- Một phong tục mê tín đã hiện hữu trong một vài miền ở Tây Tạng, cho rằng một người dùng thuốc độc làm chết một Lạt ma thì trong cách thế nào đó được hưởng công đức tâm linh của người chết. Nhưng hậu quả thực sự của hành vi này là sự tái sinh trong địa

ngục.

15- Địa ngục đầu tiên trong tám địa ngục nóng của vũ trụ học Phật Giáo truyền thống. Về các mô tả những cõi địa ngục và ngọc quý được nhắc tới trong chương này, xin coi The Jewel Ornament of Liberation (Vật Trang sức Quý báu của sự Giải thoát), H.V. Guenther, bản dịch (Boston: Shambhala, 1986), các trang 55-69; Kun-zang La-may Zhal-lung, S.T.Kazi, bản dịch (Upper Montclair, N.J.: Nhà Xuất bản Diamond-Lotus, 1989), các trang 83-139; và Patrul Rinpoche, The Words of My Perfect Teacher (San Francisco: Harper Collins, 1994), các trang 63-76 (bản dịch Việt ngữ: Lời Vàng của Thầy tôi).

16- Các ngọc quý là những tinh linh đau khổ bị phiền não vì đói và khát khủng khiếp và bởi bị phơi bày ra các yếu tố (các đại).

17- Một vị Phật mà pháp thiền định và thần chú của Ngài đặc biệt hữu hiệu trong việc tịnh hóa hậu quả của những ác hạnh.

18- Xem Chương 1, chú thích 62.

19- Theo vũ trụ học Phật Giáo truyền thống thì Núi Tu Di là ngọn núi trung tâm của hệ thống thế giới của chúng ta.

20- Ba loại thiện hạnh thuộc về thân là bảo vệ sinh mạng, bố thí, và đạo đức tính dục; bốn loại thuộc về ngữ là chân thực, nói năng tử tế, tạo sự hòa hợp bằng lời nói, và nói những lời có ý nghĩa; và ba loại thuộc về tâm là hài lòng, nhân từ, và thấu hiểu đúng đắn các chân lý tâm linh.

21- Những người Tây Tạng tin rằng cờ cầu nguyện gởi theo làn gió những sự ban phước của những lời nguyện, làm lợi lạc cho tất cả những ai được gió chạm vào.

22- Thần chú siddhi là một tên khác của thần chú của Đức Liên Hoa Sanh, Om ah hung vajra guru padma siddhi hung.

23- Một thiện hạnh phổ biến ở Tây Tạng là khắc sáu chữ của thần chú Om mani padme hung vào các hòn đá, chúng thường được chắt thành ụ đá hay các bức tượng.

24- Satsa là những mô hình tháp (stupa) nhỏ bằng đất sét—các vật kỷ niệm mà những đặc trưng kiến trúc của chúng tượng trưng cho các phương diện của tâm giác ngộ—hay những tượng đúc bằng đất sét hình các Bồ tôn; đất sét thường được trộn với tro lấy từ hài cốt của những người chết để truyền những ân phước cho người chết.

25- Đó là các hình ảnh, sách, và các dụng cụ là những đồ chứa (Pháp khí) tượng trưng cho thân, ngữ, và tâm của các bậc giác ngộ.

26- Trong vũ trụ học Phật Giáo truyền thống, một ngàn hệ thống thế giới tương tự như thế giới chung của chúng ta tạo thành một vũ trụ có độ lớn bậc nhất; một ngàn vũ trụ này tạo thành một vũ trụ có độ lớn bậc nhì; và một ngàn vũ trụ này (đó là một tỉ hệ thống thế giới tương tự thế giới của chúng ta) tạo thành một vũ trụ có độ lớn bậc ba, một “vũ trụ gấp ba-ngàn lần.”

27- Tam giới (ba cõi) là dục giới (bao gồm các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, bán thần, và các cấp độ thấp của các vị trời), sắc giới vi tế hơn (những cấp độ trung bình của các vị trời), và vô sắc giới vi tế nhất (cấp độ cao nhất của các vị trời). Tất cả ba cõi giới đều ở trong vòng luân hồi có điều kiện, vì thế tượng trưng cho việc không có hạnh phúc hay giải thoát cuối cùng, và vẫn còn nằm dưới sự thống trị của Thần Chết.

28- Ba mặt bằng của sự sống là cách diễn tả khác về vòng luân hồi; đó là thế giới địa ngục, thế giới trên mặt đất, và các cõi trời.

29- “Lục địa phương nam” (Nam Thiệm Bộ Châu) trong bốn lục địa bao quanh núi Tu Di chính là thế giới của chúng ta, đại khái tương đương với “Trái Đất.”

30- Khi chết, những bậc có chứng ngộ cao cấp này làm đảo lộn nghiệp của nhiều người mà thông thường chúng sẽ gây nên cái chết của họ.

31- Một loại cây trồng ở một trong những nơi gọi là địa ngục lân cận và tạo thành nguồn gốc chính yếu của sự đau khổ cho chúng sinh trong địa ngục đó.

Xem Kazi, Kun-zang La-may Zhal-lung, các trang 93-94.

32- Theo nghĩa đen: “Pháp ngữ được phiên dịch [của Đức Phật].” Kinh điển Phật Giáo Tây Tạng, thường gồm 108 pho sách, trong số những kinh điển được công nhận là các giáo lý của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

33- Ta đoán chừng con gái bà có khuynh hướng sân hận và sát sinh.

34- Những “đứa trẻ” này là những phóng chiếu của những yếu tố tích cực và tiêu cực trong tính chất riêng của ta.

35- Một ám chỉ cho những hình thức hành hạ thể xác khắc nghiệt mà ông ta, là người chỉ huy, đã chịu trách nhiệm khi ra lệnh.

36- Một nhân vật trọng yếu trong phái Nyingma của Phật Giáo Tây Tạng cuối thế kỷ mười chín và đầu thế kỷ hai mươi.

37- Đó là giới tu sĩ; màu vàng là màu được dành cho trang phục của các nhà sư và ni cô ở Tây Tạng.

38- Đó là không dẫn những người khác đi theo bà dựa vào những công đức của nghiệp tích cực của bà.

39- Một trung tâm tu viện và chính trị quan trọng ở tỉnh Tsang miền nam Tây Tạng và trụ sở của phái Sakya của Phật Giáo Tây Tạng.

40- Những tích tập công đức trên bình diện thông thường và tích tập giác tánh nguyên sơ trên bình diện tối thượng.

41- Đức Manjushri, Avalokiteshvara, và Vajrapani (các Bồ Tát của trí tuệ, lòng bi mẫn, và năng lực tâm linh theo thứ tự tương ứng) là những Bồ Tát thuộc “ba bộ”—đó là thuộc về thân, ngữ, và tâm của tất cả chư Phật.

42- Lợi lạc cho bản thân và những người khác trong khoảng thời gian ngắn hạn và dài hạn.

43- Ngay cả một dính dáng tiêu cực do một hành động có hại hay ý định xấu ác đối với người nào đó cũng tạo nên một mối liên hệ ích lợi.

44- Đây là những đối nghịch của các thiện hạnh được đề cập trong chú thích 20 ở trên: các hành vi thuộc thân là sát sinh, trộm cắp, và tà dâm; các hành vi

thuộc ngữ là nói dối, lãng mạn, vu khống, và nói tầm phào vô ích; và các hành vi thuộc tâm là tham muốn, ý định xấu, và các tà kiến liên quan tới các chân lý tâm linh.

45- Một thành phố lớn (tiếng Trung Hoa gọi là Ta-chien-lu) ở biên giới Hoa-Tạng, trước đây là địa điểm chính qua đó trà Trung Quốc được nhập khẩu vào lãnh thổ Tây Tạng.

46- Các nạn quỷ với các che chướng nội tại là những chúng sinh mà các tri giác chủ quan của họ bị bóp méo đến nỗi mặc dù họ có thể tìm được thực phẩm hay thức uống, nhưng những thứ này trở thành lửa, rác rưởi, hay chất độc khi ăn vào.

47- Một tantrika là một hành giả của con đường Mật thừa, tức là Phật Giáo Kim Cương thừa.

48- Điều này ám chỉ những người đã cùng thọ nhận những quán đảnh thực hành Kim Cương thừa từ cùng những vị Lạt ma; việc này được coi là mối ràng buộc không gì chặt chẽ hơn có thể có giữa những con người.

49- Địa ngục Kim Cương là cõi mà chúng sinh rơi vào do vi phạm trầm trọng các thệ nguyện samaya của họ.

50- Chư Phật đã xuất hiện trong quá khứ, chư Phật đang xuất hiện trong hiện tại, và chư Phật sẽ xuất hiện trong tương lai.

51- Thuộc thân, ngữ, và tâm.

52- Ở đây tính nhị nguyên thông thường giữa tích cực và tiêu cực được thay thế bằng các nguyên lý cao hơn của thực hành tâm linh.

53- Như những dòng dưới đây làm rõ nghĩa, vị thánh này là vị Thầy tâm linh chính yếu của Yeshe Dorje.

54- Tám địa ngục nóng, tám địa ngục lạnh, các địa ngục lân cận, và những địa ngục nhất thời.

55- Từ Phạn ngữ của danh hiệu Yeshe Dorje.

56- Bởi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đang ngồi dưới một cây đa (hay cây bồ đề) khi Ngài giác ngộ nên hột của loại cây này được quý trọng và dùng làm hột chuỗi tràng.

57- Ở Tây Tạng, người ta thường bảo trợ cho những

người tụng đọc Kinh điển lớn tiếng và hồi hướng công đức của việc tụng đọc cho hạnh phúc của người bảo trợ.

58- Một đồng cỏ bao la gần nhà Dawa Drolma.

59- Tức là Đức Phật.

60- Trong thực hành của Phật Giáo Tây Tạng, danh hiệu Lạt ma của một người thường được dùng trong câu “-----thấu biết tất cả!” như một hình thức của thần chú. Ở đây người này đặt vị Thầy của mình ngang hàng với Dorje Chang (Phạn ngữ: Vajradhara, Kim Cương Trì), Đức Phật Pháp Thân của chân lý tối hậu.

61- Năm độc thuộc cảm xúc là tham luyến, sân hận, vô minh, tự phụ, và ganh tị.

62- P’howa, hay “chuyển di tâm thức,” là một kỹ thuật Kim Cương thừa có thể được thực hiện vì lợi lạc của bản thân hay của những người khác. Nó làm cho tâm thức lìa bỏ thân xác vào lúc chết trong cách thức thiện xảo và hữu hiệu nhất để trợ giúp cho tiến bộ tâm linh của ta.

63- Xem Chương 1, chú thích 22.

64- Bằng cách tôn kính các vị này, ta thâm nhập các tích tập công đức và giác tánh nguyên sơ (trí tuệ).

65- Đó là những phối ngẫu của các Lạt ma.

66- Bốn cấp độ hỉ lạc phát sinh liên tiếp trong thiền định là hỉ lạc được định danh, hỉ lạc siêu phàm, hỉ lạc đặc biệt, và hỉ lạc đồng-xuất hiện (hay hỉ lạc siêu vượt hỉ lạc [thông thường]).

67- Năm hành vi có nghiệp quả trầm trọng tới nỗi nếu không được tịnh hóa, kẻ mắc phạm hành vi đó bị tái sinh lập tức trong một cõi địa ngục vào lúc chết, mà không kinh qua trạng thái bardo thông thường xảy ra giữa sự chết và tái sinh. Những hành vi đó là giết cha, giết mẹ, giết một vị A la hán (xem Chương 3, chú thích 32), vì ác tâm mà làm một vị Phật chảy máu, và gây chia rẽ không thể hàn gắn trong cộng đồng Phật Giáo.

68- Đó là hành vi đạo đức chấp nhận một vài hình thức hành xử là đạo đức và từ bỏ những hình thức hành xử khác là vô đạo đức.

69- Ma mốt là những thiên nữ hung dữ.

3. Núi Potala

- 1- Xem Chương 1, chú thích 55.
- 2- Tám phẩm tính là tính chất mát, ngọt, thanh, dịu, trong, không có các chất bất tịnh, dễ tiêu hóa và làm cổ họng êm dịu.
- 3- Năm-lớp tường tượng trưng cho năm bộ Phật chính yếu của Kim Cương thừa. Tương tự, mỗi cách kiến trúc đặc biệt của những tòa lâu đài này tượng trưng cho một yếu tố riêng biệt hay phẩm tính của thực hành và chứng ngộ tâm linh.
- 4- Bánh xe Pháp (Pháp luân) là một biểu tượng tốt lành bằng vàng với tám nan hoa tượng trưng cho Bát Chánh Đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, và chánh định.
- 5- Makara là một sinh vật thần thoại sống trong nước có phần giống một con cá sấu, được dùng làm một chủ đề trong kiến trúc Phật Giáo.
- 6- Xem Chương 1, chú thích 91.
- 7- Thân tướng một vị Phật được mô tả theo truyền thống là có thân tướng toàn hảo được tô điểm với ba mươi hai tướng chính và tám mươi tướng phụ, là các biểu hiện bên ngoài của những phẩm tính tâm linh sâu xa.
- 8- Theo truyền thống, loài linh dương lốm đốm đen này được cho là hiền lành và bi mẫn khác thường.
- 9- Đó là tư thế cạnh bàn chân phải đặt lên đùi trái và cạnh bàn chân trái đặt trên đùi phải.
- 10- Thành ngữ truyền thống “chuyển Pháp luân” biểu thị hoạt động ban tặng Giáo lý đạo Phật.
- 11- Điều này ám chỉ phương pháp truyền thống trong việc chia thời gian hai-mươi-bốn tiếng thành sáu “thời,” mỗi thời bốn tiếng.
- 12- Đức Phật tiên đoán rằng sau khi Ngài nhập Niết Bàn, Giáo Pháp của Ngài sẽ tồn tại trong thế giới này hơn mười thời kỳ, mỗi thời kỳ là năm trăm năm. Mỗi thời kỳ kế tiếp sẽ bao hàm một sự tiếp cận nông cạn và mờ nhạt hơn trong việc nghiên cứu và thực hành những giáo lý này, cho tới khi chỉ còn lại những dấu

vết, tiếp sau đó các giáo lý sẽ biến mất khỏi thế giới này cho tới khi Đức Phật Maitreya (Di Lặc) kế tiếp xuất hiện để khai thị Giáo Pháp một lần nữa.

13- Hầu hết các quan điểm triết học ngả về một thái cực: hoặc hướng về thuyết vĩnh cửu (khẳng định một cách ngây thơ sự hiện hữu của các sự vật giống như chúng xuất hiện) hoặc hướng về thuyết hư vô (cũng như phủ nhận một cách ngây rằng các sự vật hoàn toàn không hiện hữu). “Trung Đạo” của Đức Phật tránh những thái cực này bằng cách xác nhận tính tương thuộc như tiến trình giải thích cho sự xuất hiện của các hiện tượng trong ý nghĩa quy ước, trong khi cùng lúc xác nhận rằng những hiện tượng này không có bất kỳ tự-tánh chân thực nào.

14- Đó là một thân thể ở trong trạng thái tái sinh may mắn.

15- Sáu toàn thiện (cũng được biết trong Phạn ngữ là paramita – ba la mật) là những phẩm tính tạo thành cốt tủy của con đường Đại thừa Phật Giáo: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, kiên cố thiền định, và trí tuệ siêu việt.

16- Bốn phương pháp ảnh hưởng tích cực tới người khác (tứ nhiếp pháp) là bố thí rộng rãi những gì cần thiết, nói năng vui vẻ, thực hiện những hoạt động lợi lạc cho người khác, và hành động phù hợp với những phong tục và sự mong đợi của người khác.

17- Trí tuệ phát khởi từ việc nghe giáo lý, quán chiếu, và thiền định (văn, tư, tu).

18- Sự chánh niệm, tỉnh giác, chú tâm, và thực hành tâm linh.

19- Đây là những giới nguyện tạm thời, thường được dùng trong hai mươi bốn giờ, thường dùng chung với nghi lễ chay nyungnay. Tám giới nguyện là tránh sát sinh, trộm cắp, nói dối, thực hiện hoạt động tính dục, ăn không đúng thời (trước khi mặt trời mọc và sau giờ ngọ), dùng mỹ phẩm trang điểm hay đồ trang sức, ngồi chỗ cao hay trên gai, và ca hát, nhảy múa, hoặc chơi âm nhạc.

20- Thân, ngữ, và tâm bạn.

21-Xem Chương 1, chú thích 103.

- 22- Thuộc thân, ngữ, và tâm.
- 23- Câu kệ này, một trích dẫn từ kinh điển, là một lời cầu nguyện nổi tiếng của Phật Giáo Tây Tạng.
- 24- Một lời nguyện ước nổi tiếng.
- 25- Cõi thuần tịnh được kết hợp với phương tây, được biết trong tiếng Tây Tạng là Dewachan, hay Cõi Cực Lạc.
- 26- Kinh Saddharma-pundarika, hay Kinh Hoa Sen (Kinh Pháp Hoa), hiện có vài bản dịch Anh ngữ.
- 27- Kinh Arya-karandavyuha (Kinh Đại thừa Trang Nghiêm Bảo vương). Một bộ kinh liên quan tới Bồ Tát Avalokiteshvara và thuyết giảng lợi ích của việc thực hành được kết hợp với vị Bồ Tát này và thần chú Om mani padme hung.
- 28- Những cư dân gây đau khổ cho các ngựa quý và làm tăng trưởng nỗi khổ của họ.
- 29- Các Thanh Văn và Phật Độc Giác là các vị thực hành và chứng ngộ con đường Tiểu thừa của thực hành Phật Giáo, thì khác biệt với các Bồ Tát là những vị đạt được Phật Quả nhờ con đường Đại thừa. Các vị trời, nhạc sĩ cõi trời, và v.v.. là những loại chúng sinh chưa giác ngộ ở trong luân hồi sinh tử có điều kiện; Ishvara (Tự tại thiên) và Maheshvara (Đại Tự tại thiên) là những vị trời mạnh mẽ. Vajrapani (Kim Cương Thủ) là Bồ Tát của năng lực tâm linh.
- 30- Một đà ra ni là một loại thần chú, một thể thức tiêu biểu giống như văn xuôi đề cập tới những phẩm tính của một Bổn tôn đặc biệt hay phương diện của sự giác ngộ.
- 31- Xem Chương 2, chú thích 67.
- 32- Một A La Hán (nghĩa đen: “bậc đã chiến thắng kẻ thù [nội tại]”) đã đạt được một phần cấp độ giác ngộ bằng cách đi theo cách tiếp cận Tiểu thừa của thực hành Phật Giáo. Ngài (nam hay nữ) đã chứng ngộ sự không hiện hữu của bản ngã của nhân cách cá nhân, và vì thế đã siêu vượt đau khổ và các nguyên nhân của đau khổ trong tương lai. Mặt hạn chế là cấp độ chứng ngộ này chỉ đem lại sự giải thoát cá nhân khỏi vòng luân hồi, và không có lòng bi mẫn cùng phương tiện thiện xảo để giải thoát những người khác

4. Yulokod

- 1- Xem Chương 2, chú thích 40.
- 2- Một sự ám chỉ chuyển du hành của bà tới cõi thuần tịnh của Đức Avalokiteshvara
- 3- “Con kính lễ Đức cao quý Tara.”
- 4- Xem Chương 3, chú thích 2.
- 5- Vàng, bạc, san hô, ngọc trai, và lam ngọc hay bích ngọc.
- 6- Nhờ sự thấy, nghe, xúc chạm, hay tưởng nhớ.
- 7- Lõi cây đàn hương.
- 8- Một mật danh được guru (Đạo sư) ban cho một hành giả trong một lễ quán đảnh để đi vào một trong những kỹ thuật thiền định chính thức của Phật Giáo Kim Cương thừa.
- 9- Trong thuật ngữ chuyên môn của Kim Cương thừa, sự phát khởi hỷ lạc trong thiền định được mô tả là xảy ra trong mười sáu giai đoạn khác nhau. Hình ảnh một thiếu niên hay thiếu nữ mười sáu tuổi được dùng để cô đọng tiến trình này.
- 10- Những tâm thái vô lượng (tứ vô lượng tâm) là từ, bi, hỷ, và xả.
- 11- Một ám chỉ truyền thuyết những thân tướng trắng và xanh lá cây của Đức Tara xuất hiện từ những giọt nước mắt của Đức Avalokiteshvara, Bồ Tát của lòng bi mẫn, để đáp lại nỗi khổ của chúng sinh.
- 12- Tức là với ngón cái giữ đầu ngón áp út co xuống lòng bàn tay và ngón trỏ, ngón giữa, và ngón út duỗi thẳng.
- 13- Tức là với lòng bàn tay hướng ra ngoài, các ngón chỉ thẳng.
- 14- Tất cả những vị này là các Đạo sư Phật giáo hiến mình cho các thực hành thiền định Tara.
- 15- Không nhận diện được; có lẽ là một miền nào đó ở châu Á.
- 16- Đức Avalokiteshvara, Tara, và Padmasambhava.
- 17- Đó là tiến tới sự suy tàn giống như mặt trời chìm xuống đại dương.
- 18- Một từ tập hợp chỉ các lực lượng đối kháng lại niềm vui và hạnh phúc của chúng sinh và sự hưng

thịnh của Phật Pháp.

19- Dấu hiệu bánh xe Pháp (Pháp luân) trên lòng bàn chân và lòng bàn tay là một trong ba mươi hai tướng chính của sự toàn thiện vật lý tô điểm cho thân tướng của một vị Phật.

20- Tên Dawa Drolma (Tara Mặt Trăng) bằng tiếng Phạn.

21- Xem Chương 2, chú thích 1.

22- Ngũ trước (năm suy hoại): suy hoại do suy giảm thọ mạng, phát triển những cảm xúc phiền não, phát triển sự đối kháng các giáo lý tâm linh, phát triển sự tranh chấp và xung đột, và bảo thủ những quan điểm tâm linh.

23- Tức là sự tái sinh trong cõi người được coi là sự hỗ trợ hay nền tảng lý tưởng để thành tựu giải thoát tâm linh.

24- Giòng này có vẻ sai lạc trong bản thảo và đã được sửa lại theo đề nghị của Chagdud Rinpoche. Rinpoche cảm thấy đoạn văn sau đây dễ được chấp nhận hơn: “Nếu các bạn làm lạc nhân và quả, các bạn sẽ phải chịu đau khổ không ngừng dứt.”

25- Trong Phật Giáo Kim Cương thừa, các nghi lễ phức tạp hơn cho phép một hành giả tu tập những kỹ thuật thiền định đặc biệt bao gồm bốn cấp độ quán đảnh.

26- Xem Một Trăm Ngàn Bài Ca của Milarepa, bản dịch của Garma C.C. Chang (Boulder: Shambhala, 1977), quyển 2, từ trang 357 tới 361, “Tseringma và Thực hành Mudra,” về các chi tiết của cuộc gặp gỡ giữa Milarepa và thiên nữ Tseringma. Việc nhắc tới kinh mạch trung ương có liên quan với các thực hành yoga cao cấp trong Phật Giáo Kim Cương thừa.

27- Đó là chú của Dawa Drolma, ngài Drimed Khakyod Wangpo; xem Chương 1.

28- Một thị kiến thuộc nghiệp là một trạng thái của tri giác được tác động lên những chúng sinh bình thường do bởi nghiệp của họ.

29- Cá nhân này, cũng được đề cập tới trong Chương 1, thực sự là hóa thân của cậu của Dawa Drolma, không phải là liên hệ huyết thống của bà. Đó là

Tromge Trungpa, vị đã tiên đoán cho Chagdud Rinpoche là thực hành thiền định chính của ngài Chagdud sẽ là thiền định Tara. Tromge Trungpa mất năm Chagdud Rinpoche được hai mươi ba tuổi, đó là năm 1953 hay 1954.

30- Xem Chương 1, chú thích 44.

5. Cầu thang đưa tới Giải thoát

1- Đây là một ám chỉ Đức Padmasambhava, sự sinh ra kỳ diệu của Ngài từ một hoa sen được tưởng nhớ trong Lời Khấn nguyện Bảy-Giòng. Xem Chương 1, chú thích 2.

2- Bài kệ này là một lời cầu nguyện nổi tiếng dùng để tán thán Đức Avalokiteshvara, Bồ Tát hiện thân lòng bi mẫn của tất cả chư Phật. Giòng thứ hai ám chỉ Đức Phật Amitabha (A Di Đà), Pháp Vương của Liên Hoa bộ; Đức Avalokiteshvara thường được miêu tả với Đức Phật Amitabha an trụ trên đỉnh đầu Ngài.

3- Là một nữ Bồ tôn, Đức Tara là mẫu mực của nguyên lý tánh Không là bản tánh nền tảng của mọi hiện tượng. Tánh Không có thể được coi là “suối nguồn” của tất cả chư Phật (bởi Phật Quả được thành tựu nhờ hoàn toàn chứng ngộ tánh Không) và phạm vi trong đó những phẩm tính được biểu lộ nhờ sự chứng ngộ khai mở đó.

4- Mười thời kỳ mười-hai giờ của ngày và đêm – nói cách khác là trọn năm ngày.

5- “Vua và các thần dân” ám chỉ một nhóm hai mươi lăm người Tây Tạng đã trở thành các đệ tử thân thiết của Đức Padmasambhava khi Ngài lưu trú ở Tây Tạng. Nhóm này gồm có vua Tây Tạng, T'hrisrong Detzan mà trong thời gian trị vì của nhà vua, Đức Padmasambhava đã tới Tây Tạng, và những vị khác (các ngài là những người Tây Tạng nên dĩ nhiên là thần dân của nhà vua), bao gồm hoàng hậu, Đức Yeshe Tsogyal, các tể tướng trong triều đình, các Đạo sư Phật giáo cư sĩ hoặc tu sĩ.

6- Đó là tích tập công đức, tịnh hóa các hậu quả của

những ác hạnh, và tăng trưởng các phẩm tính tích cực của ta.

7- Hư Không Tạng Bồ Tát, một trong tám Bồ Tát chính yếu, thiên định của Ngài đặc biệt hiệu quả trong việc tịnh hóa những hậu quả của các ác hạnh dẫn tới việc tái sinh trong các cõi thấp.

8- Sự tỉnh giác mọi sắc tướng đều là thân tướng của Bản tôn, mọi âm thanh là thần chú, và mọi tư tưởng và hoạt động tinh thần là sự phô diễn của giác tánh nguyên sơ.

9- Thân, ngữ, và tâm.

10- Xem Chương 2, chú thích 67.

11- Xem Chương 1, chú thích 103

12- Xem Chương 3, chú thích 10.